

HSK 3.0 NEW STANDARD • CẤP ĐỘ 3 (SƠ CẤP)

TẬP 2 (2/2) • TỪ #477 - #953

SỔ TAY TỔNG HỢP TỪ VỰNG HSK 3 (3.0)

Bản phát hành chuẩn in ấn A4 được chia nhỏ tiện lợi để dễ dàng tải về, học tập mọi lúc mọi nơi và in ấn đóng sổ tay cầm tay nhỏ gọn.

**TẬP 2: Gồm 477 Từ Vựng Chọn Lọc**

Thứ tự từ #477 đến #953 trên tổng số 953 từ

**Âm Hán Việt Viết Hoa Chuẩn Mực**

Kích hoạt phản xạ từ vựng qua tiếng mẹ đẻ

**Tích Hợp QR Code Tương Tác**

Quét mã nghe phát âm chuẩn & tập viết chữ Hán

⚡ KHÔNG GIAN HỌC TRỰC TUYẾN**Quét Mã QR Để Học & Nghe Phát Âm**

Dùng camera điện thoại quét mã QR để mở ngay kho từ vựng trực tuyến trên FoxHSK: Nghe phát âm giọng Bắc Kinh, tập viết từng nét bút và làm bài trắc nghiệm.

<https://foxhsk.com/vocabulary?standard=3.0&level=3> →





☆ CẤU TRÚC 1 THẺ TỪ VỰNG CHUẨN TRÊN FOXHSK

Áp dụng chuẩn UI V3 đồng bộ toàn hệ thống

HSK 3 (3.0)

Động từ

#477

面对

miàn duì

đối diện, đối mặt với

面对突如其来的严峻挑战，唯有坚定信念、迎难而上，才能在逆境中开辟出崭新的发展天地。

Miàn duì tū rú qí lái de yán jùn tiǎo zhàn, wéi yǒu jiǎn dìng xìn niàn, yíng nán ér shàng, cái néng zài nǐ jìng zhōng kāi pì chū zhǎn xīn de fā zhǎn tiān dì.

Đối diện với những thử thách khắc nghiệt bất ngờ ập đến, chỉ có kiên định niềm tin và dũng cảm đón đầu khó khăn mới có thể mở ra chân trời phát triển hoàn toàn mới trong nghịch cảnh.

22 nét

HÁN VIỆT: DIỆN ĐỐI

1 Cấp độ & Từ loại: Xác định phân loại ngữ pháp (Động từ, Danh từ, Phó từ...) để đặt câu đúng ngữ cảnh.

3 Pinyin Đồ Nổi Bật: Đầy đủ dấu thanh điệu giúp phát âm chuẩn xác ngữ âm phổ thông.

5 Câu Ví Dụ Thực Tế: Ứng dụng từ vựng vào ngữ cảnh câu thực tế, tách riêng 3 dòng rõ ràng: Chữ Hán, Pinyin và bản dịch tiếng Việt.

2 Chữ Hán Tiêu Chuẩn: Kiểu chữ Noto Serif SC rõ ràng, hiển thị đúng từng nét bút chuẩn thi HSK.

4 Nghĩa Tiếng Việt: Bản dịch tự nhiên, chuẩn văn phong tiếng Việt hiện đại.

6 Hán Việt (VIẾT HOA 100%): Chia khóa vàng giúp người Việt hiểu sâu gốc từ, mở rộng vốn từ vựng cấp số nhân!



1. Đòn Bẫy Âm Hán Việt

Tiếng Việt có hơn 70% từ mượn gốc Hán. Học chữ Hán kết hợp âm Hán Việt giúp bạn thuộc từ trong 5 giây mà không cần học vẹt!



2. Ôn Tập Ngắt Quãng SRS

Áp dụng nguyên lý đường cong quên lãng Ebbinghaus: Ôn lại sau 1 ngày, 3 ngày, 7 ngày và 14 ngày trên website FoxHSK với thuật toán SRS.



3. Quét QR Luyện Nghe Nói

Mỗi trang tài liệu đều có mã QR dẫn trực tiếp về bài học trực tuyến để bạn nghe giọng đọc chuẩn và luyện trắc nghiệm phản xạ.

THỐNG KÊ TỪ LOẠI HSK 3 (3.0) • TẬP 2

Tập này: 477 từ vựng

299

Danh từ

109

Động từ

40

Tính từ

4

Đại từ

4

Số & Lượng từ

21

Từ loại khác



HSK 3 (3.0)

Động từ

#477

面对

miàn duì

đối diện, đối mặt với

面对突如其来的严峻挑战，唯有坚定信念、迎难而上，才能在逆境中开辟出崭新的发展天地。

Miàn duì tū rú qí lái de yán jùn tiǎo zhàn, wéi yǒu jiān dìng xìn niàn, yíng nán ér shàng, cái néng zài nǐ jìng zhōng kāi pì chū zhǎn xīn de fā zhǎn tiān dì.

Đối diện với những thử thách khắc nghiệt bất ngờ ập đến, chỉ có kiên định niềm tin và dũng cảm đón đầu khó khăn mới có thể mở ra chân trời phát triển hoàn toàn mới trong nghịch cảnh.

22 nét

HÁN VIỆT: DIỆN ĐỐI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#478

面积

miàn jī

diện tích

经过几代治沙人持之以恒的辛勤造林，我国北方防护林体系建设累计新增了数百万公顷的绿化面积。

Jīng guò jǐ dài zhì shā rén chí zhǐ yǐ héng de xīn qín zào lín, wǒ guó běi fāng fáng hú lín tǐ xì jiàn shè lěi jī xīn zēng le shù bǎi wàn gōng qīng de lǜ huà miàn jī.

Trải qua công cuộc trồng rừng kiên trì bền bỉ của nhiều thế hệ người cải tạo sa mạc, hệ thống rừng phòng hộ phía Bắc nước ta đã gia tăng lũy kế hàng triệu héc-ta diện tích phủ xanh.

20 nét

HÁN VIỆT: DIỆN TÍCH

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#479

民间

mín jiān

dân gian, trong nhân dân, phi chính phủ

国家大力推进非物质文化遗产系统性保护工程，积极扶持民间传统手艺人推陈出新、传承千年文脉。

Guó jiā dà lì tuī jìn fēi wù zhī wén huà yí chǎn xì tǒng xīng bǎo hù gōng chéng, jī jí fú chí mǐn jiān chuán tǒng shǒu gōng yì rén tuī chén chū xīn, chuán chéng qiān nián wén mài.

Nhà nước đẩy mạnh dự án bảo tồn có hệ thống di sản văn hóa phi vật thể, tích cực hỗ trợ các nghệ nhân thủ công truyền thống dân gian đổi mới sáng tạo, kế thừa mạch nguồn văn hóa ngàn năm.

17 nét

HÁN VIỆT: DÂN GIAN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#480

民族

mín zú

dân tộc

各民族共同团结奋斗、共同繁荣发展，是中华民族生生不息、实现伟大复兴的坚实基础。

Gè mín zú gòng tóng tuán jié fèn dòu, gòng tóng fán róng fā zhǎn, shì zhōng huá mín zú shēng shèng bù xī, shí xiàn wèi dà fù xīng de jiān shí jī shí.

Các dân tộc cùng đoàn kết phấn đấu và cùng phát triển thịnh vượng là nền tảng vững chắc để khởi đại đoàn kết các dân tộc trường tồn và phát triển hưng thịnh.

19 nét

HÁN VIỆT: DÂN TỘC

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Động từ

#481

明确

míng què

rõ ràng, dứt khoát, minh xác; làm rõ

在启动重大跨部门协作研发项目前，必须明确界定各个子模块的具体接口规范与交付时间表。

Zài qǐ dòng zhòng dà kuà bù mén xié zuò yán fā xiàng mù qián, bì xū míng què jiè dìng gè gè zǐ mǒ kuài de jù tǐ jiē kǒu guī fàn yǔ jiāo fù shí jiǎn biǎo.

Trước khi khởi động dự án nghiên cứu phát triển phối hợp liên phòng ban trọng đại, nhất thiết phải xác định ranh mạch quy chuẩn giao diện cụ thể và mốc thời gian bàn giao của từng phần hệ.

20 nét

HÁN VIỆT: MINH XÁC

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#482

明显

míng xiǎn

rõ rệt, hiển nhiên, rành rành

自从实施了严格的生活垃圾分类管理举措后，整个居民社区的公共卫生环境得到了极其明显的改善。

Zì cóng shí shī le yán gé de shēng huó fān lèi guǎn lǐ jǔ cuò hòu, zhěng gè jū mín shì qū de gōng gòng wèi shēng huán jīng dé dào le jí qí míng xiǎn de gǎi shàn.

Kể từ sau khi thực thi nghiêm túc các biện pháp quản lý phân loại rác thải sinh hoạt, môi trường vệ sinh công cộng của toàn bộ khu dân cư đã được cải thiện vô cùng rõ rệt.

19 nét

HÁN VIỆT: MINH HIỂN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#483

命运

mìng yùn

số phận, vận mệnh

知识改变命运，勤奋铸就辉煌；无数寒门学子通过发奋攻读改写了自己的人生轨迹。

Zhī shí gǎi biàn mìng yùn, qín fèn zhù jiù huī huáng; wú shù hán mén xué zǐ tōng guò fā fèn gōng dú gǎi xiě le zì jǐ de rén shēng guī jī.

Tri thức thay đổi vận mệnh, sự cần cù kiến tạo nên vinh quang; biết bao học trò nghèo nhờ miệt mài đèn sách đã tự tay viết lại quỹ đạo cuộc đời tươi sáng của chính mình.

25 nét

HÁN VIỆT: MỆNH VẬN

HSK 3 (3.0)

Đại từ

#484

某

mǒu

nào đó, người nào đó, mỗ

在国家重大关键核心技术研发攻坚中，某国家重点实验室成功研制出了首台完全自主知识产权原型机。

Zài guó jiā zhòng dà guān jiàn hé xīn jì shù yán fā gōng jiàn zhòng, mǒu guó jiā zhòng yān shí shì chéng gōng yán zhì chū le shǒu tái wán quán zì zhǔ zhī shǐ chān quán yuán xíng jī.

Trong đợt xung kích nghiên cứu phát triển công nghệ lõi then chốt trọng đại quốc gia, một phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia nào đó đã nghiên cứu chế tạo thành công cỗ máy mẫu thử nghiệm đầu tiên sở hữu quyền sở hữu trí tuệ hoàn toàn tự chủ.

12 nét

HÁN VIỆT: MỠ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#485

母亲

mǔ qīn

mẹ, thân mẫu

母亲那温暖慈祥的目光与默默无闻的悉心关怀，始终是照亮我人生前行道路的明灯。

Mǔ qīn nà wēn nuǎn cí xiáng de mù guāng yǔ mò mò wú wén de xī xīn guān huái, shǐ zhōng shì zhào liàng wǒ rén shēng qián xíng dào lù de míng dēng.

Ánh mắt ấm áp hiền từ cùng sự quan tâm chăm chú âm thầm của mẹ luôn là ngọn hải đăng soi sáng mọi nẻo đường đời con tiến bước.

19 nét

HÁN VIỆT: MẪU THÂN



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#486

木头

mù tou

gỗ, khúc gỗ; đồ dẫn, khúc gỗ
(nghĩa bóng)

老匠人手持雕刻刀在坚硬细腻的红木木头上细心雕琢，片刻间一朵栩栩如生的牡丹花跃然木上。

Lǎo jiàng rén shǒu chí diāo kè dāo dǎo zài jiān yìng xì nì de hóng mù mù tóu shàng xīn xīn diāo zhuó, piàn kè jiān yī duǒ xǔ xǔ rú shēng de mǔ dān huā yuè rán mù shàng.

Người thợ già cầm dao khắc tỉ mỉ đục đẽo trên khúc gỗ gụ cứng cáp mịn màng, loáng một cái một đóa hoa mẫu đơn sống động như thật đã hiện lên tinh xảo trên thớ gỗ.

22 nét

HÁN VIỆT: MỘC ĐẦU

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#487

目标

mù biāo

mục tiêu, đích đến

青年人要立大志、明大德、成大才，将个人的奋斗目标自觉融入国家发展大局之中。

Qīng nián rén yào lì dà zhì, míng dà dé, chéng dà cái, jiāng gè rén de fèn dòu mù biāo zì jué róng rù guó jiā fā zhǎn dà jú zhī zhōng.

Thanh niên cần nuôi chí lớn, rèn luyện đức lớn, lập tài lớn, tự giác hòa quyện mục tiêu phấn đấu cá nhân vào đại cục phát triển chung của đất nước.

22 nét

HÁN VIỆT: MỤC TIÊU

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Phó từ

#488

目前

mù qián

hiện tại, trước mắt, hiện nay

目前，由我国自主研发的新一代高端国产大飞机已正式进入密集商业航线常态化运营阶段。

Mù qián, yóu wǒ guó zì zhǔ yán fā de xīn yí dài gāo duān guó chǎn dà fēi jī yǐ zhèng shì jìn rù mì jí shāng yè háng xiàn cháng tài huà yùn yíng jiē duàn.

Hiện nay, thế hệ máy bay chở khách dân dụng cỡ lớn cao cấp do nước ta tự chủ nghiên cứu phát triển đã chính thức bước vào giai đoạn vận hành thường mại thường thái trên các đường bay dày đặc.

25 nét

HÁN VIỆT: MỤC TIỀN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#489

奶茶

nǎi chá

trà sữa

采用新鲜原叶现萃高山绿茶与纯鲜牛奶调制的低糖新中式奶茶，深受当代年轻消费者的青睐。

Cǎi yòng xīn xiān yuán yè xiàn cuì gāo shān lǜ chá yǔ chún xiān niú nǎi tiáo zhì de dī táng xīn zhōng shì nǎi chá, shēn shòu dāng dài nián qīng xiāo fèi zhě de qīng ài.

Món trà sữa kiểu Trung mới ít đường được pha chế từ sữa tươi nguyên chất và trà xanh núi cao chiết xuất tươi từ lá trà tươi nhận được sự ưa chuộng sâu sắc của đông đảo người tiêu dùng trẻ tuổi thời nay.

25 nét

HÁN VIỆT: NẪI TRÀ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#490

男子

nán zǐ

nam giới, người đàn ông, phái nam

在世界田径锦标赛男子百米决赛中，我国短跑健儿以沉稳发挥勇夺桂冠，创造了亚洲短跑新历史。

Zài shì jiè tián jīng bǎo tiān sài nán zǐ bǎi mǐ jué sài zhōng, wǒ guó duǎn pǎo jiàn ér yǐ chén wěn fā huī yǒng duó guì guān, chuàng zào le yà zhōu duǎn pǎo xīn lì shǐ.

Trong trận chung kết 100 mét nam giới phái nam tại Giải Vô địch Điền kinh Thế giới, tuyển thủ chạy nước rút của nước ta bằng phong độ đỉnh tnh đã xuất sắc đoạt vòng nguyệt quế, tạo nên lịch sử mới cho chạy nước rút châu Á.

24 nét

HÁN VIỆT: NAM TỬ

HSK 3 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#491

南部

nán bù

miền Nam, phía nam, khu vực phía nam

我国南部热带雨林国家公园生物多样性极其丰富，是我国重要的热带种质资源基因宝库。

Wǒ guó nán bù rè dài yǔ lín guó jiā gōng yuán shēng wù duō yàng xìng jí qí fēng fù, shì wǒ guó zhòng yào de rè dài zhòng zhì zī yuán jī yīn bǎo kù.

Công viên Quốc gia Rừng mưa Nhiệt đới ở phía nam miền Nam nước ta sở hữu tính đa dạng sinh học vô cùng phong phú, là kho báu gen tài nguyên giống loài nhiệt đới quan trọng của nước ta.

25 nét

HÁN VIỆT: NAM BỘ

HSK 3 (3.0)

Phó từ

#492

难道

nán dào

lẽ nào, chẳng lẽ

既然我们已经掌握了详实的实验数据与科学论据，难道还不足以证明该理论假说的正确性吗？

Jì rán wǒ men yǐ jīng zhǎng wò le xiáng shí de shí yàn shù jù yǔ kē xué lùn jù, nán dào hái bù zú yǐ zhèng míng gāi lǐ lùn jiǎ shuō de zhèng què xìng ma?

Một khi chúng ta đã nắm trong tay những số liệu thực nghiệm chuẩn xác và luận cứ khoa học vững chắc, lẽ nào lại chưa đủ để chứng minh tính đúng đắn của giả thuyết lý thuyết này sao?

23 nét

HÁN VIỆT: NAN ĐẠO

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#493

难度

nán dù

độ khó, mức độ khó khăn

尽管这项深空探测着陆任务的技术难度极高、风险极大，但科研攻关团队依然圆满实现了精准软着陆。

Jìn guǎn zhè xiàng shēn kōng tàn cè zhuó lù rèn wù de jì shù nán dù jí gāo, fēng xiǎn jí dà, dàn kē yán gōng guān tuán duì yī rán yuán mǎn shí xiàn le jīng zhǔn ruǎn zhuó lù.

Dẫu độ khó mức độ khó khăn kỹ thuật của nhiệm vụ hạ cánh thám trắc không gian sâu này là cực kỳ cao, rủi ro vô cùng lớn, nhưng nhóm xung kích nghiên cứu khoa học vẫn thực hiện hạ cánh mềm chuẩn xác một cách mỹ mãn.

25 nét

HÁN VIỆT: NAN ĐỘ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#494

内

nèi

bên trong, nội bộ, trong vòng

请在收到录取通知书之日起三日内，登录学校系统完成线上学籍确认。

Qǐng zài shōu dào lù qǐ tǒng zhī shù zhī rì qǐ sān rì nèi, dēng lù xué xiào xì tǒng wán chéng xiàn shàng xué jí què rèn.

Xin vui lòng đăng nhập vào hệ thống của trường để hoàn tất xác nhận nhập học trực tuyến trong vòng 3 ngày kể từ khi nhận được giấy báo trúng tuyển.

10 nét

HÁN VIỆT: NỘI


HSK 3 (3.0)

Danh từ

#495

内容

nèi róng

nội dung

这部大型纪录片不仅画面构图极具美感，而且解说内容翔实丰富、引人入胜。

Zhè bù dà xíng jì lù piàn bù jìn huà miàn gòu tú jí měi gài, ér qiě jiě xuǎo nèi róng xiáng shí fēng fù, yǐn rén rù shèng.

Bộ phim tài liệu quy mô lớn này không chỉ có bố cục khung hình tuyệt mỹ mà nội dung thuyết minh cũng vô cùng phong phú, lôi cuốn người xem.

21 nét

HÁN VIỆT : NỘI DUNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#496

内心

nèi xīn

nội tâm, đáy lòng, sâu thẳm tâm hồn

听到国歌在国际赛场上高亢奏响的那一刻，每一位中华儿女的内心都涌动着无比的自豪与激情。

Tīng dào guó gē zài guó jì sài chǎng shàng gāo kàng zōu xiǎng de nà yí kè, měi yí wèi zhōng huá ér nǚ de nèi xīn dōu yǒng dòng zhe wú bǐ de zì háo yǔ jī qíng.

Vào khoảnh khắc quốc ca vang lên hào hùng trên đấu trường quốc tế, trong sâu thẳm đáy lòng nội tâm của mỗi một người con đất Việt/Trung Hoa đều trào dâng niềm tự hào và nhiệt huyết vô bờ bến.

19 nét

HÁN VIỆT : NỘI TÂM

HSK 3 (3.0)

Cụm từ nghi vấn

#497

能不能

néng bu néng

có thể... được không, liệu có thể không

请问您能不能向青年学者深入分享一下在国家重大前沿课题攻坚中如何突破思维定式的心得体会?

Qǐng wèn nín néng bù néng xiàng qīng nián xué zhě shēn rù fēn xiǎng yí xià zài guó jì zhòng dà qián yán kè tí gōng jiān zhōng rú hé tú pò sī wéi dìng shì de xīn dé tǐ huì?

Xin hỏi giáo sư có thể chia sẻ sâu sắc cùng các học giả trẻ về tâm đắc kinh nghiệm làm thế nào để phá vỡ lối mòn tư duy trong các đợt xung kích để tài tiên phong trọng đại quốc gia được không ạ?

31 nét

HÁN VIỆT : NĂNG BẤT NĂNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#498

能力

néng lì

năng lực, khả năng

在日新月异的数字化职场中，终身自主学习能力是决定一个人职业发展高度的核心竞争力。

Zài rì xīn yuè yì de shù zì huà zhí chǎng zhōng, zhōng shēn zì zhǔ xué xí néng lì shì jué dìng yí gè rén zhì yè fā zhǎn gāo dù de hé xīn jīng zhēng lì.

Trong môi trường làm việc số hóa biến chuyển từng ngày, năng lực tự học suốt đời là sức mạnh cạnh tranh cốt lõi quyết định tầm cao sự nghiệp của mỗi cá nhân.

18 nét

HÁN VIỆT : NĂNG LỰC

HSK 3 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#499

年初

nián chū

đầu năm, hồi đầu năm

自今年年初国家重大科技攻关项目启动实施以来，各项研发任务均按既定里程碑节点高质量推进。

Zì jīn nián nián chū guó jiā zhòng dà kē jì gōng guān xiàng mù qǐ dòng shí shǐ yǐ lái, gè xiàng yán fā rèn wù jūn àn jì dìng lǐ chéng bēi jié diǎn gāo zhì liàng tuī jìn.

Kể từ hồi đầu năm đầu năm nay khi dự án vượt khó khoa học công nghệ trọng đại quốc gia được khởi động thực thi, tất cả các nhiệm vụ nghiên cứu phát triển đều được thúc đẩy chất lượng cao theo đúng các cột mốc đề ra.

18 nét

HÁN VIỆT : NIÊN SƠ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#500

年代

nián dài

thời đại, niên đại, thập kỷ

上世纪六十年代老一辈科学家在戈壁荒漠里隐姓埋名、艰苦创业，铸就了“两弹一星”的不朽丰碑。

Shàng shí jì liù shí nián dài lǎo yī bèi kē xué jiā zài gē bì huāng mò lǐ yīn xìng mái míng, jiān kǔ chuàng yè, zhù jiù le "liǎng dàn yī xīng" de bù xiǔ fēng bēi.

Vào những năm 60 của thế kỷ trước, các thế hệ nhà khoa học tiên bối đã ẩn danh cống hiến nơi sa mạc hoang vu, vượt qua bao gian khổ để dựng xây nên tượng đài bất tử "Hai quả bom, một vệ tinh".

18 nét

HÁN VIỆT : NIÊN ĐẠI

HSK 3 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#501

年底

nián dǐ

cuối năm, dịp cuối năm

在每年年底举行的科技创新表彰大会上，对在关键核心技术攻坚中作出突出贡献的优秀团队予以重奖。

Zài měi nián nián dǐ jǔ xíng de kē jì chuàng xīn biǎo chāng dà huì shàng, duì zài guān jiàn zhī shù jī chéng guān jī zhōng zuò chū tū chū gòng xiàn de yōu xiù tuán duì yǔ yǐ zhòng jiǎng.

Tại Đại hội Biểu dương Đổi mới Sáng tạo Khoa học Công nghệ tổ chức vào dịp cuối năm cuối năm hàng năm, các nhóm xuất sắc lập nên công hiến kiệt xuất trong trận đánh vượt khó công nghệ lõi then chốt đều được trao thưởng lớn.

18 nét

HÁN VIỆT : NIÊN ĐỂ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#502

年纪

nián jì

tuổi tác, tuổi

这位老院士虽然已到期颐之年，依然精神矍铄，每天坚持指导青年科研团队攻克学术难题。

Zhè wèi lǎo yuàn shì suī rán yǐ dào qī yǐ zhī nián, yī rán jīng shén jué shuò, měi tiān jiān chí zhǐ dǎo qīng nián kè yán tuán duì gōng kè xué shù nán tí.

Vị viện sĩ lão thành này tuy tuổi tác đã gần trăm tuổi nhưng tinh thần vẫn quắc thước minh mẫn, mỗi ngày đều kiên trì hướng dẫn các nhà nghiên cứu trẻ chinh phục những đề tài học thuật hóc búa.

20 nét

HÁN VIỆT : NIÊN KỶ

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#503

念

niàn

đọc to, đọc tụng; suy nghĩ, nhớ nhung; ý niệm

早读课上，同学们全神贯注地念着经典诗文名篇，琅琅书声回荡在美丽的校园走廊之间。

Zǎo dú kè shàng, tóng xué men quán shén guān zhù dì niàn zhe jīng diǎn shī wén míng piān, láng láng shū shēng huí dǎng zài měi lì de xiào yuán zōu láng zhī jiān.

Trong tiết đọc sách sáng sớm, các bạn học sinh chăm chú tập trung đọc to các bài thơ văn kinh điển danh tiếng, tiếng đọc sách rộn rã ngân vang khắp hành lang khuôn viên trường tươi đẹp.

10 nét

HÁN VIỆT : NIỆM


HSK 3 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#504

牛

niú

 con bò, trâu bò; cừ khôi, xuất sắc
(khẩu ngữ)

我们要大力发扬为民服务孺子牛、创新发展拓荒牛、艰苦奋斗老黄牛的“三牛”精神。

Wǒ men yào dà lì fā yáng wèi mǐn fú wú rú zǐ niú, chuàng xīn fā zhǎn tuò huāng niú, jiǎn kǔ fèn dòu lǎo huáng niú de "sān niú" jīng shén.

Chúng ta cần ra sức phát huy tinh thần 'Ba con trâu con bò': con trâu cùc cung phục vụ nhận dân, con trâu khai hoang đổi mới phát triển và con trâu vàng cần cù phấn đấu gian khổ.

9 nét

 HÁN VIỆT : **NGƯU**
HSK 3 (3.0)

Danh từ

#505

农村

nóng cūn

nông thôn, làng quê

随着美丽乡村振兴战略的深入推进，如今农村的生态环境与基础设施发生了巨大变化。

Suí zhe měi lì xiāng cūn zhèn xīng zhàn lüè de shēn rù tuī jìn, rú jīn nóng cūn de shēng tài rén jū huán jīng yǔ jī chǔ shè shī fǎ shēng le jù dà biàn huà.

Cùng với việc triển khai sâu rộng chiến lược xây dựng nông thôn mới tươi đẹp, ngày nay cảnh quan môi trường sống và cơ sở hạ tầng ở vùng nông thôn đã có những bước chuyển mình to lớn.

23 nét

 HÁN VIỆT : **NÔNG THÔN**
HSK 3 (3.0)

Danh từ

#506

农民

nóng mín

nông dân, người làm nông

广大农民群众用勤劳的双手耕耘沃野田畴，筑牢了国家粮食安全的最坚实底线。

Guǎng dà nóng mín qún zhòng yòng qín láo de shuāng shǒu gēng yún wò yě tián chóu, zhù láo le guó jiā liáng shí ān quán de zuì jiān shí dǐ xiàn.

Đồng đảo bà con nông dân bằng đôi bàn tay cần cù chăm chỉ cày cấy trên những cánh đồng màu mỡ, đã dựng xây nền phòng tuyến vững chắc nhất cho an ninh lương thực quốc gia.

21 nét

 HÁN VIỆT : **NÔNG DÂN**
HSK 3 (3.0)

Danh từ

#507

农业

nóng yè

nông nghiệp

现代数字农业深度融合了卫星遥感、物联网与智能水肥一体化灌溉技术，实现了精准高效耕作。

Xià dài shù zì nóng yè shēn dù róng hé le wèi xīng yáo gǎn, wú lián wǎng yǔ zhì néng shuǐ féi yī tǐ huà guǎn gài jì shù, shí xiàn le jīng zhǔn gāo xiào gēng zuò.

Nông nghiệp kỹ thuật số hiện đại kết hợp sâu sắc công nghệ viễn thám vệ tinh, Internet vạn vật (IoT) cùng kỹ thuật tưới phân bón thông minh khép kín, hiện thực hóa canh tác chuẩn xác hiệu quả cao.

22 nét

 HÁN VIỆT : **NÔNG NGHIỆP**
HSK 3 (3.0)

Danh từ

#508

女子

nǚ zǐ

nữ giới, người phụ nữ, phái nữ

在国际排联女子排球世界锦标赛上，中国女排姑娘们凭借顽强拼搏、永不言败的坚韧毅力勇夺世界冠军。

Zài guó jì pái lián nǚ zǐ pái qiú shì jiè jīn biāo sài shàng, zhōng guó nǚ pái gū niáng men píng jiè wán qiáng pīn bó, yǒng bù yán bài de jiǎn rèn yì lì yǒng duó shì jiè guān jūn.

Tại Giải Vô địch Bóng chuyền Nữ giới Thế giới, các cô gái bóng chuyền nữ đã nhờ vào nghị lực kiên cường ngoan cường chiến đấu, không bao giờ chịu khuất phục để xuất sắc đoạt ngôi vô địch thế giới.

21 nét

 HÁN VIỆT : **NỮ TỬ**
HSK 3 (3.0)

Tính từ

#509

暖和

nuǎn huo

ấm áp, làm ấm

春回大地，微风吹拂，天气逐渐变得晴朗暖和起来。

Chūn huí dà dì, wēi fēng chuī fú, tiān qì zhú jiàn biàn dé qíng lǎng nuǎn huo qǐ lái.

Mùa xuân trở lại, gió nhẹ mơn man, thời tiết dần trở nên quang đãng và ấm áp hẳn lên.

21 nét

 HÁN VIỆT : **NOǺN HOǺ**
HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#510

拍

pāi

chụp (ảnh), quay (phim); vỗ, đập; cái vợt

科考队员用高倍专业遥感无人机拍下了雪域高原珍稀濒危野生动物在雪山峡谷间奔跑的珍贵画面。

Kē kǎo duì yuán yòng gāo bèi zhuān yè yáo gǎn fú rēn jī pāi xià le xuě yù gāo yuán zhēn xī bīn wēi yě shēng dòng wù zài xuě shān xiá gǔ jiān bēn pǎo de zhēn guì huà miàn.

Đội viên khảo sát khoa học đã dùng máy bay không người lái viễn thám chuyên dụng độ phóng đại cao quay chụp lại những thước phim vô giá về các loài động vật hoang dã quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng đang chạy giữa hẻm núi tuyết trên cao nguyên tuyết trắng.

10 nét

 HÁN VIỆT : **PHÁCH**
HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#511

排名

páimíng

xếp hạng, thứ hạng, bảng xếp hạng

我国在世界知识产权组织发布的全球创新指数综合排名中持续稳步攀升，稳居全球创新型国家前列。

Wǒ guó zài shì jiè zhī shǐ zhī chǎn quán zǐ zhī fā bù de quán qiú chuàng xīn zhǐ shù zōng hé pái míng zhōng chí xù wěn bù pān shēng, wěn jū quán qiú chuàng xīn guó jiā qián liè.

Nước ta trên bảng xếp hạng thứ hạng tổng hợp Chỉ số Đổi mới Sáng tạo Toàn cầu do Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới công bố liên tục thăng hạng vững chắc, đứng vững trong hàng ngũ các quốc gia đổi mới sáng tạo dẫn đầu thế giới.

25 nét

 HÁN VIỆT : **BÀI DANH**
HSK 3 (3.0)

Danh từ

#512

牌子

páizi

 biển hiệu, tấm biển; thương hiệu
nhãn hiệu

国家重点实验室大门前悬挂着金字招牌，代表着国家在这一尖端科学领域的最高学术荣誉与战略使命。

Guó jiā zhòng diǎn shí yàn shì dà mén qián xuán guà zhe jīn zì zhāo pái, dài biǎo zhe guó jiā zài zhè yī jiān duān kē xué lǐng yù de zuì gāo xué shù róng yù yǔ zhàn lüè shǐ mìng.

Trước cổng phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia treo tấm biển biển hiệu chữ vàng danh giá, đại diện cho sứ mệnh chiến lược và danh dự học thuật cao nhất của đất nước trong lĩnh vực khoa học mũi nhọn này.

19 nét

 HÁN VIỆT : **BÀI TỬ**



HSK 3 (3.0)

Động từ

#513

派

pài

gửi

老师鼓励大家积极派，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí pài, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực gửi, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

9 nét

HÁN VIỆT PHÁI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#514

判断

pàn duàn

phán đoán, nhận định, đánh giá

在瞬息万变的金融投资市场中，凭借客观翔实的数据做出精准理性的趋势判断至关重要。

Zài shùn xī wàn biàn de jīn róng tóu zī shì chǎng zhōng, píng jiè kè guān xiáng shí de shù jù zuò chū jīng zhǔn lǐ xing de qū shì pàn duàn zhì guān zhòng yào.

Trên thị trường đầu tư tài chính biến đổi trong từng chớp mắt, việc dựa vào số liệu khách quan chuẩn xác để đưa ra phán đoán xu hướng một cách lý tính là vô cùng quan trọng.

19 nét

HÁN VIỆT PHÁN ĐOẠN

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#515

胖

pàng

béo

通过半年科学规律的体育锻炼与健康饮食，他成功减重，不再显得臃肿发胖。

Tōngguò bàn nián kē xué guī lǜ de tǐ yù duàn liàn yǔ jiàn kāng yǐn shí, tā chéng gōng jiǎn zhòng, bú zài xiǎn de yōng zhǒng fā pàng.

Nhờ nửa năm kiên trì tập thể dục khoa học và ăn uống lành mạnh, anh ấy đã giảm cân thành công, không còn cảm giác thừa cân béo phì nữa.

13 nét

HÁN VIỆT BÀN

HSK 3 (3.0)

Động từ

#516

跑步

pǎo bù

chạy bộ

我喜欢早上去跑步。
Wǒ xǐ huan zǎo shàng qù pǎo bù.
Tôi thích đi chạy bộ vào buổi sáng.

23 nét

HÁN VIỆT BẢO BỘ

HSK 3 (3.0)

Động từ / Tính từ

#517

配

pèi

phối, phối hợp, pha trộn; xứng đôi

新落成的国家超级计算中心全面配备了国际领先的液冷散热与高密度运算集群系统。

Xīn luò chéng de guó jiā chāo jí jì suàn zhōng xīn quán miàn pèi bèi le guó jì lǐng xiān de yè lěng sàn rè yǔ gāo mì dù yùn suàn jí qún xì tǒng.

Trung tâm Siêu máy tính Quốc gia mới khánh thành được trang bị phối trí toàn diện hệ thống cụm tính toán mật độ cao và tản nhiệt làm mát bằng chất lỏng hàng đầu quốc tế.

14 nét

HÁN VIỆT PHỐI

HSK 3 (3.0)

Động từ / Tính từ

#518

配合

pèi hé

phối hợp, kết hợp ăn ý; thích hợp

在重大航天交会对接任务中，地面测控中心与在轨航天员乘组精密配合，圆满完成了全套操作。

Zài zhòng dà háng tiān jiāo huì duì jiē rèn wù zhōng, dì miàn cè kòng zhōng xīn yǔ zài guǒ háng tiān yuán chéng zǔ jīng mì pèi hé, yuán mǎn wán chéng le quán tào cǎo zuò.

Trong nhiệm vụ ghép nối tàu vũ trụ quan trọng, trung tâm điều khiển mặt đất cùng phi hành đoàn trên quỹ đạo đã phối hợp chuẩn xác tuyệt đối, hoàn thành xuất sắc toàn bộ quy trình thao tác.

23 nét

HÁN VIỆT PHỐI HỢP

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#519

批评

pī píng

phê bình, chỉ trích

面对导师严肃认真的建设性学术批评，他虚心接受并对论文中的漏洞进行了全面修正。

Miàn duì dǎo shī yán sù zhēn zhèng de jiàn shè xìng xué shù pī píng, tā xū xīn jiē shòu bìng duì lùn wén zhōng de lòu dòng jìn xíng le quán miàn xiū zhèng.

Đứng trước những lời phê bình học thuật nghiêm cần mang tính xây dựng của thầy hướng dẫn, bạn ấy đã khiêm tốn tiếp thu và chỉnh sửa toàn diện các lỗi hỏng trong bài luận.

21 nét

HÁN VIỆT PHÊ BÌNH

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#520

批准

pī zhǔn

phê chuẩn, chuẩn y, phê duyệt

经国家发改委与科技部正式立项批准，该前沿大科学装置实验基地在综合性国家科学中心正式开工建设。

Jīng guó jiā fā gǎi wēi yú kē jì bù zhèng shì lì xiàng pī zhǔn, gāi qián yán dà kē xué zhuāng zhì shí yàn jī dì zài zōng hé xíng guó jiā kē xué zhōng xīn zhèng shì kāi gōng jiàn shè.

Được Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia cùng Bộ Khoa học Công nghệ chính thức phê chuẩn lập dự án, căn cứ thực nghiệm công trình khoa học lớn tiên phong này đã chính thức khởi công xây dựng tại trung tâm khoa học quốc gia tổng hợp.

22 nét

HÁN VIỆT PHÊ CHUẨN

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#521

皮

pí

da (người, động vật); vỏ (cây, quả); bướng bỉnh

传统北京烤鸭讲究将烤得金黄酥脆的鸭皮蘸上白糖食用，入口即化、香脆可口。

Chuán tǒng běi jīng kǎo yā jiāng kǎo dé jīn huáng sù cuī de yā pí zhān shàng bái táng sù yòng, rù kǒu jí huà, xiāng cuī kě kǒu.

Món vịt quay Bắc Kinh truyền thống rất chú trọng việc dùng phần da vịt nướng vàng ươm giòn rụm chấm vào đường trắng mịn để thưởng thức, tan ngay trong miệng, thơm giòn đậm đà khó cưỡng.

10 nét

HÁN VIỆT BÌ



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#522

皮包

pí bāo

túi da, cặp da, ví da

老教授每天都提着这只装满学术手稿与参考书籍的深棕色皮包，风雨无阻地来到教室为学生授课。

Lǎo jiào shòu měi tiān dōu tí zhe zhè zhī zhuāng mǎn xué shù shǒu gǎo yǔ cān kǎo shū jǐ de shēn zōng sè pí bāo, fēng yǔ wú zǔ dì lái dào jiào shì wéi xué shēng shòu kè.

Vị giáo sư già mỗi ngày đều xách chiếc túi da cặp da màu nâu sẫm đựng đầy sách tham khảo và bản thảo học thuật này, mưa nắng không ngại tới lớp học giảng dạy cho sinh viên.

19 nét

HÁN VIỆT: BÌ BAO

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#523

啤酒

pí jiǔ

bia

炎炎夏日，三五好友聚在露天大排档吃烧烤、畅饮冰镇鲜啤酒，真是快意人生。

Yán yán xià rì, sān wǔ hǎo yǒu jù zài lù tiān dà pái dǎng chī shāo kǎo, chàng yǐn bīng zhēn xiān pī jiǔ, zhēn shì kuài yì rén shēng.

Giữa trưa hè oi ả, vài ba người bạn tụ tập bên quán nướng vỉa hè ăn đồ nướng và uống bia tươi ướp lạnh, quả là sảng khoái tuyệt vời.

26 nét

HÁN VIỆT: BIA TỪ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#524

票价

piào jià

giá vé

国家大剧院面向青年学生与社会公众推行公益低价政策，让高雅艺术惠及更广大的基层群众。

Guó jiā dà jù yuàn miàn xiàng qīng nián xué shēng yǔ shè huì gōng zhòng tuī xíng gōng yì dì piào jià zhèng cè, ràng gāo yǎ yì shù huì jí gèng guǎng dà de jī céng qún zhòng.

Nhà hát Lớn Quốc gia triển khai chính sách giá vé công ích thấp hướng tới công chúng xã hội và học sinh sinh viên thanh niên, để nghệ thuật thanh cao tiếp cận phục vụ đông đảo quần chúng cơ sở.

22 nét

HÁN VIỆT: PHIẾU GIÁ

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#525

评价

píng jià

đánh giá, nhận xét, thẩm định

国际同行权威专家对该科研团队在拓扑绝缘体物理机制方面取得的原创性突破给予了极高的学术评价。

Guó jì tóng háng quán wēi zhuan jiā duì gāi kē yán tuán duì zài tuō pǔ jué yuán tǐ wù lǐ jī zhì fāng miàn qǔ dé de yuán chuàng xìng tú pō jī yú le jī gāo de xué shù píng jià.

Các chuyên gia uy tín đồng nghiệp quốc tế đã dành sự đánh giá học thuật rất cao cho những bước đột phá mang tính nguyên tắc của nhóm nghiên cứu về cơ chế vật lý chất cách điện tô-pô.

25 nét

HÁN VIỆT: BÌNH GIÁ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#526

苹果

píng guǒ

quả táo

我喜欢吃苹果。

Wǒ xǐ huan chī píng guǒ.

Tôi thích ăn táo.

23 nét

HÁN VIỆT: BÌNH QUẢ

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Động từ

#527

破

pò

vỡ, rách, hỏng; phá vỡ, đánh tan, giải quyết

科研人员勇于打破传统学术教条定式，在前瞻性基础理论研究中取得了多项突破性原创成果。

Kē yán rén yuán yǒng yú dǎ pò chuán tǒng xué shù jiào tiáo dìng shì, zài qián zhān xīng jī zhǔ lì lùn yán jiū zhōng qǔ dé le duō xiàng tuō xīng yuán chuàng chéng guǒ.

Các cán bộ nghiên cứu khoa học dũng cảm phá vỡ đập tan lối mòn giáo điều học thuật truyền thống, đạt được nhiều thành quả nguyên tắc mang tính đột phá trong nghiên cứu lý luận cơ bản nhìn xa trông rộng.

8 nét

HÁN VIỆT: PHÁ

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#528

破坏

pò huài

phá hoại, hủy hoại, làm tổn hại

严厉禁止任何人在国家自然保护区核心区域内从事开矿、砍伐等破坏生态红线的违法活动。

Yán lì jìn zhǐ rèn hé rén zài guó jiā zì rán bǎo hù qū hé xīn qū yù nèi cóng shí kāi kuàng, kǎn fá děng pò huài shēng tài hóng xiàn de wéi fǎ huó dòng.

Nghiêm cấm tuyệt đối bất kỳ ai tiến hành các hoạt động khai khoáng, chặt phá rừng vi phạm pháp luật hủy hoại lần ranh đỏ sinh thái bên trong vùng lõi khu bảo tồn thiên nhiên quốc gia.

16 nét

HÁN VIỆT: PHÁ HOẠI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#529

普遍

pǔ biàn

phổ biến, phổ quát

随着低碳绿色出行理念深入人心，乘坐公共交通与骑共享单车已经成为公众普遍接受的生活方式。

Suí zhe dī tàn lǜ sè chū xíng lǐ niàn shēn rù rén xīn, chéng zuò gōng gòng jiāo tōng yǔ qí gòng xiāng chē dān chē yí jīng chéng wéi gōng zhòng pǔ biàn jiē shòu de shēng huó fāng shì.

Khi lối sống xanh giảm phát thải ăn sâu vào tiềm thức mọi người, việc đi phương tiện công cộng và đạp xe đạp công cộng đã trở thành thói quen phổ biến được đông đảo người dân đón nhận.

18 nét

HÁN VIỆT: PHỔ BIẾN

HSK 3 (3.0)

Động từ / Tính từ

#530

普及

pǔ jí

phổ cập, phổ biến rộng rãi

国家全面普及九年义务教育并大力推进优质均衡发展，有效保障了每一个适龄儿童享有公平优质教育的权利。

Guó jiā quán miàn pǔ jí jiǔ nián yì wù jiào yù bìng dà lì tuī jìn yōu zhì píng hé fā zhǎn, yǒu xiào bǎo zhàng le měi yí gè shì líng ér tóng xiǎng yǒu gōng píng yōu zhì jiào yù de quán lì.

Nhà nước phổ cập toàn diện giáo dục nghĩa vụ chín năm và đẩy mạnh phát triển cân bằng chất lượng cao, bảo đảm hiệu quả quyền được thụ hưởng nền giáo dục bình đẳng chất lượng cao của mọi trẻ em đúng độ tuổi.

18 nét

HÁN VIỆT: PHỔ CẬP



HSK 3 (3.0)

Danh từ / Lượng từ

#531

期
qī

kỳ, thời kỳ, giai đoạn; số (báo/tạp chí)

在最新一期国际权威科学期刊上, 我国青年研究团队发表了在量子调控领域的最新突破性原创论文。

Zài zuì xīn yī qī guó jī quán wēi kē xué qī kān shàng, wǒ guó qīng nián yán jiū tuán duì fā biào le zài liàng zǐ tiáo kòng lǐng yù de zuì xīn tǔ pō xīng yuán chuàng lǚn wén.

Trên số kỳ mới nhất của tạp chí khoa học có thẩm quyền quốc tế, nhóm nghiên cứu thanh niên nước ta đã công bố bài báo khoa học nguyên tác mang tính đột phá mới nhất trong lĩnh vực điều khiển lượng tử.

10 nét

HÁN VIỆT: KỠ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#532

齐
qí

Tề

老师鼓励大家积极齐, 勇于探索新的知识。lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí qí, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Tề, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

10 nét

HÁN VIỆT: TỀ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#533

其次
qí cì

thứ hai, tiếp theo, thứ yếu

学好一门外语首先要建立持久的兴趣, 其次要掌握科学的记忆法则并持之以恒地实践。

Xué hǎo yī mén wài yǔ shǒu xiān yào jiàn lì chí jiǔ de xìng qù, qí cì yào zhǎng wò kē xué de jì yì fǎ zé bìng chí zhǐ yǐ héng dì shí jiàn.

Học giỏi một ngoại ngữ trước hết phải gây dựng được niềm say mê lâu bền, thứ đến là phải nắm vững phương pháp ghi nhớ khoa học và kiên trì thực hành bền bỉ.

23 nét

HÁN VIỆT: KỠ THỨ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#534

其实
qí shí

Trên thực tế

许多人总觉得中文声调很难, 其实只要找对方法并每天跟读模仿, 很快就能掌握。

Xǔ duō rén zǒng jué de Zhōngwén shēngdiào hěn nán, qí shí zhǐ yào zhǎo duì fāng fǎ bìng měitiān gēndú mófǎng, hěn kuài jiù néng zhǎngwò.

Nhiều người cứ nghĩ thanh điệu tiếng Trung rất khó, thực ra chỉ cần tìm đúng phương pháp và kiên trì nhại giọng mỗi ngày thì sẽ nắm bắt rất nhanh.

21 nét

HÁN VIỆT: KỠ THỰC

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Động từ

#535

奇怪
qí guài

kỳ lạ, kỳ quái lạ lùng; lầy lăm lạ

地质学家在青藏高原万米深层钻探中发现了一种结构奇怪的远古矿物结晶, 引起了国际矿物学界的极大兴趣。

Dì zhì xué jiā zài qīng zàng gāo yuán wàn mǐ shēn céng zuān tàn zhōng fā xiàn le yī zhǒng jié gòu qí guài de yuǎn gǔ kuàng wù jié jīng, yīn qǐ le guó jī kuàng wù xué jiè de jí dà xìng qù.

Các nhà địa chất học trong đợt khoan thăm dò tầng sâu vạn mét trên cao nguyên Thanh Tạng đã phát hiện ra một loại tinh thể khoáng vật cổ xưa có cấu trúc kỳ lạ lạ lùng, thu hút sự quan tâm to lớn của giới khoáng vật học quốc tế.

22 nét

HÁN VIỆT: KỠ QUÁI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#536

气候
qì hòu

khí hậu

昆明四季如春、气候温和湿润, 因而享有举世闻名的“春城”美誉。

Kūn míng sì jì rú chūn, qì hòu wēn hé shī rùn, yīn ér xiāng yǒu jù shì wén míng de "chūn chéng" měi yù.

Côn Minh bốn mùa ấm áp như mùa xuân, khí hậu ôn hòa mát mẻ dễ chịu nên được xưng tụng danh xưng 'Thành phố Mùa Xuân' lừng danh thế giới.

22 nét

HÁN VIỆT: KHÍ HẬU

HSK 3 (3.0)

Phó từ

#537

千万
qiān wàn

nhất thiết, tuyệt đối (khuyên can); hàng chục triệu

在实验室配比易燃化学试剂时, 千万要严格遵守防火防爆操作规程, 切勿大意。

Zài shí yàn shì pèi bǐ yì rán huà xué shì jì shí, qiān wàn yào yán gé zūn shǒu fáng huǒ fáng bào cāo zuò guī chéng, qiè wù dà yì.

Khi pha chế các hóa chất dễ cháy nổ trong phòng thí nghiệm, nhất thiết phải tuyệt đối tuân thủ quy trình an toàn phòng chống cháy nổ, chớ nên lơ là bất cẩn.

20 nét

HÁN VIỆT: THIÊN MẶC

HSK 3 (3.0)

Danh từ chỉ phương vị / Thời gian

#538

前后
qián hòu

trước sau, trước và sau; khoảng chừng

在国家重大科学工程发射前后, 全体测控人员始终保持二十四小时高度警惕与精确测控。

Zài guó jiā zhòng dà kē xué gōng chéng fā shè qián hòu, quán tǐ cè kòng rén yuán shì zhōng bǎo chí èr shí sì xiǎo shí gāo dù jǐng tì yǔ jīng què cè kòng.

Trong khoảng thời gian trước và sau trước sau khi phóng công trình khoa học trọng đại quốc gia, toàn thể nhân viên đo đạc điều khiển luôn duy trì cảnh giác cao độ 24/24 và đo đạc điều khiển chuẩn xác.

22 nét

HÁN VIỆT: TIỀN HẬU

HSK 3 (3.0)

Động từ

#539

前进
qián jìn

tiến lên, tiến về phía trước

新时代的中国青年要勇立时代潮头, 不畏任何艰难险阻, 向着中华民族伟大复兴的光辉彼岸奋勇前进。

Xīn shí dài de zhōng guó qīng nián yào yǒng lì shí dài cháo tóu, bù wèi rèn hé jiān nán xiǎn zǔ, xiàng zhe zhōng huá mín zú wéi dà fù xīng de guāng huī bǐ àn fèn yǒng qián jìn.

Thanh niên Trung Quốc thời đại mới cần dũng cảm đứng trên đầu ngọn sóng thời đại, không sợ bất kỳ muôn trùng gian nan hiểm trở nào, dũng mãnh tiến lên tiến về phía trước hướng tới bến bờ rực rỡ của sự phục hưng vĩ đại dân tộc.

22 nét

HÁN VIỆT: TIỀN TIẾN


HSK 3 (3.0)

Phương vị từ

#540

前面

qián miàn

phía trước, đằng trước

学校就在前面。

Xuéxiào jiù zài qiánmiàn.

Trường học ở ngay phía trước.

24 nét

HÁN VIỆT : TIỀN DIỆN

HSK 3 (3.0)

Động từ

#541

前往

qiánwǎng

đi tới, lên đường đến (nơi chốn)

由顶尖地质学家组成的国家科考队整装出发，前往青藏高原腹地开展新一轮综合地质科学考察。

Yóu dīng jiān dì zhì xué jiā zǔ chéng de guó jiā kǎo kǎo duì zhèng zhuāng chū fā, qiánwǎng qīng zàng gāo yuán fù dì kǎi zhǎn xīn yī lún zōng hé dì zhì kē xué kǎo chá.

Đội khảo sát khoa học quốc gia gồm các nhà địa chất học hàng đầu đã thu xếp hành trang lên đường xuất phát, đi tới lên đường đến vùng lõi cao nguyên Thanh Tạng để triển khai đợt khảo sát khoa học địa chất tổng hợp mới.

26 nét

HÁN VIỆT : TIỀN VǎNG

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#542

强

qiáng

mạnh mẽ, kiên cường, vượt trội

我们要加快建设科技强国、人才强国，不断提升国家战略科技力量与国际核心竞争力。

Wǒ men yào jiā sù jiàn shè kē jì qiáng guó, rén cái cái qiáng guó, bù duàn tí shēng guó jiā zhàn lüè kē jì lì liàng yǔ guó jì hé xīn jīng zhēng lì.

Chúng ta phải đẩy nhanh xây dựng cường quốc nhân tài mạnh mẽ, cường quốc khoa học công nghệ, không ngừng nâng cao sức mạnh khoa học công nghệ chiến lược quốc gia và năng lực cạnh tranh cốt lõi quốc tế.

12 nét

HÁN VIỆT : CƯỜNG

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#543

强大

qiáng dà

hùng mạnh, to lớn mạnh mẽ

强大的综合国力与高水平科技自立自强，是我们从容应对一切外部风险挑战的最大底气与坚实后盾。

Qiáng dà de zōng hé guó lì yǔ gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng, shì wǒ men cóng róng yìng duì yī qiè wài bù fēng xiǎn tiǎo zhàn de zuì dà dǐ qì yǔ jiān shí hòu dùn.

Năng lực tổng thể quốc gia hùng mạnh to lớn cùng sự tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao là điểm tựa vững chắc và sự tự tin lớn nhất để chúng ta ung dung ứng phó với mọi rủi ro thách thức từ bên ngoài.

23 nét

HÁN VIỆT : CƯỜNG ĐẠI

HSK 3 (3.0)

Động từ

#544

强调

qiáng diào

nhấn mạnh, nêu bật

项目负责人在技术评审总结会上反复强调，项目安全防护与数据隐私合规是不可逾越的红线。

Xiàng mù fù zé rén zài jì shù píng shěn zǒng jié huì shàng fǎn fù qiáng diào, xī tǒng ān quán fáng hú yǔ shù jù yīn sī hé guī shì bù kě yú yuè de hóng xiàn.

Người phụ trách dự án tại hội nghị tổng kết thẩm định kỹ thuật đã liên tục nhấn mạnh rằng, an toàn phòng hộ hệ thống và tuân thủ bảo mật dữ liệu là lằn ranh đỏ bất khả xâm phạm.

23 nét

HÁN VIỆT : CƯỜNG ĐIỀU

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#545

强烈

qiáng liè

mãnh liệt, mạnh mẽ, gay gắt

对于未知浩瀚宇宙的强烈好奇心与探索欲，始终是指引一代代天文学家探索星辰大海的动力灯塔。

Duì yú wèi zhī hào hàn yǔ zhòu de qiáng liè hào qí xīn yǔ tàn suǒ yù, shǐ zhōng shì zhǐ yīn yí dài dài tiān wén xué jiǎ tàn suǒ xīng chén dà hǎi de dòng lì dēng tǎ.

Niềm hiếu kỳ mãnh liệt cùng khát vọng khám phá vũ trụ bao la vô tận luôn là ngọn hải đăng động lực dẫn đường cho các thế hệ nhà thiên văn học tiến về biển sao muôn trùng.

24 nét

HÁN VIỆT : CƯỜNG LIỆT

HSK 3 (3.0)

Động từ

#546

桥

qiáo

cầu

老师鼓励大家积极桥，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī qí qiáo, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực cầu, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

14 nét

HÁN VIỆT : KIỂU

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#547

巧

qiǎo

khéo léo, tài tình; trùng hợp tình cờ

民间非遗剪纸艺人用一把普普通通的剪刀和一双巧手，剪出了栩栩如生的百鸟朝凤图。

Mín jiān fēi yí jiǎn zhǐ yì rén yòng yī bǎ pǔ pǔ tōng tōng de jiǎn dāo hé yī shuāng qiǎo shǒu, jiǎn chū le xǔ xǔ rú shēng de bǎi niǎo cháo fēng tú.

Nghệ nhân cắt giấy di sản phi vật thể dân gian chỉ bằng một chiếc kéo bình thường và đôi bàn tay tài tình khéo léo đã cắt nên bức tranh bách điều triệu phụng sống động như thật.

9 nét

HÁN VIỆT : XẢO

HSK 3 (3.0)

Động từ

#548

亲

qīn

thân yêu

老师鼓励大家积极亲，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī qí qīn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực thân yêu, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

8 nét

HÁN VIỆT : THÂN



HSK 3 (3.0)

Tính từ

#549

亲切

qīn qiè

thân thiết, ân cần, niềm nở

老科学家在实验室里与青年研究生促膝交谈，话语亲切和蔼，给予了大家莫大的鼓舞与关怀。

Lǎo kē xué jiā zài shí yàn shì lǐ yǔ qīng nián yán jiū shēng cù xī jiāo tán, huà yǔ qīn qiè hé ài, jǐ yǔ le dà jiā mò dà de gǔ wǔ yǔ guān huái.

Nhà khoa học lão thành trong phòng thí nghiệm ngồi trò chuyện ân cần cùng các nghiên cứu sinh trẻ tuổi, lời nói thân tình ấm áp đã tiếp thêm cho mọi người niềm cổ vũ và sự quan tâm to lớn.

22 nét

HÁN VIỆT: THÂN TIẾP

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#550

亲人

qīn rén

người thân, người ruột thịt gia đình

除夕之夜，无论相隔千山万水，游子们总会赶回家与亲人团聚，共享天伦之乐。

Chú xī zhī yè, wú lùn xiāng gé qiān shān wàn shuǐ, yóu zǐ men zǒng huì gǎn huí jiā yǔ qīn rén tuán jù, gòng xiǎng tiān lún zhī lè.

Đêm giao thừa tất niên, bất kể cách trở muôn dặm non sông, những người con xa xứ luôn trở về nhà để đoàn tụ sum họp cùng người thân người ruột thịt, cùng chia sẻ niềm vui sum vầy gia đình.

17 nét

HÁN VIỆT: THÂN NHÂN

HSK 3 (3.0)

Phó từ

#551

亲自

qīn zì

đích thân, tự mình

总工程师亲自带队深入极寒野外试验场，对新一代智能电动汽车的核心电池低温性能进行极限测试。

Zǒng gōng chéng shī qīn zì dài duì shēn rù jí hán yě wài shí yàn chǎng, duì xīn yí dài zhì néng diàn dòng qì chē de hé xīn diàn chí dī wēn xìng néng jìn xíng jí xiàn cè shì.

Tổng công trình sư đã đích thân dẫn đầu đoàn công tác đi sâu vào bãi thử nghiệm đã ngoại vùng cực lạnh để tiến hành kiểm thử giới hạn đối với hiệu năng nhiệt độ thấp của khối pin cốt lõi xe điện thông minh thế hệ mới.

17 nét

HÁN VIỆT: THÂN TỰ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#552

情感

qíng gǎn

tình cảm, cảm xúc nội tâm

这首壮美的爱国主义交响诗篇融入了作者对祖国壮丽山河与伟大人民的无限深厚真挚情感。

Zhè shǒu zhuàng měi de ài guó zhǔ yì jiāo xiǎng shī piān róng rù le zuò zhě duì zǔ guó zhuàng lì shān hé yǔ wēi dà rén mín de wú xiàn shēn hòu zhēn zhì qíng gǎn.

Thiên sử thi giao hưởng chủ nghĩa yêu nước tráng lệ này đã hòa quyện tình cảm cảm xúc chân thành sâu sắc vô bờ bến của tác giả đối với nhân dân vĩ đại và non sông gấm vóc Tổ quốc.

22 nét

HÁN VIỆT: TÌNH CẢM

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#553

情况

qíng kuàng

tình hình, hoàn cảnh, tình huống

项目负责人正在会议上向上级领导详细汇报近期工程攻关的最新进展情况与应对方案。

Xiàng mù fù zé rén zhèng zài huì yì shàng xiàng shàng jí lǐng dǎo xiàng xī huì bào jìn qī gōng chéng gōng guān de zuì xīn jìn zhǎn qíng kuàng yǔ yìng duì fāng àn.

Người phụ trách dự án đang báo cáo chi tiết với cấp trên trong cuộc họp về tình hình tiến độ đột phá mới nhất của công trình cùng các phương án ứng phó.

17 nét

HÁN VIỆT: TÌNH HUỐNG

HSK 3 (3.0)

Động từ

#554

请教

qǐng jiào

thỉnh giáo, khiêm tốn hỏi xin ý kiến chỉ bảo

青年学者在开展跨学科前沿理论研究时，虚心向资深院士专家请教重大物理实验系统集成的关键工艺细节。

Qīng nián xué zhě zài kāi kuā xué yán yǎn jiū shí, xū xīn xiàng zǐ shēn yuàn shì zhuān jiā qǐng jiào zhòng dà wù lǐ shí yàn xì tǒng jí chéng de guān jiàn gōng yì xì jié.

Các học giả trẻ tuổi khi triển khai nghiên cứu lý luận tiên phong liên ngành đã khiêm tốn thỉnh giáo các chuyên gia viện sĩ lão thành về các chi tiết công nghệ then chốt trong việc tích hợp hệ thống thực nghiệm vật lý trọng đại.

24 nét

HÁN VIỆT: THỈNH GIÁO

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#555

庆祝

qīng zhù

chúc mừng, ăn mừng, lễ kỷ niệm

各界人士欢聚一堂，隆重庆祝我国首座全自主知识产权大型深空观测基地正式落成启用。

Gè jiè rén shì huān jù yì táng, lóng zhòng qīng zhù wǒ guó shǒu zuò quán zì zhǔ zhī shí chǎn quán dà xíng shēn kōng guān cè jī dì zhèng shì luò chéng qǐ yòng.

Đại diện các giới đã quy tụ tề tựu đông đủ, long trọng chúc mừng căn cứ quan sát không gian sâu cỡ lớn sở hữu bản quyền sở hữu trí tuệ tự chủ hoàn toàn đầu tiên của nước ta chính thức khánh thành và đưa vào sử dụng.

25 nét

HÁN VIỆT: KHÁNH CHÚC

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#556

球迷

qiú mí

người hâm mộ bóng đá/thể thao (fan)

在足球锦标赛总决赛现场，数万名激情澎湃的热情球迷挥舞着队旗齐声高唱助威歌曲。

Zài zú qiú jīn biāo sài zǒng jué sài xiān chǎng, shù wàn míng jī qíng péng pài de rè qíng qiú mí huī wǔ zhe duì qí qí shèng gāo chāng zhū wēi gē qǔ.

Tại sân vận động diễn ra trận chung kết giải vô địch bóng đá, hàng vạn người hâm mộ cuồng nhiệt ngùn ngụt khí thế vẫy cờ đội bóng và đồng thanh cất cao tiếng hát cổ vũ.

21 nét

HÁN VIỆT: CẦU MÊ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#557

区

qū

khu, khu vực, quận huyện địa bàn

国家级高新技术产业开发区聚集了大量顶尖科创企业，成为培育发展新质生产力的核心高地。

Guó jiā jī gāo xīn jì shù kāi fā qū jù jí le dà liàng dīng jiān kē chuàng qǐ yè, chéng wéi péi yù fā zhǎn xīn zhì shēng chǎn lì de hé xīn gāo dì.

Khu vực địa bàn khu phát triển ngành công nghệ cao mới cấp quốc gia quy tụ lượng lớn các doanh nghiệp đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ hàng đầu, trở thành cao điểm cốt lõi để nuôi dưỡng phát triển lực lượng sản xuất chất lượng mới.

13 nét

HÁN VIỆT: ÂU



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#558

区别

qū bié

sự khác biệt, phân biệt

深入剖析这两组近义词在语体色彩与适用语境上的细微区别, 是提升汉语精确表达的关键。

Shēn rù pōu xī zhè liǎng zǔ jìn yì cí zài yǔ tǐ sè cǎi yǔ shì yǐng yǔ jīng shàng de xì wēi qū bié, shì tí shēng hàn yǔ jīng què biǎo dá de guān jiàn.

Phân tích chuyên sâu những nét khác biệt tinh tế về sắc thái phong cách và ngữ cảnh sử dụng của 2 nhóm từ đồng nghĩa này là chìa khóa để nâng cao độ chuẩn xác khi diễn đạt tiếng Trung.

21 nét

HÁN VIỆT : ÂU BIỆT

HSK 3 (3.0)

Động từ

#559

取消

qǔ xiāo

hủy bỏ, bãi bỏ, hủy

受沿海超强台风登陆带来的极端暴雨大风天气影响, 铁路部门依法紧急取消了部分客运列车运行。

Shòu yán hǎi chāo qiáng táifēng dēng lù dàì lái de jí duān bào yǔ dà fēng tiān qì yīng xiāng, tiě lù bù mén yī fǎ jǐn jí qǔ xiāo le bù fèn kè yùn liè chē yùn xíng.

Do ảnh hưởng của thời tiết mưa to gió lớn cực đoan từ siêu bão đổ bộ vào vùng ven biển, ngành đường sắt đã khẩn cấp cho hủy bỏ một số chuyến tàu chở khách theo quy định an toàn.

21 nét

HÁN VIỆT : THỦ TIÊU

HSK 3 (3.0)

Động từ

#560

去世

qù shì

qua đời, từ trần, tạ thế (trang trọng)

这位为我国杂交水稻事业奉献毕生心血的伟大科学家安详去世, 全国人民自发肃穆送别。

Zhè wèi wèi wǒ guó jiāo jiāo shuǐ dào shì yè fèng xiàn bì shēng xīn xuè de wèi dà kē xué jiā ān xiáng qù shì, quán guó rén mín zì fā sù mù sòng bié.

Nhà khoa học vĩ đại đã cống hiến trọn vẹn tâm huyết cả cuộc đời cho sự nghiệp lúa lai nước nhà đã thanh thản tạ thế, nhân dân cả nước đã tự giác trang nghiêm tiễn biệt ông.

22 nét

HÁN VIỆT : KHỬ THỂ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#561

全场

quán chǎng

toàn trường, toàn thể hội trường/khán phòng

当大国重器总设计师走上领奖台时, 全场数千名代表起立并爆发出经久不息的热烈掌声。

Dāng dà guó zhòng qì zǒng shè jì shī shàng shàng lǐng jiǎng tái shí, quán chǎng shù qiān míng dài biǎo qǐ lì bìng bào fā chū jīng jiǔ bù xī de rè liè zhǎng shēng.

Khi vị tổng công trình sư thiết kế đại khí quốc gia bước lên bục nhận giải, toàn trường toàn thể hội trường hàng ngàn đại biểu đã đứng dậy và vỗ tay nhiệt liệt kéo dài không ngừng.

17 nét

HÁN VIỆT : TOÀN TRƯỜNG

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#562

全面

quán miàn

toàn diện, bao quát

实施乡村振兴战略必须坚持因地制宜、统筹兼顾, 全面推进产业、人才、文化、生态和组织振兴。

Shí shī xiāng cūn zhèn xīng zhàn lüè bì xū jiān chí yīn dì zhì yí, tǒng chóu jiǎn gù, quán miàn tuī jìn chǎn yè, rén cái, wén huà, shēng tài hé zǔ zhī zhèn xīng.

Thực hiện chiến lược chấn hưng nông thôn cần kiên trì tùy theo điều kiện địa phương, điều phối toàn diện và đẩy mạnh đồng bộ chấn hưng ngành nghề, nhân tài, văn hóa, sinh thái và tổ chức.

19 nét

HÁN VIỆT : TOÀN DIỆN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#563

全球

quán qiú

toàn cầu, toàn thế giới

中国积极推进全球绿色低碳转型与应对气候变化国际合作, 展现了负责任大国的胸怀与担当。

Zhōng guó jī jìn tuī jìn quán qiú lǜ sè dī tàn zhuǎn xíng yǔ yīng duì qì hòu biàn huà guó jì hé zuò, zhǎn xiàn le fù zé rén dà guó de xiōng huái yǔ dān dāng.

Trung Quốc tích cực thúc đẩy chuyển đổi xanh ít phát thải carbon toàn cầu toàn thể giới và hợp tác quốc tế ứng phó với biến đổi khí hậu, phô diễn tầm vóc và tinh thần gánh vác trách nhiệm của một nước lớn có trách nhiệm.

22 nét

HÁN VIỆT : TOÀN CẦU

HSK 3 (3.0)

Động từ

#564

缺

quē

mất tích

老师鼓励大家积极缺, 勇于探索新的知识。lǎo shī gǔ lì dà jiā jī qī quē, yǒng yú tàn sù xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực mất tích, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

14 nét

HÁN VIỆT : KHUYẾT

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#565

缺点

quē diǎn

khuyết điểm, nhược điểm

金无足赤人无完人, 我们要学会正视自身的缺点与短板, 并在实践中不断加以改正与完善。

Jīn wú zú chì rén wú wán rén, wǒ men yào xué huì zhèng shì zì shēn de quē diǎn yǔ duǎn bǎn, bìng zài shí jiàn zhōng bù duàn jiā yǐ gǎi zhèng yǔ wán shàn.

Nhân vô thập toàn, vàng không thuần khiết; chúng ta cần học cách dũng cảm nhìn thẳng vào những khuyết điểm hạn chế của bản thân để không ngừng sửa đổi và hoàn thiện mình qua thực tiễn.

25 nét

HÁN VIỆT : KHUYẾT ĐIỂM

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#566

缺少

quē shǎo

thiếu thốn, thiếu hụt

在偏远干旱地区, 水资源的严重缺少对当地工农业生产与生态环境构成了巨大制约。

Zài piǎn yuǎn gān hàn dì qū, shuǐ zī yuán de yán zhòng quē shǎo duì dāng dì gōng nóng yè shēng chǎn yǔ shēng tài huán jīng gòu chéng le jù dà zhì yuē.

Tại những vùng đất khô cằn hẻo lánh, sự thiếu thốn nghiêm trọng về nguồn nước đã trở thành rào cản to lớn đối với sản xuất nông công nghiệp và môi trường sinh thái địa phương.

22 nét

HÁN VIỆT : KHUYẾT THIỂU


HSK 3 (3.0)

Động từ

#567

确保

què bǎo

bảo đảm chắc chắn, bảo đảm an toàn tuyệt đối

国家粮食安全战略健全了粮食产购储加销全链条协同机制，确保中国人的饭碗牢牢端在自己手中。

Guó jiā liáng shí ān quán zhàn lüè jiàn quán le liáng shí chǎn gòu chǔ jiā xiāo quán liàn tiáo xié tóng jī zhì, què bǎo zhōng guó rén de fàn wǎn láo láo duān zài zì jǐ shǒu zhōng.

Chiến lược An ninh Lương thực Quốc gia đã hoàn thiện cơ chế phối hợp toàn chuỗi sản xuất – thu mua – dự trữ – chế biến – tiêu thụ lương thực, bảo đảm chắc chắn tuyệt đối bát cơm của nhân dân luôn nằm vững chắc trong tay mình.

23 nét

 HÁN VIỆT : **XÁC BẢO**
HSK 3 (3.0)

Động từ / Tính từ

#568

确定

què dìng

xác định, chốt lại; chắc chắn

经过专家组为期数月的科学实地勘探与周密论证，国家重大引水工程的主线走向最终正式确定。

Jīng guò zhuān jiǎ zhī wéi qī shù yuè de kē xué shí dì kǎo tàn yǔ zhōu mì zhèng zhì, guó jiā zhòng dà yǐn shuǐ gōng chéng de zhǔ xiàn zǒu xiàng zuì zhōng zhèng shì què dìng.

Trải qua nhiều tháng khảo sát thực địa khoa học và thẩm định chu đáo của hội đồng chuyên gia, hướng tuyến trực chính của đại công trình dẫn nước quốc gia cuối cùng đã chính thức được xác định.

18 nét

 HÁN VIỆT : **XÁC ĐỊNH**
HSK 3 (3.0)

Danh từ

#569

确实

què shí

thực sự, quả thực, xác thực

经过权威科研机构的多轮严格对照实验论证，该新型环保材料确实具有优异的阻燃与隔热性能。

Jīng guò quán wēi kē yán jī gòu de duō lún yán gé duì zhào shí yàn lùn zhèng, gāi xīn xíng huán bǎo cái liào què shí jù yǒu yōu yì de zǔ rán yǔ gé rè xìng néng.

Sau nhiều đợt thử nghiệm đối chứng nghiêm ngặt tại các cơ quan nghiên cứu uy tín, loại vật liệu bảo vệ môi trường thế hệ mới này quả thực sở hữu tính năng chống cháy và cách nhiệt siêu việt.

22 nét

 HÁN VIỆT : **XÁC THỰC**
HSK 3 (3.0)

Danh từ

#570

裙子

qún zi

váy

她今天特意挑选了一条剪裁优雅大方、色彩清新的碎花连衣裙去参加朋友的婚礼。

Tā jīn tiān tè yì tiāo xuǎn le yì tiáo jiǎn cái yōu yǎ dà fāng, sè cǎi qīng xīn de suǐ huā lián yī qún qù cān jiā péng you de hūnlǐ.

Hôm nay cô ấy đặc biệt chọn một chiếc váy liền thân hoa nhí cắt may thanh lịch và màu sắc tươi tắn để dự đám cưới người bạn.

24 nét

 HÁN VIỆT : **QUẦN TỬ**
HSK 3 (3.0)

Lượng từ

#571

群

qún

dàn, bầy, nhóm, tốp [lượng từ]

在清澈见底的高原湖泊水面上，一群群优雅的天鹅正迎着晨光自由自在地嬉戏翱翔。

Zài qīng chè jiàn dǐ de gāo yuán hú pō shuǐ miàn shàng, yì qún qún yōu yǎ de tiān é zhèng yíng zhe chén guāng zì yóu zì zài de xī xì áo xiáng.

Trên mặt nước trong vắt nhìn thấu tận đáy của hồ nước vùng cao nguyên, từng đàn thiên nga thanh tao duyên dáng đang đón ánh bình minh thông dong bơi lội và sải cánh chao liệng tự do.

8 nét

 HÁN VIỆT : **QUẦN**
HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#572

热爱

rè ài

yêu tha thiết, nồng nhiệt yêu mến

唯有对从事的科学探索事业怀揣着发自内心的炽热热爱，才能在漫长枯燥的实验岁月中永葆激情。

Wéi yǒu duì cóng shì de kē xué tàn sù shì yè huái chuái zhe fā zì nèi xīn de chì rè rè ài, cái néng zài màn cháng kǔ zào de shí yàn suì yuè zhōng yǒng bǎo jī qíng.

Chỉ khi nuôi dưỡng trong tim tình yêu nồng nhiệt tha thiết xuất phát từ đáy lòng đối với sự nghiệp thám hiểm khoa học, người ta mới có thể giữ mãi ngọn lửa đam mê qua những tháng năm thực nghiệm dài đằng đẵng.

23 nét

 HÁN VIỆT : **NHIỆT ÁI**
HSK 3 (3.0)

Tính từ

#573

热烈

rè liè

nồng nhiệt, nhiệt liệt, sôi nổi

在联合国大会讲坛上，我国代表关于构建人类命运共同体的深刻主旨发言赢得了全场长久而热烈的掌声。

Zài lián hé guó dà huì jiǎng tán shàng, wǒ guó dài biǎo guān yú gòu jiàn rén lèi mìng yùn gòng tóng tǐ de shēn kè zhǔ zhī fā yán yíng dé le quán chǎng cháng jiǔ ér rè liè de zhǎng shēng.

Trên diễn đàn Đại hội đồng Liên Hợp Quốc, bài phát biểu dẫn đề sâu sắc của đại diện nước ta về việc cùng xây dựng cộng đồng chung vận mệnh nhân loại đã nhận được những tràng pháo tay kéo dài nồng nhiệt của toàn thể hội trường.

26 nét

 HÁN VIỆT : **NHIỆT LIỆT**
HSK 3 (3.0)

Danh từ

#574

人才

rén cái

nhân tài, người tài

国家深入实施新时代人才强国战略，全方位全链条培养、引进、用好顶尖科技战略科学家与青年拔尖人才。

Guó jiā shēn rù shí shí xīn shí dài rén cái qiáng guó zhàn lüè, quán fāng wèi quán liàn tiáo péi yǎng, yǐn jìn, yòng hǎo dīng jiān kē jì zhàn lüè kē xué jiā yǔ qīng nián bā jiā rén cái.

Nhà nước đã sâu thực thi chiến lược cường quốc nhân tài thời đại mới, đào tạo, thu hút và trọng dụng toàn diện chuỗi liên kết đối với các nhà khoa học chiến lược công nghệ đỉnh cao và đội ngũ nhân tài trẻ xuất chúng.

17 nét

 HÁN VIỆT : **NHÂN TÀI**
HSK 3 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#575

人工

rén gōng

nhân tạo, thủ công; trí tuệ nhân tạo (AI)

新一代通用人工智能与具身智能机器人深度融合，正在深刻重塑全球高端制造与现代科研范式。

Xīn yí dài tōng yòng rén gōng zhì néng yǔ jù shēn zhì néng jī qì rén shēn dù róng hé, zhèng zài shēn kè zhòng xíng quán qiú gāo duān zhì zào yǔ xiàn dài kē yán fàn shì.

Trí tuệ nhân tạo đa năng thế hệ mới cùng robot thông minh hiện thân kết hợp sâu rộng với nhau, đang định hình lại sâu sắc các mô hình nghiên cứu khoa học hiện đại và ngành sản xuất chế tạo cao cấp toàn cầu.

23 nét

 HÁN VIỆT : **NHÂN CÔNG**



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#576

人类

rén lèi

loài người, nhân loại

和平利用外层空间与探索浩瀚宇宙未知奥秘，是造福全人类福祉与推动人类文明进步的崇高共同事业。

Hé píng lì yòng wài céng kōng jiān yǔ tàn suǒ hào hàn yǔ zhòu wèi zhī ào mì, shì zào fú quán rén lèi fú zhì yǔ tuī dòng rén lèi wén míng jìn bù de chóng gāo gòng tóng shì yè.

Khai thác sử dụng hòa bình không gian vũ trụ bên ngoài và thám hiểm những điều bí ẩn chưa biết của vũ trụ bao la là sự nghiệp chung cao đẹp tạo phúc cho toàn nhân loại và thúc đẩy văn minh loài người tiến bộ.

20 nét

HÁN VIỆT: NHÂN LOẠI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#577

人民

rén mín

nhân dân, quần chúng nhân dân

江山就是人民，人民就是江山；共产党打江山、守江山，守的是人民的心。

Jiāng shān jiù shì rén mín, rén mín jiù shì jiāng shān; gòng chǎn dǎng dǎ jiāng shān, shǒu jiāng shān, shǒu de shì rén mín de xīn.

Giang sơn chính là nhân dân, nhân dân chính là giang sơn; Đảng giành giang sơn, giữ vững giang sơn, chính là giữ trọn trái tim của nhân dân.

18 nét

HÁN VIỆT: NHÂN DÂN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#578

人民币

rén mín bì

Đồng Nhân dân tệ (RMB)

随着国际经贸结算体系的多元化发展，跨境贸易中使用人民币结算的比重正在稳步攀升。

Suí zhe guó jì jīng mào jié suàn tǐ xì de duō yuán huà fā zhǎn, kuà jìng mào yì zhōng shǐ yòng rén mín bì jié suàn de bǐ zhòng zhèng zài wěn bù pān shēng.

Cùng với sự phát triển đa dạng hóa của hệ thống thanh toán kinh tế thương mại quốc tế, tỷ trọng sử dụng đồng Nhân dân tệ trong thanh toán thương mại xuyên biên giới đang tăng trưởng ổn định.

32 nét

HÁN VIỆT: NHÂN DÂN TỆ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#579

人群

rén qún

đám đông, dòng người, đoàn người

国庆升旗仪式结束后，广场上热烈欢呼庆祝的人群久久不愿散去，大家挥舞国旗合影留念。

Guó qīng shēng qí yí shì jié shù hòu, guǎng chǎng shàng rè liè huān hū qīng zhù de rén qún jiǔ jiǔ bù yuàn sǎn qù, dà jiā huī wǔ guó qí hé yǐng liú niàn.

Sau khi nghi lễ chào cờ Quốc khánh kết thúc, đám đông dòng người reo hò chúc mừng nồng nhiệt trên quảng trường lưu luyến mãi không muốn rời đi, mọi người cùng vẫy cờ Tổ quốc chụp ảnh kỷ niệm.

17 nét

HÁN VIỆT: NHÂN QUẦN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#580

人生

rén shēng

đời người, nhân sinh, kiếp người

奋斗是青春最亮丽的底色，把个人的理想抱负融入祖国与时代的伟大发展中，才能书写最无悔的壮丽人生。

Fèn dòu shì qīng chūn zuì liàng lì de dǐ sè, bǎ gè rén de lǐ xiǎng bào fù róng rù zú guó yǔ shí dài de wéi dà fā zhǎn zhōng, cái néng shū xiě zuì wú huǐ de zhuàng lì rén shēng.

Phấn đấu là gam màu rực rỡ nhất của tuổi trẻ, hòa quyện lý tưởng hoài bão của cá nhân vào sự phát triển vĩ đại của Tổ quốc và thời đại mới có thể viết nên cuộc đời tráng lệ không bao giờ phải hối tiếc.

19 nét

HÁN VIỆT: NHÂN SINH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#581

人员

rén yuán

nhân viên, cán bộ, nhân sự

在重大极端自然灾害防汛应急响应期间，全体防汛抢险救援人员全员取消休假、坚守在防汛堤坝一线。

Zài zhòng dà jí duān zì rán zāi hài fán xùn yǐng yǐng jí xiǎng yìng qī jiān, quán tǐ fán xùn qǐ xiǎng jiù yuǎn rén yuán quán yuán qǔ xiǎo xiū jià, jiān shǒu zài fán xùn xùn dī bǎ yī xiàn.

Trong thời gian kích hoạt phản ứng khẩn cấp phòng chống thiên tai cực đoan, toàn thể cán bộ nhân viên cứu hộ phòng chống lũ lụt đều hủy bỏ kỳ nghỉ, kiên cường túc trực nơi tuyến đầu đấu sống ngọn gió.

21 nét

HÁN VIỆT: NHÂN VIÊN

HSK 3 (3.0)

Động từ

#582

认出

rèn chū

nhận ra, nhận diện ra

多年后再次相聚，老同学一眼就从熙熙攘攘的人流中认出了昔日同窗挚友。

Duō nián hòu zài cì xiāng jù, lǎo tóng xué yī yǎn jiù cóng xī xī rǎng rǎng de rén liú zhōng rèn chū le xī rì tóng chuāng zhì yǒu.

Nhiều năm sau gặp lại, người bạn học cũ chỉ nhìn một thoáng đã nhận ra nhận diện ra người bạn tri kỷ cùng lớp từ thuở nào giữa dòng người qua lại tấp nập đông đúc.

22 nét

HÁN VIỆT: NHẬN XUẤT

HSK 3 (3.0)

Động từ

#583

认得

rèn de

nhận biết được, nhận ra, biết mặt

经过半年的强化学习，这名外国留学生如今已经能够熟练认得两千多个常用汉字。

Jīng guò bàn nián de qiáng huà xué xí, zhè míng wài guó liú xué shēng rú jīn yì jīng néng gòu shú liàn rèn de liǎng qiān duō gè cháng yòng hàn zì.

Trải qua nửa năm học tập tăng cường, bạn lưu học sinh nước ngoài này ngày nay đã có thể nhận biết được nhận diện thuần thực hơn hai ngàn chữ Hán thông dụng.

28 nét

HÁN VIỆT: NHẬN ĐẮC

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#584

认可

rèn kě

công nhận, thừa nhận, tán thành đánh giá cao

我国完全自主研发的新一代国产支线客机以卓越的安全性与经济性，顺利获得了国际民航组织的权威适航认可。

Wǒ guó wán quán zì zhǔ yán zhī de xīn yí dài guó chǎn zhī xiàn kè jī jǐ yì zhūo yuè de ān quán xìng yǔ jīng jì xìng, shùn lì huò dé le guó jì mǐn háng zǔ zhī de quán wēi shì háng rèn kě.

Máy bay chở khách đường bay ngắn thể hệ mới do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu chế tạo với tính kinh tế và độ an toàn vượt trội đã thuận lợi đạt được sự công nhận thừa nhận đủ điều kiện bay có thẩm quyền của Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế (ICAO).

26 nét

HÁN VIỆT: NHẬN KHẢ



HSK 3
(3.0)

Động từ / Danh từ /
Lượng từ

#585

任
rèn

đảm nhiệm, bổ nhiệm; nhiệm kỳ;
bất kể

青年学者勇挑重担，受聘担任了国家重点实验室主任兼重大前沿项目首席科学家。

Qīng nián xué zhě yǒng tiǎo zhòng dàn, shòu pìn dān rèn le guó jiā zhòng diǎn shí yán shì zhǔ rěn jiān zhòng dà qián yán xiàng mù shǒu xī kē xué jiā.

Người học giả trẻ tuổi dũng cảm gánh vác trọng trách, được bổ nhiệm đảm nhiệm vị trí Giám đốc Phòng Thí nghiệm Trọng điểm Quốc gia kiêm Nhà khoa học Trưởng của dự án tiên phong trọng đại.

11 nét

HÁN VIỆT: NHÂM

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#586

任何
rèn hé

bất kỳ, bất cứ

在追求科学真理的道路上，我们不应抱有任何侥幸心理，唯有脚踏实地才能求得真知。

Zài zhuī qiú kē xué zhēn lǐ de dào lù shàng, wǒ men bù yǐng bào yǒu rèn hé jiǎo xìng xīn lǐ, wéi yǒu jiǎo tà shí dì cái néng qiú dé zhēn zhī.

Trên con đường kiếm tìm chân lý khoa học, chúng ta không được phép mang bất kỳ tâm lý cầu may nào, chỉ có làm việc thực tế vững vàng mới tìm ra tri thức đích thực.

21 nét

HÁN VIỆT: NHÂM HÀ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#587

任务
rèn wu

nhiệm vụ, công tác

全体搜救队员临危受命，克服恶劣暴雨天气，圆满完成了抗洪抢险救援的紧急任务。

Quán tǐ sǒu jiù duì yuán lín wēi shòu mìng, kè fú è liè bào yǔ tiǎn qì, yuán mǎn wán chéng le kàng hóng qiǎng xiǎn jiù yuán de jǐn jí rèn wu.

Toàn thể đội viên cứu hộ nhận lệnh giữa lúc gian nguy, vượt qua thời tiết mưa bão khắc nghiệt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ khẩn cấp chống lũ cứu nạn.

25 nét

HÁN VIỆT: NHÂM VỤ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#588

仍
réng

Vẫn

老师鼓励大家积极仍，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jī réng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Vẫn, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

14 nét

HÁN VIỆT: NHƯNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#589

仍然
réng rán

vẫn, vẫn cứ, vẫn còn

尽管已经年过八旬，这位德高望重的老科学家仍然坚持每天在实验室指导青年科研人员。

Jǐn guǎn yǐ jīng nián guò bā xún, zhè wèi dé gāo wàng zhòng de lǎo kē xué jiā réng rán jiān chí měi tiān zài shí yán shì zhǐ dǎo qīng nián kē yán rén yuán.

Dẫu nay đã ngoài 80 tuổi, nhà khoa học lão thành đức cao vọng trọng này vẫn kiên trì mỗi ngày tới phòng thí nghiệm tận tình chỉ dẫn cho các nhà nghiên cứu trẻ.

24 nét

HÁN VIỆT: NHƯNG NHIÊN

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#590

日常
rì cháng

thường ngày, hàng ngày, thường nhật

养成垃圾分类投放与节水节电的良好日常习惯，是践行绿色低碳环保生活方式的最直接体现。

Yǎng chéng lā jī fēn lèi tóu fàng yǔ jié shuǐ jié diàn de liáng hǎo rì cháng xí guān, shì jiàn xíng lù sè de tián huán bǎo shēng huó fāng shì de zuì zhí jiē tǐ xiàn.

Rèn luyện thói quen tốt hàng ngày phân loại rác thải đúng chỗ cùng việc tiết kiệm điện nước là biểu hiện trực tiếp nhất của việc thực hành lối sống xanh giảm phát thải bảo vệ môi trường.

24 nét

HÁN VIỆT: NHẬT THƯỜNG

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#591

容易
róng yì

dễ dàng, thuận lợi; dễ (dễ mắc lỗi)

攀登世界科技巅峰的征程从来不是一件容易的事情，唯有具备坚忍不拔毅力的攀登者才能最终登顶。

Pān dēng shì jiè kē jì diǎn fēng de zhēng chéng cóng lái bú shì yí jiàn róng yì de shì qing, wéi yǒu jù bèi jiān rèn bù bá yì lì de pān dēng zhě cái néng zuì zhōng dēng dǐng.

Hành trình trèo lên đỉnh cao khoa học kỹ thuật thế giới chưa bao giờ là một việc dễ dàng thuận lợi, chỉ có những người leo núi sở hữu nghị lực kiên cường bất khuất mới có thể leo lên tới đỉnh cuối cùng.

19 nét

HÁN VIỆT: DUNG DỊ

HSK 3 (3.0)

Đại từ

#592

如何
rú hé

như thế nào, làm sao, ra sao

如何通过原创性前沿基础理论创新赋能现代化产业体系建设，是新时代科技界共同面临的重大命题。

Rú hé tōng guò yuán chuàng xīng qián yán jī chǔ lǐ lùn chuàng xīn fù néng xiàn dài huà chǎn yè tǐ xì jiàn shè, shì xīn shí dài kē jì jiè gòng tóng miǎn lín de zhòng dà mìng tí.

Làm thế nào để thông qua đổi mới lý luận cơ bản tiên phong mang tính nguyên tác tiếp sức cho công cuộc xây dựng hệ thống công nghiệp hiện đại hóa là bài toán lớn mà giới khoa học công nghệ thời đại mới cùng chung tay giải quyết.

21 nét

HÁN VIỆT: NHƯ HÀ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#593

散步
sàn bù

đi dạo, tản bộ

晚饭后陪着父母在小区花园的小道上悠闲散步，是一天中最温馨放松的时光。

Wǎn fàn hòu péi zhe fù mǔ zài xiǎo qū huā yuán de xiǎo dào shàng yōu xián sǎn bù, shì yí tiān zhōng zuì wēn xīn fàng sōng de shí guāng.

Sau bữa cơm tối cùng bố mẹ thong dong đi dạo trên con đường nhỏ trong hoa viên khu chung cư là khoảng thời gian ấm áp và thư thái nhất trong ngày.

26 nét

HÁN VIỆT: TẢN BỘ


HSK 3 (3.0)

Danh từ

#594

沙发

shā fā

ghế sofa, pha, đi-văng

下班回到温馨舒适的家中，整个人惬意地窝在柔软宽大的真皮沙发里听音乐，非常解乏。

Xià bān huí dào wēn xīn shū shì de jiā zhōng, zhěng gè rén qiè yì de wō zài róu ruǎn kuān dà de zhēn pí shā fā lǐ tīng yīn yuè, fēi cháng jiě fá.

Tan sở trở về mái ấm ngọt ngào tiện nghi, toàn thân khoan khoái lọt thỏm trong chiếc ghế sofa da bò êm ái rộng rãi nghe nhạc, mọi mệt mỏi đều tan biến hết.

22 nét

HÁN VIỆT : SA PHÁT

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#595

沙子

shā zi

cát, hạt cát

经过几代治沙英雄的接续奋斗，曾经黄沙漫天的荒漠如今筑起了一道道坚不可摧的绿色生态屏障。

Jīng guò jǐ dài zhì shā yīng xióng de jiē xù fù dòu, céng jīng huáng shā mǎn tiān de huāng mò rú jīn zhù qǐ le yī dào dào jiān bù kě cuī de lǜ sè shēng tài píng zhàng.

Trải qua sự phấn đấu tiếp nối của nhiều thế hệ anh hùng trị cát sa mạc, vùng đất hoang vu cát vàng bão cát ngập trời ngày xưa ngày nay đã dựng xây nên những bức bình phong sinh thái xanh kiên cố không thể phá vỡ.

23 nét

HÁN VIỆT : SA TỬ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#596

伤

shāng

đau

老师鼓励大家积极伤，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí shāng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực đau, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

10 nét

HÁN VIỆT : THƯƠNG

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#597

伤心

shāng xīn

đau lòng, buồn bã, đau khổ

看到悉心照料多年的宠物犬因病离世，小男孩伤心难过地失声痛哭起来。

Kàn dào xī xīn zhào liào duō nián de chǒng wù quǎn yīn bìng lí shì, xiǎo nán hái shāng xīn nán guò de shī shēng tòng kū qǐ lái.

Chứng kiến chú cún cưng gần bó chăm sóc nhiều năm không qua khỏi vì bạo bệnh, cậu bé đã đau lòng òa khóc nức nở.

19 nét

HÁN VIỆT : THƯƠNG TÂM

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#598

商品

shāng pǐn

hàng hóa, thương phẩm

得益于中欧班列的高效常态化运行，数千万优质特色商品在欧亚大陆之间实现了高效双向流通。

De yì yú zhōng ōu bān liè de gāo xiào cháng tài xíng yùn, shù wàn zhōng yōu zhì tè sè shāng pǐn zài ōu yà dà lù zhī jiān shí xiàn le gāo xiào shuāng xiàng liú tōng.

Nhờ vào sự vận hành thường thái hiệu quả cao của các chuyến tàu liên vận Trung Quốc - châu Âu, hàng vạn loại hàng hóa đặc sản chất lượng cao đã thực hiện lưu thông hai chiều nhanh chóng qua lục địa Á - Âu.

24 nét

HÁN VIỆT : THƯƠNG PHẨM

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#599

商业

shāng yè

thương mại, thương nghiệp, kinh doanh

现代数字绿色商业不仅高度注重经济效益回报，更积极践行环境保护与社会责任共赢的可持续发展理念。

Xiàn dài shù zì lǜ sè shāng yè bù jǐn gāo dù zhòng jīng jì xiào yì huí bào, gèng jī jí jiàn xíng huán jīng bǎo hù yǔ zòu shè huì zé rèn gòng yíng de kě chí zhǎn lǐ niàn.

Thương mại xanh kỹ thuật số hiện đại không chỉ chú trọng cao độ tới hiệu quả kinh tế hoàn vốn mà còn tích cực thực hành triết lý phát triển bền vững cùng thắng lợi giữa bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội.

22 nét

HÁN VIỆT : THƯƠNG NGHIỆP

HSK 3 (3.0)

Động từ

#600

上来

shàng lái

đi lên

老师鼓励大家积极上来，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí shàng lái, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực đi lên, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

18 nét

HÁN VIỆT : THƯỜNG LẠI

HSK 3 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#601

上面

shàng miàn

phía trên, bên trên, mặt trên

在这座大型天文射电望远镜的反射面板上面，铺设了数千块高精度的铝合金反射单元。

Zài zhè zuò dà xíng tiān wén shè diàn wǎng yuǎn jìng de fǎn shè miàn bǎn shàng, pū shè le shù qiān kuài gāo jīng dù de lǚ hé jīn fǎn shè dān yuán.

Phía trên trên bề mặt tấm phản xạ của chiếc kính viễn vọng vô tuyến thiên văn quy mô lớn này được lát hàng ngàn đơn vị phản xạ bằng hợp kim nhôm độ chính xác cao.

18 nét

HÁN VIỆT : THƯỜNG DIỆN

HSK 3 (3.0)

Động từ xu hướng

#602

上去

shàng qu

đi lên, bước lên phía trên

当优秀科研骨干代表走上去领奖台的那一刻，全场响起了经久不息的热烈欢呼声。

Dāng yōu xiù kē yán gǔ gàn dài biǎo zǒu shàng qǔ líng jiǎng tái de nà yí kè, quán chǎng xiǎng qǐ le jīng jiǔ bù xī de rè liè huān hū shēng.

Vào khoảnh khắc đại biểu cán bộ nghiên cứu khoa học cốt cán xuất sắc bước lên đi lên bục nhận giải thưởng, toàn thể khán phòng đã vang lên những tiếng reo hò nhiệt liệt kéo dài không dứt.

17 nét

HÁN VIỆT : THƯỜNG KHỨ



HSK 3 (3.0)

Động từ

#603

上升

shàngshēng

tăng lên, đi lên, dâng cao

随着我国高新技术产业持续壮大，战略性新兴产业占国内生产总值的比重稳步上升。

Suí zhe wǒ guó gāo xīn jì shù chǎn yè chí xù zhuàng dà, zhàn lüè xìng xīn jì shù chǎn yè zhàn guó nèi shēng chǎn zǒng zhí de bǐ zhòng wěn bù shàng shēng.

Cùng với sự lớn mạnh không ngừng của các ngành công nghệ cao mới của nước ta, tỷ trọng của các ngành mới nổi mang tính chiến lược trong tổng sản phẩm quốc nội (GDP) đã tăng lên đi lên một cách vững chắc.

20 nét

HÁN VIỆT: THƯỜNG THĂNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#604

上衣

shàngyī

áo, áo khoác ngắn phía trên

在重大外事外交迎宾仪式上，国宾仪仗队队员身着笔挺整齐的礼宾上衣，威武庄严。

Zài zhòng dà guó shì wài jiāo yíng bīn yí shì shàng, guó bīn yí zhàng duì duì yuán shēn zhuān bǐ tǐng zhěng qí de lǐ bīn shàng yī, wēi wǔ zhuāng yán.

Trong nghi thức đón tiếp ngoại giao trọng đại của quốc gia, các chiến sĩ Đội Tiểu binh Danh dự đón khách quốc tế mặc chiếc áo lễ tân chỉnh tề ngay ngắn, vô cùng trang nghiêm và uy phong.

22 nét

HÁN VIỆT: THƯỢNG Y

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#605

设备

shè bèi

thiết bị, máy móc trang thiết bị

国家超算中心机房里整齐排列着全自主可控的千万亿次级高性能液冷超级计算设备集群。

Guó jiā chāo suàn zhōng xīn jī fáng lǐ zhěng qí pái liè zhe quán zì zhǔ kě kòng de qiān wàn yì cì jī gāo xìng néng yè lěng chāo jí jī suàn shè bèi jí qún.

Trong phòng máy Trung tâm Siêu máy tính Quốc gia xếp ngay ngắn cụm thiết bị siêu máy tính làm mát bằng chất lỏng hiệu năng cao cấp triệu tỷ phép tính tự chủ kiểm soát hoàn toàn.

26 nét

HÁN VIỆT: THIẾT BỊ

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#606

设计

shè jì

thiết kế, quy hoạch; bản thiết kế

我国桥梁工程设计团队成功攻克了深海复杂海况下超大跨度悬索桥的空气动力学抗风设计难题。

Wǒ guó qiáo liáng gōng chéng shè jì tuán duì chéng gōng gōng kè le shēn hǎi fù zá hǎi kuàng xià chāo dà kuà dù xuán sǎo qiáo de kōng qì dòng lì xué kàng fēng shè jì nán tí.

Đội ngũ thiết kế công trình cầu đường nước ta đã khắc phục thành công bài toán thiết kế khí động học chống gió bão của cầu treo nhịp siêu lớn trong điều kiện hải văn biển sâu phức tạp.

23 nét

HÁN VIỆT: THIẾT KẾ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#607

设立

shè lì

thiết lập, thành lập, xây dựng mới

国家正式设立三江源、大熊猫、东北虎豹等首批国家公园，开启了中国自然生态保护地体系建设崭新篇章。

Guó jiā zhèng shì shè lì sān jiāng yuán, dà xióng mǎo, dōng běi hǔ bào děng shǒu pī guó jiā gōng yuán, kāi qǐ le zhōng guó zì rán shēng tài bǎo hù dì tí xī jiàn shè zhǎn xīn piān zhāng.

Nhà nước đã chính thức thành lập thiết lập đợt Công viên Quốc gia đầu tiên như Tam Giang Nguyên, Gấu Trúc Lớn, Hổ Báo Đông Bắc, mở ra trang sử hoàn toàn mới trong việc xây dựng hệ thống khu bảo tồn sinh thái tự nhiên của Trung Quốc.

25 nét

HÁN VIỆT: THIẾT LẬP

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#608

社会

shè huì

xã hội

当代青年应当主动走出象牙塔，积极投身社会志愿服务与实践调研，增长才干。

Dāng dài qīng nián yīng dāng zhǔ dòng zǒu chū xiàng yá tǎ, jī jí tóu shēn shè huì zhì yuàn fú wù yǔ shí jiàn diào yán, zēng zhǎng cái gàn.

Thế hệ trẻ ngày nay nên chủ động bước ra khỏi tháp ngà học thuật, tích cực dẫn thân vào các hoạt động tình nguyện xã hội và khảo sát thực tế để trau dồi bản lĩnh.

22 nét

HÁN VIỆT: XÃ HỘI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#609

身份证

shēnfènzhèng

thẻ căn cước công dân, CMND/CCCD

在进入国际学术考场前，请各位考生提前准备好准考证与本人有效二代居民身份证。

Zài jìn rù guó jì xué shù kǎo chǎng qián, qǐng gè wèi kǎo shēng tí qián zhǔn bèi hào zhǔn kǎo zhèng yǔ běn rén yǒu xiào èr dài jū mín shēn fèn zhèng.

Trước khi bước vào phòng thi học thuật quốc tế, xin các thí sinh hãy chuẩn bị sẵn thẻ dự thi cùng thẻ căn cước công dân CCCD thế hệ hai hợp lệ của bản thân.

33 nét

HÁN VIỆT: THÂN PHẦN CHỨNG

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#610

深

shēn

sâu, sâu sắc, sâu đậm

他对中国古代哲学典籍有着极其深厚的研究造诣，见解独到精辟，令人由衷叹服。

Tā duì zhōng guó gǔ dài zhé xué diǎn jí yǒu zhe jí qí shēn hòu de yán jiū zào yì, jiàn jié dú dào jīng pì, lìng rén yóu zhōng tàn fú.

Anh ấy có trình độ nghiên cứu vô cùng uyên thâm và sâu sắc về các thư tịch triết học cổ đại Trung Quốc, kiến giải độc đáo sắc sảo khiến người nghe thán phục từ đáy lòng.

13 nét

HÁN VIỆT: THÂM

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#611

深刻

shēn kè

sâu sắc, sâu đậm, thâm thúy

这场涉及全球经济转型与气候治理的跨国高端学术对话，给所有与会学者留下了极其深刻的启示。

Zhè chǎng shè jí quán qiú jīng jì zhuǎn xíng yǔ qì hòu zhì lǐ de guó qióng gāo duān xué shù duì huà, gěi suǒ yǒu yǔ huì xué zhě liú xià le jí qí shēn kè de qǐ shì.

Cuộc đối thoại học thuật cấp cao xuyên quốc gia liên quan tới chuyển đổi kinh tế toàn cầu và quản trị khí hậu này đã để lại những bài học gợi mở vô cùng sâu sắc cho tất cả các học giả tham dự.

23 nét

HÁN VIỆT: THÂM KHẮC



HSK 3 (3.0)

Động từ

#612

深入

shēn rù

đi sâu

老师鼓励大家积极深入，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí shēn rù, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực đi sâu, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

26 nét

HÁN VIỆT THÂM NHẬP

HSK 3 (3.0)

Động từ / Lượng từ

#613

升

shēng

lên, thăng cấp, mọc lên; lít (đơn vị thể tích)

清晨的天安门广场上，鲜艳庄严的五星红旗伴随着雄壮的国歌声冉冉升起，场面无比庄严神圣。

Qīng chén de tiān ān mén guǎng chǎng shàng, xiān yàn zhuāng yán de wǔ xīng hóng qí bàn suí zhe xióng zhuàng de guó gē shēng rán rán shēng qǐ, chǎng miàn wú bǐ zhuāng yán shén shèng.

Trên Quảng trường Thiên An Môn lúc sáng sớm, lá cờ đỏ năm sao tươi thắm trang nghiêm hòa cùng tiếng quốc ca hùng tráng từ từ mọc lên bay lên cao, khung cảnh vô cùng trang nghiêm và thiêng liêng.

12 nét

HÁN VIỆT THĂNG

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#614

生产

shēng chǎn

sản xuất, chế tạo; sinh nở

现代化智能无人“黑灯工厂”依托工业机器人与全自动流程，实现了全天候不间断的高精度工业生产。

Xià dài huà zhì néng wú rén "hēi dēng gōng chǎng" yī tuō gōng yè jī qì rén yǔ quán zì dòng liú chéng, shí xiàn le quán tiān hòu bù jiàn duàn de gāo jīng dù gōng yè shēng chǎn.

Những 'nhà máy không đèn' thông minh hiện đại không người lái dựa vào robot công nghiệp và quy trình hoàn toàn tự động đã thực hiện sản xuất công nghiệp chính xác cao liên tục suốt 24/7.

21 nét

HÁN VIỆT SINH SẢN

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#615

生存

shēng cún

sinh tồn, tồn tại và phát triển

地球是人类赖以生存的唯一家园；全人类必须携手应对全球气候变暖危机，共同守护生生不息的绿色地球。

Dì qiú shì rén lèi lái yǐ shēng cún de wéi yī jiā yuán; quán rén lèi bì xū xié shǒu yìng duì quán qiú qì hòu biàn nuǎn wēi jī, gòng tóng shǒu hù shēng shēng bù xī de lǜ sè dì qiú.

Trái Đất là mái ấm duy nhất mà loài người nương tựa để sinh tồn; toàn thể nhân loại bắt buộc phải chung tay ứng phó cuộc khủng hoảng nóng lên toàn cầu, cùng nhau che chở bảo vệ một Trái Đất xanh trường tồn sinh sôi nảy nở không ngừng.

22 nét

HÁN VIỆT SINH TỒN

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#616

生动

shēng dòng

sinh động, chân thực, hấp dẫn

老教授通过生动鲜活的实际工程案例与幽默风趣的语言，把晦涩高深的理论知识讲解得通俗易懂。

Lǎo jiào shòu tōng guò shēng dòng xiān huó de shí jì gōng chéng àn lì yǔ yōu mò fēng qù de yǔ yán, bǎ huì sè gāo shēn de lǐ lùn zhī shí jiǎng jiě dé tōng sù yì dòng.

Vị giáo sư già thông qua những ví dụ công trình thực tế sinh động hấp dẫn cùng ngôn từ hài hước dí dỏm đã giảng giải những tri thức lý luận cao siêu hóc búa trở nên vô cùng dễ hiểu.

24 nét

HÁN VIỆT SINH ĐỘNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#617

生命

shēng mìng

sinh mệnh, sự sống, mạng sống

生命只有一次，珍爱生命、注重安全健康是享受一切幸福美好人生的首要前提。

Shēng mìng zhǐ yǒu yí cì, zhēn ài shēng mìng, zhū zhòng ān quán jiàn kāng shì xiǎng shòu yí qiè xìng fú měi hǎo rén shēng de shǒu yào qián tí.

Sinh mệnh mỗi người chỉ có một, biết trân quý sự sống và chú trọng an toàn sức khỏe chính là tiền đề tiên quyết để tận hưởng một cuộc đời hạnh phúc tốt đẹp.

24 nét

HÁN VIỆT SINH MỆNH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#618

生意

shēng yì

kinh doanh, buôn bán; sức sống sinh khí

得益于一流的法治化营商环境与跨境电商便利化政策，外贸企业的进出口生意越做越红火。

Dé yì yú yí liú de fǎ zhì huà yíng shāng huán jīng yǔ kuà jīng diàn shāng biàn lì huà zhèng cè, wài mào qǐ yè de jìn chū kǒu shēng yì yuè zuò yuè hóng huǒ.

Nhờ vào chính sách tạo thuận lợi thương mại điện tử xuyên biên giới và môi trường kinh doanh pháp trị hóa đỉnh cao, công việc buôn bán kinh doanh xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp ngoại thương ngày càng phát đạt hồng phát.

22 nét

HÁN VIỆT SINH Ý

HSK 3 (3.0)

Động từ

#619

生长

shēng zhǎng

sinh trưởng, lớn lên, phát triển

在智能化现代农业温室大棚里，各种无公害优质蔬菜在水肥一体化精准调控下茁壮生长。

Zài guó jì duō biān wài jiāo fēng huì bì mù zhī jī, gè guó líng dǎo rén gòng tóng fā biǎo le guān yú xié shǒu gòu jiàn hé píng wěn dìng yǔ hé zuò gòng yìng xīn zhì xù de lián hé shēng míng.

Bên trong nhà kính nông nghiệp hiện đại thông minh hóa, các loại rau củ chất lượng cao không chất độc hại sinh trưởng phát triển xanh tốt khỏe mạnh dưới sự điều tiết chuẩn xác tích hợp nước và phân bón.

20 nét

HÁN VIỆT SINH TRƯỞNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Động từ

#620

声明

shēng míng

tuyên bố, thông cáo chính thức; tuyên bố lập trường

在国际多边外交峰会闭幕之际，各国领导人共同发表了关于携手构建和平稳定与合作共赢新秩序的联合声明。

Zài guó jì duō biān wài jiāo fēng huì bì mù zhī jī, gè guó líng dǎo rén gòng tóng fā biǎo le guān yú xié shǒu gòu jiàn hé píng wěn dìng yǔ hé zuò gòng yìng xīn zhì xù de lián hé shēng míng.

Vào thời điểm bế mạc hội nghị thượng đỉnh ngoại giao đa phương quốc tế, lãnh đạo các nước đã cùng nhau công bố bản tuyên bố chung về việc chung tay xây dựng trật tự mới hòa bình, ổn định và hợp tác cùng thắng.

22 nét

HÁN VIỆT THANH MINH



HSK 3 (3.0)

Động từ / Tính từ

#621

胜

shèng

thắng, chiến thắng; vượt trội; cảnh đẹp

在国际大学生创新创业大赛总决赛中，我校代表队凭借卓越的原创科技方案力克强手、勇夺全胜。

Zài guó jì dà xué shèng chuàng xīn chuàng yè dà sài zǒng jué sài zhōng, wǒ xiào dài biǎo duì píng jiè zhuó yuè de yuán chuàng kē jì fāng àn lì kè qiáng shǒu, yǒng duó quán shèng.

Trong trận chung kết Cuộc thi Khởi nghiệp Đổi mới Sáng tạo Sinh viên Quốc tế, đội tuyển đại diện trường chúng tôi nhờ vào phương án khoa học công nghệ nguyên tác tác việt đã đánh bại các đối thủ mạnh, xuất sắc giành toàn thắng chiến thắng vẻ vang.

📖 12 nét

HÁN VIỆT: THẮNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Động từ / Tính từ

#622

胜利

shèng lì

thắng lợi, chiến thắng

在全体科研攻关团队的顽强拼搏与协同攻坚下，这项国家级重大战略工程最终迎来了全面胜利。

Zài quán tǐ kē yán gōng guān tuán duì de wán qiáng pīn bó yǔ xié tóng gōng jiàn xià, zhè xiàng guó jiā jí zhòng dà zhàn lüè gōng chéng zui zhōng yíng lái le quán miàn shèng lì.

Dưới sự nỗ lực kiên cường và phối hợp hiệp đồng chiến đấu của toàn thể đội ngũ nghiên cứu khoa học, đại dự án chiến lược cấp quốc gia này cuối cùng đã đón chào thắng lợi toàn diện.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: THẮNG LỢI

HSK 3 (3.0)

Động từ

#623

失去

shī qù

mất đi, đánh mất, thất lạc

无论身处多么艰难的人生逆境，只要心中怀揣希望与信念，就绝不会失去重新启航的方向与动力。

Wú lùn shēn chù duō me jiān nán de rén shēng nǐ jìng, zhǐ yào xīn zhōng huái chuái xī wàng yǔ xìn niàn, jiù jué bú huì shī qù chóng xīn qǐ háng de fāng xiàng yǔ dòng lì.

Bất luận rơi vào nghịch cảnh cuộc đời gian nan đến đâu, chỉ cần trong tim luôn ấp ủ hy vọng và niềm tin thì tuyệt đối sẽ không bao giờ đánh mất phương hướng và động lực để tái khởi hành.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: THẤT KHỨ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#624

石头

shí tou

hòn đá, viên đá, đá

摸着石头过河，是中国在波澜壮阔的改革开放实践中总结出的极其宝贵的渐进式探索智慧。

Mō zhe shí tou guò hé, shì zhōng guó zài bō lán zhuàng kuò de gǎi gé kāi fàng shí jiàn zhōng zōng jié chū de jí qí bǎo guì de jiàn jìn shì tàn suǒ zhì huì.

'Đò đá qua sông' là bài học trí tuệ thâm hiểm tiệm tiến vô cùng quý báu mà Trung Quốc đã đúc kết được trong thực tiễn cải cách mở cửa tránh lệ sóng gió muôn trùng.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: THẠCH ĐẦU

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#625

石油

shí yóu

dầu mỏ, dầu khí, dầu thô

深海“深海一号”超深水大气田与塔里木万米深地钻井工程，极大增强了国家石油与天然气能源安全保障能力。

Shēn hǎi "shēn hǎi yī hào" chāo shēn shuǐ dà qì tián yǔ tā lǐ mù wàn mǐ shēn dì zuān jǐng gōng chéng, jí dà zēng qiáng le guó jiā shí yóu yǔ tiān rán qì néng yuán ān quán bǎo zhàng néng lì.

Mỏ khí thiên nhiên nước siêu sâu 'Thâm Hải Số 1' cùng công trình khoan giếng sâu vạn mét trong lòng đất tại bốn địa Tarim đã tăng cường to lớn năng lực bảo đảm an ninh năng lượng dầu mỏ và khí đốt thiên nhiên của quốc gia.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: THẠCH DẦU

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#626

时

shí

thời gian, giờ

开会时间到了。

Kāi huì shí jiān dào le.

Thời gian họp đến rồi.

📖 14 nét

HÁN VIỆT: THỜI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#627

时代

shí dài

thời đại, kỷ nguyên

我们正身处一个人工智能与数字经济深刻重塑人类社会生产生活形态的伟大变革时代。

Wǒ men zhèng shēn chù yí gè rén gōng zhì néng yǔ shù zì jīng jì shēn kè zhòng xíng rén lèi shè huì shēng huó xíng tài de wēi dà biàn gé shí dài.

Chúng ta đang sống trong một thời đại chuyển mình vĩ đại khi trí tuệ nhân tạo và nền kinh tế số đang tái định hình sâu sắc hình thái sản xuất và đời sống của xã hội loài người.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: THỜI ĐẠI

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Phó từ

#628

时刻

shí kè

thời khắc, thời điểm; luôn luôn, mọi lúc

作为国家安全与公共卫的忠诚守护者，全体一线值守人员时刻保持着高度的警惕性与责任感。

Zuò wéi guó jiā ān quán yǔ gōng gòng wèi shēng de zhōng chéng shǒu hù zhě, quán tǐ yí xiàn zhí shǒu rén yuán shí kè bǎo chí zhe gāo dù de jǐng tì xíng yǔ zé rèn gǎn.

Với tư cách là những người bảo vệ trung thành của an ninh quốc gia và vệ sinh dịch tễ công cộng, toàn thể cán bộ túc trực tuyến đầu luôn luôn giữ vững tinh thần cảnh giác và tinh thần trách nhiệm cao độ ở mọi thời khắc.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: THỜI KHẮC

HSK 3 (3.0)

Phó từ

#629

实际上

shí jì shàng

trên thực tế, thực ra, thực chất

看起来十分复杂的深空算法模型，实际上可以通过底层核心物理守恒定律进行巧妙的降维化简。

Kàn qǐ lái shí fēn fù zá de shēn kōng suàn fǎ mó xíng, shí jì shàng kě yǐ tōng guò dī céng hé xīn wù lǐ shǒu héng dīng lǚ jìn xíng qiǎo miào de jiàng wéi huà jiǎn.

Mô hình thuật toán không gian sâu nhìn bề ngoài trông có vẻ vô cùng phức tạp, nhưng trên thực tế thực chất lại có thể tiến hành đơn giản hóa giảm chiều một cách tài tình thông qua các định luật bảo toàn vật lý cốt lõi tầng đáy.

📖 32 nét

HÁN VIỆT: THỰC TẾ THƯỜNG



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#630

实力

shí lì

thực lực, sức mạnh tiềm tàng thực chất

我国在载人航天、深海探测与超级计算机等战略高科技领域展现出了坚强雄厚的国家综合实力。

Wǒ guó zài zài rén háng tiān, shēn hǎi tàn cè yǔ chāo jí jì suàn jī děng zhàn lüè gāo kē jì líng yù zhān xiǎn chǔ le jiān qiáng xióng hòu de guó jiā zǒng hé kē jì shí lì.

Nước ta trên các lĩnh vực công nghệ cao chiến lược như máy tính siêu cấp, thăm dò biển sâu và hàng không vũ trụ có người lái đã phô diễn thực lực khoa học công nghệ tổng hợp quốc gia hùng hậu và kiên cường.

20 nét

HÁN VIỆT: THỰC LỰC

HSK 3 (3.0)

Động từ

#631

实行

shí xíng

thực hành, thi hành, áp dụng (chính sách, chế độ)

国家对生态脆弱敏感区域实行极其严格的生态保护红线制度，实行终身追究问责机制。

Guó jiā duì shēng tài cuì ruò mǐn gǎn qū yù shí xíng jí qí yán gé de shēng tài bǎo hù hóng xiàn zhì dù, shí xíng zhōng shēn zhuī wèn zé jī zhì.

Nhà nước thi hành chế độ lần ranh đỏ bảo vệ sinh thái vô cùng nghiêm ngặt đối với các vùng sinh thái nhạy cảm dễ bị tổn thương, áp dụng cơ chế truy cứu trách nhiệm suốt đời.

24 nét

HÁN VIỆT: THỰC HÀNH

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Động từ

#632

实验

shí yàn

thí nghiệm, làm thí nghiệm; thực nghiệm

科研团队在国家重离子加速器科学装置上开展了数百次极端高能物理碰撞精密实验。

Kē yán tuán duì zài guó jiā zhòng lí zǐ jiā zhòng lí zǐ jiā sù qì kē xué zhuāng zhì shàng kāi zhǎn le shù bǎi cì jí duǎn gāo néng wù lǐ pèng chuāng jīng mǐ shí yàn.

Đội ngũ nghiên cứu khoa học đã triển khai hàng trăm đợt thí nghiệm va chạm vật lý năng lượng cực cao chính xác trên máy gia tốc ion nặng quốc gia.

20 nét

HÁN VIỆT: THỰC NGHIỆM

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#633

实验室

shí yàn shì

phòng thí nghiệm

国家重点实验室汇聚了一流科研装备与拔尖创新人才，是开展前沿基础科学攻关的战略策源地。

Guó jiā zhòng diǎn shí yàn shì huì jù le yí liú kē yán zhuāng bèi yǔ bá jiān chuàng xīn rén cái, shì kāi zhǎn qián yán jī chú kē xué gōng guān de zhàn lüè cè yuán dì.

Phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia quy tụ các trang thiết bị nghiên cứu khoa học hàng đầu cùng các nhân tài đổi mới sáng tạo xuất chúng, là cái nôi chiến lược khởi nguồn triển khai các đợt vượt khó khoa học cơ bản tiên phong.

31 nét

HÁN VIỆT: THỰC NGHIỆM THẤT

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#634

食品

shí pǐn

thực phẩm, đồ ăn

食品安全重于泰山，监管部门必须严把原材料采购与生产加工的每一道质量关卡。

Shí pǐn ān quán zhòng yú tài shān, jiǎn guǎn bù mēn bì xū yán bǎ yuán cái liào cǎi gòu yǔ shēng chǎn jiā gōng de měi yī dào zhì liàng guān qiǎ.

An toàn vệ sinh thực phẩm quan trọng tựa núi Thái Sơn, các cơ quan thanh tra kiểm soát phải siết chặt từng khâu chất lượng từ thu mua nguyên liệu đến chế biến sản xuất.

25 nét

HÁN VIỆT: THỰC PHẨM

HSK 3 (3.0)

Động từ / Liên từ

#635

使

shǐ

khiến cho, làm cho; phái cử

先进数字技术与现代农业的深度融合应用，使广大农户大幅降低了劳动强度并显著提高了粮食亩产量。

Xiān jìn shù zì jì shù yǔ xiān dài nóng yè de shēn dù róng hé yīng yòng, shǐ guǎng dà nóng hù dà fú jiàng dī le láo dòng qiáng dù bìng xiǎn zhù tí gāo le liáng shí mù chǎn liàng.

Ứng dụng dung hợp sâu sắc giữa nông nghiệp hiện đại và công nghệ kỹ thuật số tiên tiến đã làm cho khiến cho đồng ruộng bà con nông dân giảm thiểu vượt bậc cường độ lao động và nâng cao rõ rệt sản lượng lúa trên mỗi mẫu.

10 nét

HÁN VIỆT: SỬ

HSK 3 (3.0)

Phó từ

#636

始终

shǐ zhōng

từ đầu đến cuối, luôn luôn, nhất quán

中国始终坚定不移奉行互利共赢的开放战略，为全球经济复苏与繁荣稳定注入强劲确定性动力。

Zhōng guó shǐ zhōng jiān dìng bù yí fèng xíng hù lì gòng yíng de kāi fàng zhàn lüè, wèi quán qiú jīng jì fù sù yǔ fán róng wěn dìng zhù rù qiáng jīng què dìng xíng dòng lì.

Trung Quốc luôn luôn kiên định thực thi chiến lược mở cửa đôi bên cùng có lợi từ đầu đến cuối, tiếp thêm động lực chắc chắn mạnh mẽ cho sự phục hồi và ổn định phồn vinh của kinh tế toàn cầu.

26 nét

HÁN VIỆT: THUYẾT CHUNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#637

世纪

shì jì

thế kỷ

回顾过去一个世纪的人类文明进程，科学技术与生产力的飞跃创造了前所未有的繁荣奇迹。

Huí gù guò qù yí gè shì jì de rén lè wén míng jìn chéng, kē xué jì shù yǔ shēng chǎn lì de fēi yuè chuàng zào le qián suǒ wèi yǒu de fán róng qí jì.

Nhìn lại tiến trình văn minh nhân loại trong suốt một thế kỷ qua, bước nhảy vọt của khoa học công nghệ và sức sản xuất đã kiến tạo nên những kỳ tích phồn vinh chưa từng có.

23 nét

HÁN VIỆT: THẾ KỶ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#638

世界

shì jiè

thế giới

放眼当今世界，掌握多门外语与跨文化交际能力正在成为全球化人才的核心竞争优势。

Fàng yǎn dāng jīn shì jiè, zhǎng wò duō mén wài yǔ jiāo jì néng lì zhèng zài chéng wéi quán qiú huà rén cái de hé xīn jīng zhēng yōu shì.

Nhìn ra thế giới ngày nay, việc thông thạo nhiều ngoại ngữ và năng lực giao tiếp đa văn hóa đang trở thành lợi thế cạnh tranh cốt lõi của nhân tài toàn cầu.

26 nét

HÁN VIỆT: THẾ GIỚI



HSK 3 (3.0)

Danh từ riêng

#639

世界杯

Shìjièbēi

Giải Vô địch Thế giới, World Cup

在四年一度的国际足联世界杯总决赛上，两支顶尖球队展开了扣人心弦的巅峰对决。

Zài sì nián yí dù de guó jì zú qián shì jiè bēi zōng jué sài shàng, liǎng zhī dīng jiàn qiú duì zhàn kāi le kǒu rén xīn xián de diǎn fēng duì jué.

Tại trận chung kết Giải Vô địch Bóng đá Thế giới World Cup bốn năm một lần, hai đội bóng đỉnh cao đã triển khai một cuộc đối đầu đỉnh cao nghẹt thở gay cấn.

35 nét

HÁN VIỆT: THỂ GIỚI BÓI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#640

市场

shì chǎng

thị trường, chợ

随着新能源汽车产业的蓬勃发展，海外新兴市场对高品质电动车的需求正在迎来爆发式增长。

Suí zhe xīn néng yuán qì chē chǎn yè de péng bó fā fā zhǎn, hǎi wài xīn xīng shì chǎng duì gāo pǐn zhì diǎn dòng chē de xū qiú zhèng zài yíng lái bào fā shì zēng zhǎng.

Cùng với sự phát triển bùng nổ của ngành công nghiệp xe năng lượng mới, nhu cầu của các thị trường mới nổi ở nước ngoài đối với xe điện chất lượng cao đang đón nhận đà tăng trưởng bất phá.

16 nét

HÁN VIỆT: THỊ TRƯỜNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#641

事故

shì gù

sự cố, tai nạn giao thông/lao động

国家应急管理部严格落实全员安全生产责任制，坚决防范遏制重特大矿山与危化品安全生产事故发生。

Guó jiā yǐng jǐ guǎn lǐ bù yán gé quán shí quán yuán ān quán shēng chǎn zé rèn zhì, jiǎn jué fáng àn è zhì zhòng tè dà kuàng shān yǔ wēi huà pīn ān quán shēng chǎn shì gù fā shēng.

Bộ Quản lý Khẩn cấp Quốc gia thực hiện nghiêm ngặt chế độ trách nhiệm sản xuất an toàn toàn diện, kiên quyết phòng ngừa và ngăn chặn các sự cố tai nạn sản xuất an toàn hóa chất nguy hiểm và hầm mỏ đặc biệt lớn xảy ra.

23 nét

HÁN VIỆT: SỰ CỐ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#642

事件

shì jiàn

sự kiện, biến cố, vụ việc trọng đại

国家网络安全应急指挥中心建立了全天候安全态势感知机制，能够以秒级速度快速处置各类突发重大网络安全事件。

Guó jiā wǎng luò ān quán yǐng jǐ zhǐ huī zhōng xīn jiàn lì le quán tiān hòu ān quán tài shì gǎn zhī jī zhì, néng gòu yǐ miǎo jí sù dù kuài sù chǔ zhì gè lèi tū fā zhòng dà wǎng luò ān quán shì jiàn.

Trung tâm Chỉ huy Khẩn cấp An ninh Mạng Quốc gia đã xây dựng cơ chế cảm nhận tình hình an ninh suốt 24/7, có thể xử lý nhanh chóng trong tích tắc các loại vụ việc sự kiện an ninh mạng trọng đại đột xuất.

24 nét

HÁN VIỆT: SỰ KIỆN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#643

事实

shì shí

sự thật, thực tế khách quan

铁一样确凿的事实充分证明，和平合作、开放包容才是引领世界经济走出低谷的历史正道。

Tiě yī yàng què záo de shì shí chōng fèn zhèng míng, hé píng hé zuò, kāi fàng bào róng cái shì yǐn lǐng shì jì jīng jì zǒu chū dī gǔ de lì shǐ zhèng dào.

Những sự thật đanh thép không thể chối cãi đã chứng minh đầy đủ rằng, hợp tác hòa bình, cởi mở bao dung mới là con đường lịch sử đúng đắn dẫn dắt nền kinh tế thế giới bước ra khỏi vùng đáy suy thoái.

23 nét

HÁN VIỆT: SỰ THỰC

HSK 3 (3.0)

Phó từ / Cụm từ

#644

事实上

shìshíshàng

sự thật là, trên thực tế, thực tế chứng minh

事实上，只有把关键核心技术牢牢掌握在自己手中，才能真正确保国家产业安全与战略主动。

Shì shí shàng, zhǐ yǒu bǎ guān jiàn hé xīn jī shù láo láo zhāng wò zài zì jǐ shǒu zhōng, cái néng zhēn zhèng què bǎo guó jiā chǎn yǎn ān quán yǔ zhàn lüè zhǔ dòng.

Sự thật là trên thực tế, chỉ có nắm chắc công nghệ lõi then chốt trong tay mình mới có thể thực sự bảo đảm quyền chủ động chiến lược và an toàn ngành nghề của đất nước.

31 nét

HÁN VIỆT: SỰ THỰC THƯỜNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#645

事业

shì yè

sự nghiệp, công cuộc vĩ đại

伟大的中国式现代化建设事业，需要一代又一代中华儿女接续奋斗、勇担重任、开拓进取。

Wěi dà de zhōng guó shì xiàn dài huà jiàn shè shì yè, xū yào yí dài yòu yí dài zhōng huá ér nǚ jiē xù fèn dòu, yǒng dān zhòng rèn, kāi tuō jìn qǔ.

Sự nghiệp xây dựng hiện đại hóa đất nước vĩ đại đòi hỏi hết thế hệ này đến thế hệ khác con em đất Việt / muôn dân phải tiếp bước phấn đấu, dũng cảm gánh vác trọng trách, khai phá tiến lên.

21 nét

HÁN VIỆT: SỰ NGHIỆP

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#646

试题

shì tí

đề thi, câu hỏi thi sát hạch

本届国际汉语水平等级考试试题注重考查考生的真实语言交际能力与跨文化理解素养。

Běn jiè guó jì hàn yǔ shuǐ píng děng jí kǎo shì shì tí zhū zhòng kǎo chá kǎo shēng de zhēn shí yǔ yán jiāo jì néng lì yǔ kuà wén huà lǐ jiě sù yǎng.

Đề thi câu hỏi thi của Kỳ thi Đánh giá Năng lực Tiếng Hán Quốc tế lần này chú trọng khảo sát năng lực giao tiếp ngôn ngữ chân thực và tố chất hiểu biết liên văn hóa của thí sinh.

26 nét

HÁN VIỆT: THÍ ĐỀ

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#647

试验

shì yàn

thử nghiệm, thí nghiệm kiểm chứng

新型国产宽体大型客机顺利完成了高寒、高温、高湿与大侧风等极端气象环境下的严苛适航飞行试验。

Xīn xíng guó chǎn kuān tǐ dà xíng kè jī shùn lì wán chéng le gāo hán, gāo wēn, gāo shī yǔ dà cè fēng děng jí duǎn qì xiàng huán jīng xià de yán kē shì háng shì yàn fēi xíng shì yàn.

Máy bay chở khách thân rộng cỡ lớn mới do nước ta sản xuất đã hoàn thành thuận lợi các chuyến bay thí nghiệm thử nghiệm kiểm chứng đủ điều kiện bay vô cùng nghiêm ngặt dưới các môi trường khí tượng cực đoan như gió tạt ngang lớn, độ ẩm cao, nhiệt độ cao và giá rét khắc nghiệt.

22 nét

HÁN VIỆT: THÍ NGHIỆM



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#648

室

shì

phòng, buồng, gian phòng

青年科学家在宽敞明亮的数字化研究室内专
注推演公式，向着前沿未知科学高峰奋勇攀
登。

Qīng nián kē xué jiā zài kuān chǎng míng liàng
de shù zì huà yán jiū shì nèi zhuān zhù tuī yǎn
gōng shì, xiàng zhe qián yán wèi zhī kē xué gāo
fēng fèn yǒng pǎn dēng.

Nhà khoa học trẻ tuổi trong gian phòng
phòng nghiên cứu số hóa rộng rãi sáng sủa
chăm chú suy diễn công thức, dũng mãnh
trèo lên đỉnh cao khoa học chưa biết tiên
phong.

📖 11 nét

HÁN VIỆT: THẤT

HSK 3 (3.0)

Động từ

#649

适合

shì hé

thích hợp, phù hợp

找到最适合自己的学习方法与节奏，能够让
知识的吸收与运用事半功倍。

Zhǎo dào zuì shì hé zì jǐ de xué xí fāng fǎ yǔ jié
zòu, néng gòu ràng zhī shí de xī shōu yǔ yùn
yòng shì bàn gōng bèi.

Tìm được phương pháp và nhịp độ học tập
phù hợp nhất với bản thân sẽ giúp việc tiếp
thu và vận dụng kiến thức đạt hiệu quả gấp
đôi mà tốn ít công sức.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: QUÁT CẤP

HSK 3 (3.0)

Động từ

#650

适应

shì yìng

thích nghi, thích ứng

来到全新的工作环境后，他迅速调整状态，
很快便适应了团队的高效协作节奏。

Lái dào quán xīn de gōng zuò huán jīng hòu, tā
xùn sù tiáo zhěng zhuàng tài, hěn kuài biàn shì
yìng le tuán duì de gāo xiào xié zuò jié zòu.

Sau khi đến môi trường làm việc mới, anh ấy
đã nhanh chóng điều chỉnh tâm thế và bắt
nhịp thích nghi rất nhanh với quỹ đạo quay làm
việc hiệu quả của nhóm.

📖 26 nét

HÁN VIỆT: QUÁT ỨNG

HSK 3 (3.0)

Động từ / Tính từ

#651

适用

shìyòng

thích hợp áp dụng, phù hợp sử
dụng

这种由我国自主研发的新型生态环保防沙治
沙工艺，非常适用在干旱半干旱荒漠化地区
大面积推广。

Zhè zhǒng yóu wǒ guó zì zhǔ yán fā de xīn xíng
shēng tài huán bǎo fáng shā zhì shā gōng yì, fēi
cháng shì yòng zài gān hàn bàn gān huāng huà dì
qū dà miàn jī tuī guǎng.

Quy trình công nghệ ngăn cát trị cát bảo vệ
môi trường sinh thái kiểu mới do nước ta tự
chủ nghiên cứu phát triển này rất thích hợp
áp dụng phù hợp sử dụng để nhân rộng trên
diện rộng ở các khu vực hoang mạc hóa bán
khô hạn và khô hạn.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: QUÁT DỤNG

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#652

收费

shōufèi

thu phí, tính phí; lệ phí

国家森林公园全面推行免门票政策与智能化
便民服务，严禁任何违规乱收费行为。

Guó jiā sēn lín gōng yuán quán miàn tuī xíng
miǎn mén piào zhèng cè yǔ zhì néng huà biān
mín fú wù, yán jìn rèn hé wéi guī luàn shōu fèi
xíng wéi.

Công viên Rừng Quốc gia triển khai toàn
diện chính sách miễn phí vé vào cửa và dịch
vụ tiện ích thông minh, nghiêm cấm mọi hành
vi thu phí tính phí sai quy định tùy tiện.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: THU PHÍ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#653

收看

shōukàn

xem truyền hình, đón xem chương
trình

全国数亿群众围坐在电视机前，满怀喜悦与
激动地收看神舟载人飞船凯旋返回的现场直
播。

Quán guó shù yì qún zhòng wéi zuò zài diàn shì jī
qián, mǎn huái xǐ yuè yǔ jī dòng de shōu kàn shén
zhōu zài rén fēi chuán kǎi xuǎn fǎn huí de xiàn
chǎng zhí bō.

Hàng trăm triệu quần chúng trên khắp cả
nước quây quần bên màn hình tivi, tràn đầy
xúc động và niềm vui sướng đón xem xem
truyền hình trực tiếp buổi truyền hình trực
tiếp tàu vũ trụ có người lái Thần Châu khai
hoàn trở về.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: THU KHÁN

HSK 3 (3.0)

Động từ

#654

收听

shōutīng

nghe đài, lắng nghe phát thanh

广大车马习惯在早晚高峰出行时收听国家应
急广播电台的实时路况与气象预报。

Guǎng dà chē mǎ xí guǎn zài zǎo wǎn gāo fēng
chū xíng shí shí shōu tīng guó jiā yīng jí guǎng bō
diàn tái de shí shí lù kuàng yǔ qì xiàng yù bào.

Đồng đảo các tài xế chủ xe có thói quen lắng
nghe nghe đài dự báo khí tượng và tình hình
giao thông theo thời gian thực của Đài Phát
thanh Khẩn cấp Quốc gia khi đi lại vào giờ
cao điểm sáng tối.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: THU DẪN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#655

收音机

shōu yīn jī

máy thu thanh, radio

应急广播系统能够在遭遇重大自然灾害断
电断网的极端特殊情况下，通过太阳能应急
收音机向灾区群众及时播发权威救灾指令。

Yīng jí guǎng bō xì tǒng néng gòu zài zāo yù
zhòng dà zì rán zāi hài duàn diàn duàn wǎng de jí
duǎn tè shū qíng kuàng xià, tōng guò tài yáng
néng yīng jí shōu yīn jī xiàng zāi qū qún zhòng jī
shí bō fā quán wēi jī zhì zǐ lǐng.

Hệ thống phát thanh khẩn cấp trong các
trường hợp đặc biệt cực đoan khi gặp phải
thảm họa thiên tai trọng đại bị cắt mạng mất
điện, có thể thông qua chiếc máy thu thanh
radio khẩn cấp chạy bằng năng lượng mặt
trời kịp thời phát các chỉ thị cứu trợ thiên tai
có thẩm quyền tới nhân dân vùng thảm họa.

📖 28 nét

HÁN VIỆT: THU ÂM CƠ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#656

手续

shǒu xù

thủ tục, giấy tờ thủ tục

政务服务大厅推行“一网通办”集成改革，
让群众足不出户就能在几分钟内轻松办理完
全部审批手续。

Zhèng wù fú wù dà tīng tuī xíng "yī wǎng tōng
bàn" jí chéng gǎi gé, ràng qún zhòng zú bù chū
hù jiù néng zài jǐ fēn zhōng nèi qīng sōng bàn lí
wán quán bù shěn pī shǒu xù.

Trung tâm Phục vụ Hành chính công đẩy
mạnh cải cách tích hợp "Một cửa điện tử",
giúp người dân không cần rời khỏi nhà cũng
có thể dễ dàng giải quyết hoàn tất toàn bộ
thủ tục thẩm định phê duyệt chỉ trong vài
phút.

📖 27 nét

HÁN VIỆT: THU TỤC



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#657

手指

shǒu zhǐ

ngón tay

青年钢琴演奏家修长灵活的手指在黑白琴键上飞速起舞，流淌出宛如天籁之音的动人乐章。

Qīng nián gāng qín yǎn zòu jiā xiū cháng líng huó de shǒu zhǐ zài hēi bái qín jiàn shàng fēi sù qǐ wǔ, liú tǎng chū wǎn rú tiān lài zhī yīn de dòng rén yuè zhāng.

Những ngón tay thon dài linh hoạt của nghệ sĩ dương cầm trẻ lướt bay thoăn thoắt trên phím đàn đen trắng, tuôn trào nên những chương nhạc lay động lòng người tựa âm thanh của chốn bồng lai.

25 nét

HÁN VIỆT: THỦ CHỈ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#658

首都

shǒu dū

thủ đô

北京作为中华人民共和国的首都，不仅是全国的政治中心，更是底蕴深厚的历史文化名城。

Běi jīng zuò wéi zhōng huá rén mín gòng hé guó de shǒu dū, bù jīn shì quán guó de zhèng zhì zhōng xīn, gèng shì dǐ yùn shēn hòu de lì shǐ wén huà míng chéng.

Bắc Kinh với tư cách là thủ đô của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, không chỉ là trung tâm chính trị của cả nước mà còn là danh thành lịch sử văn hóa có bề dày sâu sắc.

25 nét

HÁN VIỆT: THỦ ĐÔ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#659

首先

shǒu xiān

trước tiên, đầu tiên

解决复杂的工程技术难题，首先要精准定位核心瓶颈所在，然后再有的放矢地开展攻坚。

Jiě jué fù zá de gōng chéng jì shù nán tí, shǒu xiān yào jīng zhǔn dìng wèi hé xīn píng jīng suǒ zài, rán hòu zài yǒu de fàng shǐ dì kāi zhǎn gōng jiān.

Để giải quyết các bài toán kỹ thuật công trình phức tạp, trước tiên cần phải định vị chuẩn xác điểm nghẽn cốt lõi nằm ở đâu, sau đó mới tập trung dốc lực tháo gỡ từng bước.

26 nét

HÁN VIỆT: THỦ TIÊN

HSK 3 (3.0)

Động từ

#660

受

shòu

nhận được

老师鼓励大家积极受，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí shòu, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực nhận được, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

9 nét

HÁN VIỆT: THỌ

HSK 3 (3.0)

Động từ / Tính từ

#661

受伤

shòu shāng

bị thương, tổn thương

在突发特大山火扑救一线，数名英勇奋战的年轻消防员虽然局部轻微受伤，依然顽强不下火线。

Zài tū fā tè dà shān huǒ pū jiù yī xiàn, shù míng yīng yǒng fèn zhàn de nián qīng xiǎo fáng yuán suī rán jú bù qīng wēi shòu shāng, yī rán wán qiáng bù xià huǒ xiàn.

Tại tuyến đầu dập tắt vụ cháy rừng đặc biệt lớn bùng phát bất ngờ, vài chiến sĩ cứu hỏa trẻ dũng cảm chiến đấu tuy bị thương nhẹ cục bộ nhưng vẫn kiên cường bám trụ không rời vị trí chiến đấu.

19 nét

HÁN VIỆT: THỌ THƯƠNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#662

书架

shū jià

giá sách, kệ sách

教授宽敞整洁的书房内靠墙摆放着整面实木书架，分门别类整齐陈列着数千册中外文史哲经典文献。

Jiào shòu kuǎn chǎng zhěng jié de shū fáng nèi kào qiáng bài fàng zhe zhěng miàn shí mù shū jià, fēn mén bié lèi zhěng qí chén liè zhāo shù qiān cè zhōng wài wén shǐ zhé jīng diǎn wén xiàn.

Bên trong phòng đọc sách rộng rãi ngăn nắp của giáo sư kê sát tường cả một hệ giá sách gỗ thịt, trưng bày ngay ngắn theo từng phân loại hàng ngàn cuốn thư tịch tài liệu kinh điển văn sử triết trong và ngoài nước.

23 nét

HÁN VIỆT: THƯ GIÁ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#663

输

shū

thua

老师鼓励大家积极输，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí shū, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực thua, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

13 nét

HÁN VIỆT: THẦU

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#664

输入

shū rù

nhập vào, truyền vào, đầu vào;
nhập liệu

科研人员在超算平台上输入精准的大气物理初始观测变量参数，启动了全球气候演化超高分辨率数值模拟。

Kē yán rén yuán zài chāo suàn píng tái shàng shū rù jīng zhǔn de dà qì wù lǐ chū shǐ guān cè biàn liàng cān shù, qǐ dòng le quán qiú qì hòu yǎn huà chāo gāo fēn biǎn lǜ shù zhí mō nǐ.

Các nhà nghiên cứu khoa học đã nhập các thông số biến số quan trắc vật lý khí quyển ban đầu chuẩn xác trên nền tảng siêu máy tính, khởi chạy chương trình mô phỏng số phân giải siêu cao về sự tiến hóa khí hậu toàn cầu.

26 nét

HÁN VIỆT: THẦU NHẬP

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#665

熟人

shú rén

người quen, người quen biết

在国际青年科学家论坛上，他惊喜地遇到了多位在海外留学深造时结识的学术界熟人。

Zài guó jì qīng nián kē xué jiā lùn tán shàng, tā jīng xǐ de yù dào le duō wèi zài hǎi wài liú xué shēn zào shí jié shí de xué shù jiè shú rén.

Tại Diễn đàn Các Nhà Khoa học Trẻ Quốc tế, anh ấy đã bất ngờ vui mừng gặp lại nhiều người quen trong giới học thuật từng quen biết khi du học tu nghiệp ở nước ngoài.

19 nét

HÁN VIỆT: THỰC NHÂN



HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#666

属
shǔ

thuộc về, cảm tình (tuổi con giáp);
loại

中国在大科学装置建设与量子信息科技攻坚中取得的一系列重大原创突破，当属世界顶尖水平。

Zhōng guó zài dà kē xué zhuāng zhì jiàn shè yǔ liàng zǐ xìn jī gōng jiǎn zhōng qǔ dé de yī xì liè zhòng dà yuán chuàng tū pò, dāng shǔ shì jiè dīng jiān shuǐ píng.

Một loạt những đột phá nguyên tác trọng đại mà Trung Quốc đạt được trong các trận đánh vượt khó công nghệ thông tin lượng tử và xây dựng thiết bị khoa học lớn xứng đáng thuộc về xếp vào trình độ đỉnh cao thế giới.

8 nét

HÁN VIỆT: THUỘC

HSK 3 (3.0)

Động từ

#667

属于
shǔ yú

thuộc về, nằm trong

青年是国家的未来与民族的希望，未来的壮阔天地属于每一个敢于追梦、勇于担当的奋斗者。

Qīng nián shì guó jiā de wèi lái yǔ mín zú de xī wàng, wèi lái de zhuàng kuò tiān dì shǔ yú měi yí gè gǎn yú zhūi mèng, yǒng yú dǎn dāng de fèn dòu zhě.

Thanh niên là tương lai của đất nước và niềm hy vọng của dân tộc, khoảng trời bao la tráng lệ phía trước thuộc về mỗi người dám ước mơ và dũng cảm gánh vác sứ mệnh.

22 nét

HÁN VIỆT: THUỘC VU

HSK 3 (3.0)

Động từ

#668

束
shù

bó

老师鼓励大家积极束，勇于探索新的知识。lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí shù, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực bó, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

11 nét

HÁN VIỆT: THÚC

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#669

数量
shù liàng

số lượng

在追求学术论文发表数量的同时，我们更要将研究质量与原创性成果放在第一位。

Zài zhuī qiú xué shù lùn wén fā biǎo shù liàng de tóng shí, wǒ men gèng yào jiāng yán jiū zhì liàng de yú yuán chuàng xīng chéng guǒ fàng zài dì yī wèi.

Song song với việc chú trọng số lượng bài báo khoa học công bố, chúng ta càng cần phải đặt chất lượng nghiên cứu và tính sáng tạo đột phá lên vị trí hàng đầu.

24 nét

HÁN VIỆT: SỐ LƯỢNG

HSK 3 (3.0)

Lượng từ / Tính từ

#670

双
shuāng

đôi, cặp; kép, song đôi (lượng từ)

大国工匠用一双巧手在微米级的精密航天构件上精雕细琢，创造了令人叹服的现代工业奇迹。

Dà guó gōng jiàng yòng yí shuāng qiǎo shǒu zài wēi mǐ jí de jīng mǐ háng tiān gōu jiàn shàng jīng diào xì zuó, chuàng zào le lìng rén tàn fú de xiàn dài gōng yè qí jī.

Nghệ nhân bậc thầy nước lớn dùng một đôi bàn tay khéo léo tỉ mỉ điêu khắc trên các cấu kiện hàng không vũ trụ chính xác cấp độ micromet, tạo nên những kỳ tích công nghiệp hiện đại khiến người đời phải khâm phục.

12 nét

HÁN VIỆT: SONG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#671

双方
shuāng fāng

hai bên, đôi bên, song phương

在平等互利与相互尊重的坚实基础上，双方正式签署了新一代清洁能源联合开发战略合作备忘录。

Zài píng děng hù lì yǔ xiāng hù zūn zhòng de jiān shí shí jī chǔ shàng, shuāng fāng zhèng shì qiān shù le xīn yí dài qīng jié néng yuán lián hé kāi fā zhàn lüè hé zuò bèi wàng lù.

Trên nền tảng vững chắc của sự bình đẳng đối bên cùng có lợi và tôn trọng lẫn nhau, hai bên đã chính thức ký kết Biên bản ghi nhớ hợp tác chiến lược cùng khai thác năng lượng sạch thế hệ mới.

21 nét

HÁN VIỆT: SONG PHƯƠNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#672

思想
sī xiǎng

tư tưởng, luồng tư tưởng

先进的思想是推动社会变革与文明演进的伟大先导，能够为人类历史的前行指引正确航向。

Xiān jìn de sī xiǎng shì tuī dòng shè huì biàn gé yǔ wén míng yǎn jìn de wēi dà xiān dǎo, néng gòu wéi rén lèi lì shǐ de qián xíng zhǐ yīn zhèng què háng xiàng.

Tư tưởng tiên tiến là ngọn cờ đầu vĩ đại thúc đẩy cải cách xã hội và tiến hóa văn minh, có thể soi đường chỉ lối hải trình đúng đắn cho sự phát triển của lịch sử loài người.

20 nét

HÁN VIỆT: TƯ TƯỞNG

HSK 3 (3.0)

Động từ

#673

死
sǐ

chết; cứng nhắc, khăng khăng; cực kỳ

读书要融会贯通、灵活运用，切不可死记硬背而不知变通。

Dú shū yào róng huì guān tōng, líng huó yùn yòng, qiè bù kě sǐ jì yìng bèi ér bù zhī biàn tōng.

Học sách phải biết liên hệ thấu suốt và vận dụng linh hoạt, tuyệt đối không nên học vẹt máy móc rập khuôn mà không biết biến hóa theo thực tế.

13 nét

HÁN VIỆT: TỬ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#674

速度
sù dù

tốc độ, vận tốc

京沪高铁复兴号动车组以每小时三百五十公里的运营速度飞驰，展现了中国高铁领跑世界的速度与实力。

Jīng hù gāo tiě fù xīng hào dòng chē zǔ yǐ měi xiǎo shí sān bǎi wú shí gōng lǐ de yùn yíng sù dù fēi chí, zhǎn xiǎn le zhōng guó gāo tiě lǐng pǎo shì jiè de sù dù yǔ shí lì.

Đoàn tàu cao tốc Fuxing trên tuyến đường sắt Bắc Kinh - Thượng Hải lao đi vun vút với vận tốc vận hành 350 km/h, thể hiện tốc độ và thực lực dẫn đầu thế giới của đường sắt cao tốc Trung Quốc.

24 nét

HÁN VIỆT: TỐC ĐỘ



HSK 3 (3.0)

Động từ / Giới từ

#675

随

suí

theo, tùy theo, đi theo; cùng với

我们要随时代的发展而不断更新知识储备，勇于在跨学科交叉融合中开辟新领域新赛道。

Wǒ men yào suí shí dài de fā zhǎn ér bù duàn gēng xīn zhī shí chǔ bèi, yǒng yú zài kuà xué kē jiāo chā róng hé zhōng kāi pì xīn lǐng yù xīn sài dào.

Chúng ta cần tùy theo đi theo sự phát triển của thời đại mà không ngừng cập nhật kho tàng tri thức tích lũy, dũng cảm mở ra những đường đua mới, lĩnh vực mới trong sự giao thoa dung hợp liên ngành.

9 nét

HÁN VIỆT: SUÝ

HSK 3 (3.0)

Lượng từ / Danh từ / Trật từ

#676

所

suǒ

ngôi, tòa (trường học, viện); nơi, chỗ; sở (trợ từ)

国家在西部地区重点援建的这所现代化综合性实验中学，配备了一流的科学实验室与数字图书馆。

Guó jiā zài xī bù dì qū zhòng diǎn yuán jiàn de zhè suǒ xiàn dài huà zōng hé xíng shí yàn zhōng xué, pèi bèi le yì liú de kē xué shí yàn shì yǔ shù zì tú shū guǎn.

Ngôi trường trung học thực nghiệm tổng hợp hiện đại do Nhà nước hỗ trợ xây dựng trọng điểm tại khu vực miền Tây được trang bị các phòng thí nghiệm khoa học và thư viện số hóa đẳng cấp hàng đầu.

9 nét

HÁN VIỆT: SỞ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#677

所长

suǒ zhǎng

viện trưởng / giám đốc viện nghiên cứu / trưởng đồn; sở trưởng

中国科学院微电子研究所所长在大会上作主旨报告，深入阐述了集成电路先进制程的攻关路径。

Zhōng guó kē xué yuán wēi diàn zǐ yán jiū suǒ suǒ zhǎng zài dà huì shàng zuò zhǔ zhǐ bào gào, shēn rù chǎn shù lè jī chéng diàn lù xiān jìn zhì chéng de gōng guǎn lù jīng.

Viện trưởng Giám đốc Viện Nghiên cứu Vi điện tử thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Trung Quốc đã có bài báo cáo chủ đề tại đại hội, diễn giải sâu sắc lộ trình vượt khó quy trình chế tạo tiên tiến mạch tích hợp (IC).

19 nét

HÁN VIỆT: SỞ TRƯỞNG

HSK 3 (3.0)

Lượng từ

#678

台

tái

chiếc, cỗ, đài (lượng từ cho máy móc); bực, sân khấu

这台由我国自主研发设计的高性能超导量子计算原型机，运算速度打破了多项世界纪录。

Zhè tái yóu wǒ guó zì zhǔ yán fā shè jì de gāo xìng néng chāo dǎo liàng zǐ jì suàn yuán xíng jī, yùn suàn sù dù dǎ pò le duō xiàng shì jiè jì lù.

Chiếc máy tính nguyên mẫu lượng tử siêu dẫn hiệu năng cao do nước ta tự chủ nghiên cứu thiết kế này đã phá vỡ nhiều kỷ lục thế giới về tốc độ tính toán.

13 nét

HÁN VIỆT: ĐÀI

HSK 3 (3.0)

Động từ

#679

谈

tán

nói chuyện, đàm phán, trao đổi

双方代表在极其友好融洽的氛围中，就深化未来产业投资合作深入谈了两个多小时。

Shuāng fāng dài biǎo zài jí qí yǒu hào róng qià de fēn wéi zhōng, jiù shēn huà wèi lái chǎn yè tóu zī hé zuò shēn rù tán le liǎng gè duō xiǎo shí.

Đại diện hai bên trong bầu không khí vô cùng thân thiện và hòa nhã đã trao đổi đàm phán sâu suốt hơn 2 tiếng đồng hồ về việc đẩy mạnh hợp tác đầu tư công nghiệp trong tương lai.

9 nét

HÁN VIỆT: ĐÀM

HSK 3 (3.0)

Động từ

#680

谈话

tán huà

nói chuyện

老师鼓励大家积极谈话，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí tán huà, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực nói chuyện, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

17 nét

HÁN VIỆT: ĐÀM THOẠI

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#681

谈判

tán pàn

đàm phán, thương lượng

在经历了多轮艰苦卓绝的跨国双边谈判后，两国正式达成了全面削减碳关税与贸易壁垒的里程碑式自贸协定。

Zài jīng lì le duō lún jiǎn kǔ zhuó jué de kuà guó shuāng biān tán pàn hòu, liǎng guó zhèng shì dá chéng le quán miàn xuē jiǎn tàn guān shuì yǔ mào yì bì lěi de lì chéng bēi shì zì mào xié dìng.

Sau khi trải qua nhiều vòng đàm phán song phương xuyên quốc gia vô cùng gian nan, hai nước đã chính thức đạt được hiệp định thương mại tự do mang tính bước ngoặt về việc cắt giảm toàn diện thuế carbon và các rào cản thương mại.

17 nét

HÁN VIỆT: ĐÀM PHÁN

HSK 3 (3.0)

Động từ

#682

汤

tāng

Súp

老师鼓励大家积极汤，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí tāng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Súp, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

8 nét

HÁN VIỆT: THANG

HSK 3 (3.0)

Động từ

#683

糖

táng

đường

老师鼓励大家积极糖，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí táng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực đường, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

11 nét

HÁN VIỆT: ĐƯỜNG



HSK 3 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#684

特色

tè sè

đặc sắc, bản sắc nét riêng độc đáo

中国坚定不移沿着中国特色社会主义道路勇毅前行，创造了经济快速发展和社会长期稳定两大奇迹。

Zhōng guó jiān dīng bù yí yán zhe zhōng guó tè sè shè huì zhǔ yì dào lù yǒng yì qián xíng, chuàng zào le jīng jì kuài sù fā zhǎn hé shè huì cháng qī wěn dīng liǎng dà qí jì.

Trung Quốc kiên định không ngừng dũng cảm tiến bước trên con đường chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc, tạo nên hai kỳ tích vĩ đại: kinh tế phát triển nhanh chóng và xã hội duy trì ổn định lâu dài.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: ĐẶC SẮC

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#685

提前

tí qián

trước thời hạn, làm sớm hơn

为了确保大型国际峰会开幕式万无一失，全体技术保障与礼宾接待人员提前两小时便就位准备完毕。

Wèi le què bǎo dà xíng guó jì fēng huì kāi mù shì wàn wú yí shī, quán tǐ jì shù bǎo zhàng yǔ lǐ bīn jiē dài rén yuán tí qián liǎng xiǎo shí biàn jiù wèi zhǔn bèi wán bì.

Nhằm bảo đảm lễ khai mạc Hội nghị thượng đỉnh quốc tế diễn ra suôn sẻ không một sai sót, toàn bộ nhân viên kỹ thuật và lễ tân đã có mặt chuẩn bị sẵn sàng từ trước 2 tiếng.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: ĐỀ TIỀN

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#686

提问

tí wèn

đặt câu hỏi, chất vấn, nêu câu hỏi

在国际学术峰会主旨报告后的互动环节，台下的青年学者们纷纷踊跃举手就前沿模型架构进行专业提问。

Zài guó jì xué shù fēng huì zhǔ zhǐ bào gào hòu de hú dōng huán jié, tái xià de qīng nián xué zhě mēn fēn fēn yǒng yuè jǔ shǒu jiù qián yán mó xíng jià gòu jìn xíng zhuān yè tí wèn.

Trong phần giao lưu sau bài báo cáo dẫn đầu tại hội nghị thượng đỉnh học thuật quốc tế, các học giả trẻ phía dưới đều hào hứng giơ tay đặt câu hỏi chuyên môn sâu về kiến trúc mô hình tiên phong.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: ĐỀ VẤN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#687

题目

tí mù

đề bài, tiêu đề, chủ đề bài toán

博士学位论文的选题必须紧扣国家重大战略需求与国际学术前沿，确立具有重大原创价值的研究题目。

Bó shì xué wèi lùn wén de xuǎn tí bì xū jǐn kòu guó jiā zhòng dà zhàn lüè xū qiú yǔ guó jì xué shù qián yán, què lì jù yǒu zhòng dà yuán chuàng jià zhí de yán jiū tí mù.

Việc chọn đề tài luận án tiến sĩ bắt buộc phải bám sát nhu cầu chiến lược trọng đại của quốc gia và mũi nhọn học thuật quốc tế, xác lập đề bài nghiên cứu có giá trị nguyên tác to lớn.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: ĐỀ MỤC

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#688

体会

tǐ huì

thấu hiểu, cảm nhận sâu sắc; bài học trải nghiệm

只有真正深入基层一线与劳动群众同甘共苦，才能深切体会到人民群众的喜怒哀乐与急难愁盼。

Zhǐ yǒu zhēn zhèng shēn rù jī céng yǐ xiàn yǔ láo dòng qún zhòng tóng gān gòng kǔ, cái néng shēn qiè tǐ huì dào rén qún zhòng de xǐ nù āi lè yǔ jí nán chóu pàn.

Chỉ khi thực sự đi sâu xuống cơ sở tuyến đầu cùng chia ngọt sẻ bùi với quần chúng lao động, người ta mới có thể thấu cảm sâu sắc nỗi niềm vui buồn và những băn khoăn trăn trở cấp thiết của nhân dân.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: THỂ HỘI

HSK 3 (3.0)

Động từ

#689

体现

tǐ xiàn

thể hiện, phản ánh, biểu thị

这项覆盖全体困难家庭的精准兜底救助民生政策，充分体现了社会主义制度的优越性与人文关怀。

Zhè xiàng fù gài quán tǐ kùn nán jiā tíng de jīng zhǔn dǒu dǐ jiù zhù mǐn shēng zhèng cè, chōng fēn tǐ xiàn le shè huì zhǔ yì zhì dù de yōu yuè xìng yǔ rén wén guān huái.

Chính sách dân sinh cứu trợ đỡ đầu chính xác bao phủ toàn bộ các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn này đã thể hiện trọn vẹn tinh ưu việt cùng sự quan tâm nhân văn sâu sắc của chế độ xã hội chủ nghĩa.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: THỂ HIỆN

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#690

体验

tǐ yàn

trải nghiệm, thể nghiệm

在国家科技馆数字沉浸式展厅中，观众可以通过虚拟现实头盔身临其境地体验太空漫步的奇妙震撼。

Zài guó jiā kē jì guǎn shù zì chén jìn shì zhǎn lǐng zhōng, guān zhòng kě yǐ tōng guò xū yǎn shí huái tóu kē jī shēn lín qí jìng dì tǐ yàn tài kōng màn bù de qí miào zhèn hàn.

Trong phòng triển lãm kỹ thuật số tương tác nhập vai của Bảo tàng Khoa học Công nghệ Quốc gia, khách tham quan có thể thông qua kính thực tế ảo VR để trải nghiệm cảm giác kỳ thú và chấn động khi đi bộ ngoài không gian vũ trụ.

📖 16 nét

HÁN VIỆT: THỂ NGHIỆM

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#691

天空

tiān kōng

bầu trời

秋高气爽，湛蓝如洗的晴朗天空飘着朵朵洁白无瑕的云絮，令人心旷神怡。

Qiū gāo qì shuǎng, zhàn lán rú xǐ de qíng lǎng tiān kōng piāo zhe duǒ duǒ jié bái wú xiá de yún xù, líng rén xīn kuàng shén yí.

Mùa thu khí trời mát mẻ trong lành, trên nền bầu trời trong xanh như gột rửa lũng lờ trôi những cụm mây trắng muốt không một 티 vết, khiến tâm hồn người ta thư thái vô cùng.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: THIÊN KHÔNG

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#692

甜

tián

ngọt ngào, thơm ngọt (vị giác, cuộc sống)

新疆吐鲁番盆地得天独厚的光热资源与巨大昼夜温差，培育出了汁多肉脆、甘甜如蜜的顶级葡萄与哈密瓜。

Xīn jiāng tǔ lǔ fān pén dì dé tiān dú hòu de guāng rè zì yuán yù jù dà zhòu yè wēn chà, péi yù chū le zhī duō ròu cuì, gān tián rú mì de dīng jí pú táo yǔ hǎ mī guā.

Nguồn tài nguyên nhiệt và ánh sáng trời ban độc nhất vô nhị cùng sự chênh lệch nhiệt độ ngày đêm cực lớn của bốn địa Turpan Tân Cương đã nuôi dưỡng nên những quả dưa Hami và nho thượng hạng nhiều nước giòn ngọt thơm ngọt như mật.

📖 14 nét

HÁN VIỆT: ĐIỂM



HSK 3 (3.0)

Động từ

#693

跳

tiào

nhảy, nhảy lên; đập (tim)

在国际体育锦标赛跳水决赛中，我国跳水健儿动作如行云流水，以无可挑剔的高分摘得桂冠。

Zài guó jì tǐ yù jīn biāo sài tiào shuǐ jué sài zhōng, wǒ guó tiào shuǐ jiàn ér dòng zuò rú xíng yún liú shuǐ, yǐ wú kě tiào tī de gāo fēn zhāi dé guì guān.

Trong trận chung kết nhảy cầu Giải Vô địch Thể thao Quốc tế, các vận động viên nhảy cầu nước ta động tác uyển chuyển như mây trôi nước chảy, đoạt vòng nguyệt quế với số điểm cao không chút tì vết.

10 nét

HÁN VIỆT : KHIÊU

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#694

跳高

tiàogāo

nhảy cao, môn nhảy cao

在全国大学生田径运动会男子跳高决赛中，选手凭借完美弧度一跃而过两米二八的高度并打破赛会纪录。

Zài quán guó dà xué shēng tián jīng yùn dòng hùì nán zǐ tiào gāo jué sài zhōng, xuǎn shǒu píng jiè wán měi hú dù yí yuè ér guò liǎng mǐ èr bā de gāo dù bìng dǎ pò sài huì jì lù.

Trong trận chung kết môn nhảy cao nam tại Đại hội Thể thao Điền kinh Sinh viên Toàn quốc, tuyển thủ nhờ vào đường cong hoàn hảo đã nhảy qua mức xà 2,28 mét và phá kỷ lục của đại hội.

24 nét

HÁN VIỆT : KHIÊU CAO

HSK 3 (3.0)

Động từ

#695

跳舞

tiào wǔ

khiêu vũ, nhảy múa

妹妹非常喜欢跳舞。

Mèimei fēicháng xǐhuan tiàowǔ.

Em gái rất thích nhảy múa.

22 nét

HÁN VIỆT : KHIÊU VŨ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#696

跳远

tiào yuǎn

nhảy xa

老师鼓励大家积极跳远，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí tiào yuǎn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực nhảy xa, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

19 nét

HÁN VIỆT : KHIÊU VIỄN

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#697

铁

tiě

sắt; cứng rắn, thép

我们要铸就坚如钢铁的理想信念，以钉钉子精神一抓到底，把各项重大战略部署落到实处。

Wǒ men yào zhù jiù jiān rú gāng tiě de lǐ xiǎng xīn niàn, yǐ dīng dīng zǐ jīng shén yì zhūa dào dǐ, bǎ gè xiàng zhòng dà zhàn lüè bù shǐ luò dào shí chù.

Chúng ta phải đúc nên lý tưởng niềm tin kiên cố như sắt thép, với tinh thần đóng đinh làm việc đến cùng, đưa mọi sự bố trí chiến lược trọng đại vào thực tiễn thực chất.

9 nét

HÁN VIỆT : THIẾT

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#698

铁路

tiělù

đường sắt, ngành đường sắt

我国建成了全球规模最大、技术领先的现代化高速铁路网络，八纵八横高铁主通道全面贯通。

Wǒ guó jiàn chéng le quán qiú guī mó zuì dà, jì shù lǐng xiān de xiàn dài huà gāo sù tiě lù wǎng luò, bā zòng bā héng gāo tiě zhǔ tōng dào quán miàn guān tōng.

Nước ta đã xây dựng nên mạng lưới đường sắt cao tốc hiện đại hóa có công nghệ dẫn đầu và quy mô lớn nhất thế giới, trục hành lang đường sắt cao tốc chính 'Tám dọc Tám ngang' đã thông suốt toàn diện.

22 nét

HÁN VIỆT : THIẾT LỘ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#699

听力

tīnglì

thính lực, khả năng nghe hiểu

在国际中文水平考试中，考生通过多听真实中文广播与日常对话，全面提高了汉语听力理解水平。

Zài guó jì zhōng wén shuǐ píng kǎo shì zhōng, kǎo shēng tōng guò duō tīng zhēn shí zhōng wén guǎng bō yǔ rì cháng duì huà, quán miàn tí gāo le hàn yǔ tīng lǐ jiě shuǐ píng.

Trong Kỳ thi Năng lực Tiếng Trung Quốc tế, thí sinh thông qua việc nghe nhiều các đàm thoại hàng ngày và chương trình phát thanh tiếng Trung chân thực đã nâng cao toàn diện trình độ nghe hiểu thính lực tiếng Hán.

18 nét

HÁN VIỆT : DẪN LỰC

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#700

听众

tīngzhòng

thính giả, người nghe

在国家科技大讲堂上，院士渊博风趣的科普报告深深吸引了全场数百名青年听众。

Zài guó jiā kē jì dà jiǎng táng shàng, yuàn shì yuān bó fēng qù de kē pǔ bào gào shēn shēn xī yīn le quán chǎng shù bǎi míng qīng nián tīng zhòng.

Tại Giảng đàn Khoa học Kỹ thuật Quốc gia, bài báo cáo phổ biến khoa học uyên thâm dí dỏm của vị viện sĩ đã cuốn hút sâu sắc hàng trăm thính giả người nghe trẻ tuổi có mặt trong khán phòng.

21 nét

HÁN VIỆT : DẪN CHÚNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#701

停止

tíngzhǐ

dừng lại, đình chỉ, ngưng

在探索未知科学边界与追求卓越人生的漫长道路上，我们永远不要停止向前迈进的勇敢步伐。

Zài tàn suǒ wèi zhī kē xué biān jiè yǔ zhuī qiú qióng zhào yuè rén shēng de màn cháng dào lù shàng, wǒ men yǒng yuǎn bú yào tíng zhǐ xiàng qián mài jìn de yǒng gǎn bù fá.

Trên hành trình dài khám phá những chân trời khoa học và mưu cầu một cuộc đời phi thường, chúng ta đừng bao giờ dừng lại những bước chân dũng cảm tiến về phía trước.

23 nét

HÁN VIỆT : ĐÌNH CHỈ



HSK 3 (3.0)

Phó từ / Tính từ

#702

通常

tōng cháng

thông thường, thường lệ, bình thường

在标准大气压条件下，纯净水的冰点通常精确定义为摄氏零度，沸点精确定义为摄氏一百度。

Zài biāo zhǔn dà qì yā jiàn xià, chún jìng shuǐ de bīng diǎn tōng cháng jīng què dìng yì wéi shè shì líng dù, fèi diǎn jīng què dìng yì wéi shè shì yì bǎi dù.

Trong điều kiện áp suất khí quyển tiêu chuẩn, điểm đóng băng của nước tinh khiết thông thường được định nghĩa chính xác là 0 độ C và nhiệt độ sôi được định nghĩa chính xác là 100 độ C.

21 nét

HÁN VIỆT: THÔNG THƯỜNG

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#703

通信

tōng xìn

thông tin liên lạc, truyền thông viễn thông

我国完全自主研发的第六代移动通信关键技术试验验证取得重大突破，领跑全球数字化进程。

Wǒ guó wán quán zì zhǔ yán fā de dì liù dài yí dòng tōng xìn guān jiàn jì shù shì yàn yàn zhèng qǔ dé zhòng dà tú pò, lǐng pǎo quán qiú shù zì huà jìn chéng.

Việc kiểm chứng thử nghiệm công nghệ then chốt thông tin liên lạc viễn thông di động thế hệ thứ sáu (6G) do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển đã đạt được đột phá trọng đại, dẫn đầu tiến trình số hóa toàn cầu.

18 nét

HÁN VIỆT: THÔNG TIN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#704

同意

tóng yì

đồng ý

经过专家委员会全方位论证与评估，全体评审成员一致同意通过了该项绿色环保工程方案。

Jīngguò zhuānjiā wéiyuánhui quán fāngwèi lùnzhèng yǔ pínggū, quán tǐ píngshěn chéngyuán yìzhì tóngyì tóngguò le gāi xiàng lǚsè huánbǎo gōngchéng fāng'àn.

Sau khi được hội đồng chuyên gia thẩm định và đánh giá toàn diện, toàn thể thành viên ban giám khảo đã nhất trí đồng thuận thông qua phương án công trình bảo vệ môi trường xanh này.

25 nét

HÁN VIỆT: ĐỒNG Ý

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#705

痛

tòng

đau đớn

在面对复杂的挑战时，保持痛的心态尤为重要。

Zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí tòng de xīn tài yóu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái đau đớn đặc biệt quan trọng.

9 nét

HÁN VIỆT: THỔNG

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#706

痛苦

tòng kǔ

đau khổ, thống khổ, nỗi đau

现代无痛微创诊疗技术的全面推广，极大减轻了广大患者在手术及康复过程中的身心痛苦。

Xiàndài wú tòng wēi chuàng zhěn liáo jì shù de quán miàn tuī guǎng, jí dà jiǎn qīng le guǎng dà huàn zhě zài shǒu shù jí kāng fù guò chéng zhōng de shēn xīn tòng kǔ.

Việc phổ cập toàn diện công nghệ khám chữa bệnh không đau xâm lấn tối thiểu hiện đại đã giảm thiểu to lớn nỗi đau đớn về thể xác và tinh thần cho đông đảo bệnh nhân trong quá trình phẫu thuật và hồi phục chức năng.

18 nét

HÁN VIỆT: THỔNG KHỔ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#707

头脑

tóu nǎo

đầu óc, trí tuệ, trí não

面对突发错综复杂的危机挑战，我们必须时刻保持清醒冷静的战略头脑，做到沉着应对、科学决策。

Miàn duì tū fā cuō zōng fù zá de wēi jī tiǎo zhàn, wǒ men bì xū shí kè bǎo chí qīng xǐng lěng jìng de zhàn lüè tóu nǎo, zuò dào chén zhù yíng duì, kē xué jué cè.

Đứng trước các khủng hoảng thách thức đột xuất đan xen phức tạp, chúng ta bắt buộc phải luôn luôn duy trì một đầu óc trí não chiến lược tỉnh táo và điềm tĩnh, thực hiện ra quyết sách khoa học, bình tĩnh ứng phó.

19 nét

HÁN VIỆT: ĐẦU NÃO

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Động từ

#708

突出

tū chū

nổi bật, xuất chúng; nhô ra, làm nổi bật

这位青年科学家在高温超导机理研究领域做出了极其突出的原创性贡献，荣获国际权威青年学者大奖。

Zhè wèi qīng nián kē xué jiā zài gāo wēn chāo dǎo jī lǐ yán jiū lǐng yù zuò chū le jí qí tū chū de yuán chuàng xìng gòng xiàn, róng huò guó jì quán wéi qīng nián xué zhě dà jiǎng.

Nhà khoa học trẻ này đã có những cống hiến nguyên tác vô cùng nổi bật xuất chúng trong lĩnh vực nghiên cứu cơ chế siêu dẫn nhiệt độ cao, vinh dự nhận giải thưởng học giả trẻ uy tín quốc tế.

17 nét

HÁN VIỆT: ĐỘT XUẤT

HSK 3 (3.0)

Phó từ

#709

突然

tū rán

đột nhiên

原本晴空万里的午后突然乌云密布，紧接着下起了一场电闪雷鸣的倾盆大雨。

Yuánběn qíngkōng wàn lǐ de wǔ hòu túrán wū yún mì bù, jǐn jiē zhe xià qǐ le yí chǎng diàn shǎn léi míng de qīngpén dà yǔ.

Buổi chiều trời đang quang đãng bỗng nhiên mây đen ùn ùn kéo đến, ngay sau đó trút xuống một cơn mưa rào sấm chớp rền vang như trút nước.

19 nét

HÁN VIỆT: ĐỘT NHIÊN

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Động từ

#710

图

tú

bản đồ, bức vẽ, hình ảnh; mưu cầu hưởng tới

在这幅由高分辨率遥感卫星绘制的全球生态植被图上，我国北方新增的大片绿色林海清晰可见。

Zài zhè fú yóu gāo fēn biān lǜ yáo gǎn wéi xīng huì zhì de quán qiú shēng tài zhí bèi tú shàng, wǒ guó běi fāng xīn zēng de dà piàn lǜ sè lín hǎi qīng xī kě jiàn.

Trên bức vẽ bản đồ thảm thực vật sinh thái toàn cầu được vẽ bởi vệ tinh viễn thám độ phân giải cao này, những dải rừng cây xanh rộng lớn mới trồng ở miền Bắc nước ta hiện lên rõ mồn một.

11 nét

HÁN VIỆT: ĐỒ


HSK 3 (3.0)

Danh từ

#711

图画

túhuà
bức tranh, tranh vẽ, họa phẩm

一幅幅生动记录新时代乡村振兴壮丽巨变的精美图画，在国家美术馆展厅内吸引了无数观众驻足赞赏。

Yí fú fú shēng dòng jì lù xīn shí dài xiāng cūn zhēn xīng zhuàng lì jù biàn de jīng měi tú huà, zài guó jiā měi shù guǎn zhǎn tīng nèi xī yǐn lǎo wú shù guān zhòng zhù zú zàn shǎng.

Từng bức tranh tranh vẽ tinh xảo ghi lại sinh động sự đổi thay kỳ vĩ tráng lệ của chấn hưng nông thôn thời đại mới đã thu hút vô số khán giả đứng bước ngời khen trong đại sảnh Triển lãm Mỹ thuật Quốc gia.

21 nét

HÁN VIỆT : ĐỒ HOẠ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#712

土

Tǔ
đất

老师鼓励大家积极土，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí tǔ, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực đất, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

9 nét

HÁN VIỆT : THỔ

HSK 3 (3.0)

Lượng từ / Danh từ / Động từ

#713

团

tuán
đoàn, khối, cuộn, nắm; tụ tập; đoàn thể, trung đoàn

来自全球二十多个国家的青年科学家代表团齐聚一堂，共同探讨绿色低碳能源技术的发展路线图。

Lái zì quán qiú èr shí duō guó jiā de qīng nián kē xué jiǎ dài biǎo tuán qí jù yì táng, gòng tóng tàn tào lǜ sè dī tàn néng yuán jì shù de fā zhǎn lù xiàn tú.

Đoàn đại biểu các nhà khoa học trẻ đến từ hơn 20 quốc gia trên thế giới đã hội tụ đồng đủ, cùng nhau thảo luận về lộ trình phát triển công nghệ năng lượng xanh giảm phát thải.

11 nét

HÁN VIỆT : ĐOÀN

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ / Tính từ

#714

团结

tuánjié
đoàn kết, đoàn kết một lòng

全国五十六个民族像石榴籽一样紧紧抱在一起，团结一心、同舟共济，共同书写中华民族伟大复兴的辉煌篇章。

Quán guó wú shí liù gè mín zú xiàng shí liú zǐ yí yàng jǐn jìn bào zài yì qí, tuán jié yì xīn, tóng zhōu gòng jì, gòng tóng shū xiě zhōng huá míng zú wèi dà fù xīng de huī huáng piān zhāng.

Năm mươi sáu dân tộc trên cả nước như những hạt lựu ôm chặt lấy nhau, đoàn kết một lòng, chung thuyền vượt sóng gió, cùng nhau viết nên trang sử huy hoàng phục hưng vĩ đại của dân tộc.

20 nét

HÁN VIỆT : ĐOÀN KẾT

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#715

团体

tuántǐ
đoàn thể, tập thể tổ chức, mang tính đồng đội

在国际奥林匹克数学与物理竞赛中，由我国青年学子组成的国家代表队凭借出色的团队协作夺得团体总分世界冠军。

Zài guó jì ào lín pǐ kè shù xué yǔ wù lǐ jìng sài zhōng, yóu wǒ guó qīng nián xué zǐ zú zhēng de guó jiā dài biǎo duì píng jiè chū sè de tuán duì xié zuò duó de tuán tǐ zǒng fēn shì jiè quán jūn.

Tại các kỳ thi Olympic Vật lý và Toán học Quốc tế, đội tuyển đại diện quốc gia gồm các bạn học sinh trẻ nước ta nhờ vào sự hợp tác làm việc nhóm xuất sắc đã giành ngôi Quán quân thế giới tổng điểm đoàn thể đồng đội.

19 nét

HÁN VIỆT : ĐOÀN THỂ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#716

推动

tuī dòng
thúc đẩy, đẩy mạnh, làm động lực

高水平科技自立自强是推动经济社会高质量发展与实现中国式现代化的战略基石。

Gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng shì tuī dòng jīng jì shè huì gāo zhì liàng fā zhǎn yǔ shí xiàn zhōng guó shí xiàn dài huà de zhàn lüè jī shí.

Tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao là nền tảng chiến lược để thúc đẩy đẩy mạnh hiện đại hóa đất nước và phát triển kinh tế xã hội chất lượng cao.

26 nét

HÁN VIỆT : SUY ĐỘNG

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#717

推广

tuī guǎng
phổ biến, nhân rộng, quảng bá rộng rãi

农业科技特派员深入田间地头，向广大农户手把手推广绿色有机水肥一体化高效种植新技术。

Nóng yè kē jì tè pài yuán shēn rù tián jiān dì tóu, xiàng guǎng dà nóng hù shǒu bǎ shǒu tuī guǎng lǜ sè yǒu jī shuǐ féi yī tǐ huà gāo xiào zhòng zhí xīn jì shù.

Các phái viên khoa học công nghệ nông nghiệp đã đi sâu xuống tận đồng ruộng, tận tình cầm tay chỉ việc phổ biến kỹ thuật mới trồng trọt hữu cơ xanh tích hợp phân bón nước hiệu quả cao cho đồng bào bà con nông dân.

26 nét

HÁN VIỆT : SUY QUẢNG

HSK 3 (3.0)

Động từ

#718

推进

tuījìn
đẩy mạnh, xúc tiến tiến hành

我们要扎实稳步推进中国式现代化建设，统筹推进新型工业化、信息化、城镇化与农业现代化。

Wǒ men yào zhā shí wěn bù tuījìn zhōng guó shí xiàn dài huà jiàn shè, tóng chóu tuījìn xīn xíng gōng yè huà, xīn xī huà, chéng zhèn huà yǔ nóng yè xiàn dài huà.

Chúng ta phải đẩy mạnh xúc tiến tiến hành xây dựng hiện đại hóa đất nước một cách vững chắc ổn định, quy hoạch đẩy mạnh đồng bộ công nghiệp hóa kiểu mới, đô thị hóa, thông tin hóa và hiện đại hóa nông nghiệp.

20 nét

HÁN VIỆT : SUY TIẾN

HSK 3 (3.0)

Động từ

#719

推开

tuī kāi
đẩy mở ra, mở tung cánh cửa

清晨推开实验室的窗户，扑面而来的是清新宜人的微风与满目苍翠的校园美景。

Qīng chén tuī kāi shí yàn shì de chuāng hù, pū miàn ér lái de shì qīng xīn yí rén de wēi fēng yǔ mǎn mù cāng cuì de xiào yuán měi jīng.

Sáng sớm đẩy mở ra cánh cửa sổ phòng thí nghiệm, ủa vào mặt là làn gió mát trong lành dễ chịu cùng cảnh đẹp ngút ngàn xanh biếc của khuôn viên trường.

22 nét

HÁN VIỆT : SUY KHAI



HSK 3 (3.0)

Động từ

#720

退
tuì

lùi, rút lui; trả lại, thoái lui

在暴风雨引发的洪峰平稳消退后，驻地部队官兵立即协助当地群众全力开展灾后清淤与消杀重建。

Zài bào fēng yǔ yīn fā de hóng fēng píng wěn xiǎo tuì hòu, zhù dì bù duì guān bīng lì jí xié zhù dāng dì qún zhòng quán lì kāi zhǎn zhāi hòu qīng yú yǔ yǔ xiǎo shā chóng jiàn.

Sau khi đỉnh lũ do mưa bão gây ra rút lui êm dềm, cán bộ chiến sĩ quân đội đóng quân tại địa bàn đã lập tức hỗ trợ bà con nhân dân đốc sức độn bùn đất, khử trùng tiêu độc và tái thiết sau bão lũ.

10 nét

HÁN VIỆT THOÁI

HSK 3 (3.0)

Động từ

#721

退出
tuìchū

rút lui, rút khỏi, thoái lui

随着传统高耗能重污染落后产能的有序退出，绿色低碳高端先进制造业正在加速崛起。

Suí zhe chuán tǒng gāo hào néng zhòng wū rǎn luò hòu chǎn néng de yǒu xù tuì chū, lǜ sè dī tàn gāo duān jīn xiǎn jìn zhì zǎo yè zhèng zài jiǎ sù jué qǐ.

Cùng với việc rút lui rút khỏi có trật tự của các năng lực sản xuất lạc hậu ô nhiễm nặng tiêu tốn nhiều năng lượng truyền thống, ngành chế tạo tiên tiến cao cấp xanh ít phát thải carbon đang đẩy nhanh triển khai.

18 nét

HÁN VIỆT THOÁI XUẤT

HSK 3 (3.0)

Động từ

#722

退休
tuìxiū

nghỉ hưu, về hưu

这位在三尺讲台上辛勤耕耘四十载的特级教师光荣退休后，依然志愿投身于乡村教育公益事业中。

Zhè wèi zài sān chǐ jiǎng tái shàng xīn qín gēng yún sì shí zài de tè jí jiāo shī guāng róng tuì xiū hòu, yī rán zhì yuàn tóu shēn yú xiāng cūn jiào yù gōng yì shì yè zhōng.

Người nhà giáo ưu tú từ cống hiến miệt mài suốt 40 năm trên bục giảng sau khi vinh dự nghỉ hưu vẫn tiếp tục tình nguyện dẫn thân cho sự nghiệp thiện nguyện giáo dục vùng cao.

22 nét

HÁN VIỆT THOÁI HƯU

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#723

外交
wàijiāo

ngoại giao, bang giao

中国始终坚定奉行独立自主的和平外交政策，积极推动构建新型国际关系与人类命运共同体。

Zhōng guó shǐ zhōng jiǎn dìng fèng xíng dú lì zì zhǔ de hé píng wài jiāo zhèng cè, jī jí tuī dòng gòu jiàn xīn xíng guó jì guān xì yǔ rén lèi mìng yùn gòng tóng tǐ.

Trung Quốc luôn kiên định thực thi chính sách ngoại giao hòa bình độc lập tự chủ, tích cực thúc đẩy xây dựng quan hệ quốc tế kiểu mới và cộng đồng chung vận mệnh nhân loại.

16 nét

HÁN VIỆT NGOẠI GIAO

HSK 3 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#724

外面
wàimiàn

bên ngoài, phía ngoài

虽然外面寒风凛冽、风雪交加，但重大科学工程控制大厅内灯火通明、全体科研骨干斗志昂扬。

Suī rán wài miàn hán fēng lǐn liè, fēng xuě jiā jiā, dàn zhòng dà kē xué gōng chéng kòng zhì dà tīng nèi dēng huǒ tōng míng, quán tǐ kē yán gǔ dàn dòu zhì áng yáng.

Dẫu cho bên ngoài phía ngoài gió rét gấm rú tuyết rơi phủ đầy, nhưng bên trong đại sảnh điều khiển công trình khoa học trọng đại vẫn rực rỡ ánh đèn, toàn thể cán bộ nghiên cứu cốt cán ý chí chiến đấu sục sôi.

18 nét

HÁN VIỆT NGOẠI DIỆN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#725

外文
wàiwén

ngoại văn, tiếng nước ngoài, sách báo nước ngoài

在高校国际学术图书馆内，藏有数万册前沿科学领域的外文学术原版专著与权威期刊。

Zài gāo xiào guó jì xué shù tú shū guǎn nèi, cáng yǒu shù wàn cè qián yán kē xué lǐng yù de wài wén xué shù yuán bản zhuān zhù yǔ quán wēi qī kān.

Bên trong Thư viện Học thuật Quốc tế trường đại học lưu trữ hàng vạn cuốn chuyên khảo bản gốc và tạp chí có thẩm quyền bằng ngoại văn tiếng nước ngoài trong các lĩnh vực khoa học tiên phong.

16 nét

HÁN VIỆT NGOẠI VĂN

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#726

完美
wánměi

hoàn mỹ, hoàn hảo, tuyệt hảo

在国际花样滑冰大奖赛赛场上，选手以近乎完美的四周跳高难度技术动作与优美艺术表现力征服了全场裁判。

Zài guó jì huā yàng huái bīng dà jiǎng sài shàng, xuǎn shǒu yǐ jìn hū wán měi de sì zhōu tiào gāo nán dù jì shù dòng zuò yǔ yōu měi yì shù biǎo xiàn lì zhēng fú le quán chǎng cái pàn.

Trên sân thi đấu giải trượt băng nghệ thuật Grand Prix quốc tế, vận động viên bằng động tác kỹ thuật nhảy xoay 4 vòng trên không hoàn hảo cùng sức biểu cảm nghệ thuật uyển chuyển đã chinh phục toàn bộ ban giám khảo.

22 nét

HÁN VIỆT HOÀN MỸ

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Động từ

#727

完善
wánshàn

hoàn thiện, hoàn chỉnh; làm cho hoàn thiện

进一步健全完善国家知识产权保护法律制度体系，能够为全社会创新创业提供强有力的法治保障。

Jìn yí bù jiàn quán wán shàn guó jiā zhī shí chān quán bǎo hù fǎ lǜ zhì dù tǐ xì, néng gòu wèi quán shè huì chuàng xīn chuàng yè tí gòng qiáng yǒu lì de fǎ zhì bǎo zhàng.

Việc kiện toàn và hoàn thiện hơn nữa hệ thống thể chế pháp luật bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ quốc gia có thể mang lại sự bảo đảm pháp trị đặc lực cho hoạt động đổi mới sáng tạo khởi nghiệp của toàn xã hội.

19 nét

HÁN VIỆT HOÀN THIỆN

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#728

完整
wánzhěng

hoàn chỉnh, nguyên vẹn, trọn vẹn

经过考古专家长达数年的科学微痕发掘与拼接修复，这件珍贵的商代青铜国宝终于恢复了完整容貌。

Jīng guò kǎo gǔ zhuān jiā zhǎng dá shù nián de kē xué wēi hén fā xué yǔ piē jiē xiū fù, zhè jiàn zhēn guì de shāng dài qīng tóng guó bǎo zhōng yú huī fù le wán zhěng róng mào.

Trải qua nhiều năm khai quật vết tích vi mô và ghép nối phục chế khoa học của các chuyên gia khảo cổ, món bảo vật quốc gia đồ đồng thời Thương vô giá này cuối cùng đã phục hồi lại diện mạo hoàn chỉnh nguyên vẹn ban đầu.

18 nét

HÁN VIỆT HOÀN CHỈNH



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#729

玩具

wán jù

đồ chơi

这款将传统鲁班锁榫卯结构与现代编程模块巧妙融合的益智科教玩具，深受青少年儿童的喜爱。

Zhè kuǎn jiāng chuán tǒng lǔ bān suǒ sǔn mǎo jié gòu yǔ xiān dài biān chéng mó kuài qiào miào róng hé de yì zhì kē jiào wán jù, shēn shòu qīng shào nián ér tóng de xǐ ài.

Món đồ chơi khoa học giáo dục phát triển trí tuệ kết hợp khéo léo kết cấu mộng ngàm Khóa Lỗ Ban cổ truyền với các khối lập trình hiện đại này được các bạn nhỏ thanh thiếu niên vô cùng yêu thích.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: NGOẠN CỤ

HSK 3 (3.0)

Phó từ

#730

往往

wǎng wǎng

thường, thường hay (theo quy luật/kinh nghiệm)

在遭遇重大危机考验的逆境时刻，一个人的从容定力与担当魄力往往能够起到力挽狂澜的关键作用。

Zài zāo yù zhòng dà wēi jī kǎo yàn de nǐ jìng shí kè, yí gè rén de cóng róng dǐng lì yǔ dāng dāng pò lì yǐ wǎng wǎng néng gòu qǐ dào lì wǎn kuáng lǎn de guān jiàn zuò yòng.

Vào những thời khắc cam go đối diện với khủng hoảng sóng gió, sự điềm tĩnh và bản lĩnh dám đứng mũi chịu sào của một người thường hay đóng vai trò then chốt xoay chuyển tình thế.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: VǎNG VǎNG

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#731

危害

wēi hài

nguy hại, làm hại, tác hại

严禁在水源保护区倾倒工业危险废弃物，依法坚决打击任何严重危害公共生态安全与居民饮水健康的违法行为。

Yán jìn zài shuǐ yuán bǎo hù hòu qū qīng dǎo gōng yè wēi xiǎn fèi qì wù, yī fǎ jiǎn jué dǎ jī rěn hé yán zhòng wēi hài gōng gòng shēng tài ān quán yǔ jū mín yǐn shuǐ jiàn kāng de wéi fǎ xíng wéi.

Nghiêm cấm tuyệt đối việc đổ chất thải nguy hại công nghiệp tại các khu vực bảo vệ nguồn nước, kiên quyết xử lý nghiêm minh theo pháp luật mọi hành vi gây tác hại nghiêm trọng tới an toàn sinh thái công cộng và sức khỏe nguồn nước uống của người dân.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: NGUY HẠI

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#732

危险

wēi xiǎn

nguy hiểm

在面对复杂的挑战时，保持危险的心态尤为重要。

Zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí wēi xiǎn de xīn tài yóu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái nguy hiểm đặc biệt quan trọng.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: NGUY HIỂM

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#733

围

wéi

vây quanh, quây quanh, bao bọc

在青少年科学体验营中，同学们开心地围在大科学家身边，聚精会神地聆听宇宙深空奥秘讲解。

Zài qīng shào nián kē xué tǐ yàn yíng zhōng, tóng xué men kāi xīn de wéi zài dà kē xué jiā shēn biān, jù jīng huì shén tīng yǔ zhòu shēn kōng ào mì jiǎng jiě.

Tại Trại hè Trải nghiệm Khoa học Thanh thiếu niên, các bạn học sinh vui vẻ quây quanh vây quanh bên cạnh nhà khoa học lớn, chăm chú lắng nghe giảng giải về các bí ẩn không gian sâu trong vũ trụ.

📖 8 nét

HÁN VIỆT: VI

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#734

伟大

wěi dà

vĩ đại, to lớn, cao cả

中华民族在五千多年连绵不绝的文明演进历史长河中，创造了举世闻名、辉煌灿烂的伟大文明成就。

Zhōng huá mín zú zài wǔ qiān duō nián lián mián bù jué de wén míng yǎn jìn lì shǐ cháng hé zhōng, chuàng zào le jǔ shì wén míng, huī huáng cǎn làn de wěi dà wén míng chéng jiù.

Dân tộc ta trong dòng chảy lịch sử tiến hóa văn minh trường tồn hơn 5.000 năm liên tục đã kiến tạo nên những thành tựu văn minh vĩ đại rực rỡ chói lọi lừng danh khắp năm châu.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: VĨ ĐẠI

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#735

卫生

wèi shēng

vệ sinh, y tế vệ sinh; sạch sẽ

国家全面推进健康中国建设，完善城乡基层公共卫生医疗服务体系，筑牢人民群众生命健康防线。

Guó jiā quán miàn tuī jìn jiàn kāng zhōng guó jiàn shè, wán shàn chéng xiāng jī céng gōng gòng wèi shēng yī liáo fú wù tǐ xì, zhù láo rén mín qún zhòng shēng mìng jiàn kāng fáng xiàn.

Nhà nước đẩy mạnh toàn diện xây dựng Nước Nhà Khỏe Mạnh, hoàn thiện hệ thống dịch vụ y tế vệ sinh công cộng cơ sở nông thôn và thành thị, xây chắc phòng tuyến sức khỏe sinh mệnh cho quần chúng nhân dân.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: VỆ SINH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#736

卫生间

wèi shēng jiān

nhà vệ sinh, phòng vệ sinh, toilet

现代化高铁车站与大型国际机场全面配备了无障碍第三卫生间与母婴室，细节处尽显人性化关怀。

Xiān dài huà gāo tiě chē zhàn yǔ dà xíng guó jī jī chāng quán miàn pèi bèi láo wú zhàng ài dì sān wèi shēng jiān yǔ mǔ yīng shì, xì jié chù jìn xiǎn rén xīng huà guān huái.

Các nhà ga tàu cao tốc hiện đại cùng sân bay quốc tế quy mô lớn đều được trang bị đầy đủ nhà vệ sinh không rào cản dành cho người khuyết tật và phòng chăm sóc mẹ và bé, từng chi tiết nhỏ đều toát lên sự quan tâm nhân văn sâu sắc.

📖 31 nét

HÁN VIỆT: VỆ SINH GIAN

HSK 3 (3.0)

Giới từ

#737

为了

wèi le

vì, để, nhằm mục đích

为了实现国家高水平科技自立自强，几代科研人员前赴后继、勇攀高峰，作出了卓越历史贡献。

Wèi le shí xiàn guó jiā gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng, jǐ dài kē yán rén yuán qián fù hòu jì, yǒng pān gāo fēng, zuò chū le zhuó yuè lì shǐ gòng xiàn.

Vì để thực hiện tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao của đất nước, nhiều thế hệ cán bộ nghiên cứu khoa học người trước ngã xuống người sau tiến lên, dũng cảm trèo lên đỉnh cao, lập nên những cống hiến lịch sử trác việt.

📖 27 nét

HÁN VIỆT: VI LIỄU

HSK 3
(3.0)Tính từ / Động từ /
Danh từ

#738

温暖

wēn nuǎn

ấm áp, ấm lòng; sưởi ấm

社区志愿服务者在严冬腊月为孤寡老人送去热气腾腾的爱心水饺与棉衣，让老人感受到了融融的社会大家庭温暖。

Shè qū zhì yuàn fú wù zhě zài yán dōng là yuè wèi gū guā lǎo rén sòng qù rè qì téng téng de ài xīn shuǐ jiǎo yǔ mián yī, ràng lǎo rén gǎn shòu dào le róng róng de shè huì dà jiā tíng wēn nuǎn.

Các tình nguyện viên dịch vụ khu dân cư trong những ngày đông giá rét tháng Chạp đã mang những đĩa sủi cảo chan chứa tình yêu thương nóng hổi cùng áo bông ấm áp đến tận tay các cụ già neo đơn, giúp các cụ cảm nhận được hơi ấm chan hòa của đại gia đình xã hội.

📖 26 nét

HÁN VIỆT: ÔN NOǺN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#739

文化

wén huà

văn hóa

中华优秀传统文化积淀深厚、源远流长，蕴含着丰富深刻的人生智慧与哲学思想。

Zhōnghuá yōuxiù chuántǒng wénhuà jīdiàn shēnhòu, yuǎnyuǎn liúcháng, yùnnhán zhe fēngfù shēnkè de rénshēng zhìhuì yǔ zhéxué sīxiǎng.

Văn hóa truyền thống đặc sắc của Trung Hoa kết tinh sâu dày, bắt nguồn từ dòng chảy lịch sử lâu đời, hàm chứa triết lý nhân sinh và trí tuệ sâu sắc.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: VĂN HOA

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#740

文件

wén jiàn

văn bản, tài liệu, tệp tin (file)

在分布式云存储协同办公平台上，项目组成员可以实时在线多人协同编辑大型工程技术规范设计文件。

Zài fēn bù shì yún cún chū chú zhū xié tóng bàn gōng píng tái shàng, xiàng mù zǔ chéng yuán kě yí shí shí zài xiàn duō rén xié tóng biān jí dà xīng gōng chéng jì shù guī fàn shè jì wén jiàn.

Trên nền tảng văn phòng cộng tác đám mây phân tán, các thành viên trong nhóm dự án có thể cùng nhau chỉnh sửa trực tuyến theo thời gian thực các tập tin tài liệu thiết kế quy chuẩn kỹ thuật công trình quy mô lớn.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: VĂN KIỆN

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#741

文明

wén míng

văn minh, nền văn minh; lịch sự

中华文明是世界上唯一自古延续至今从未中断的伟大文明，具有突出的连续性、创新性、统一性与包容性。

Zhōnghuá wén míng shì shì jiè shàng wéi yī zì gù yǎn xù zhì jīn cóng wèi zhōng duàn de wēi dà wén míng, jù yǒu tū chū de lián xù xìng, chuàng xīn xìng, tǒng yī xìng yǔ bāo róng xìng.

Văn minh Trung Hoa là nền văn minh vĩ đại duy nhất trên thế giới kéo dài từ thời cổ đại đến nay chưa bao giờ bị đứt gãy, sở hữu tính liên tục, tính sáng tạo, tính thống nhất và tính bao dung nổi bật.

📖 18 nét

HÁN VIỆT: VĂN MINH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#742

文学

wén xué

văn học

优秀的经典文学作品不仅具有高度的审美艺术价值，更能够跨越时空阻隔直抵人类灵魂深处。

Yōu xiù de jīng diǎn wén xué zuò pīn bù jīn jù yǒu gāo dù de shěn měi yì shù jià zhí, gèng néng gòu kuà yuè shí kōng zǔ gé zhí dī rén lèi líng hún shēn chù.

Những tác phẩm văn học kinh điển xuất sắc không chỉ sở hữu giá trị nghệ thuật thẩm mỹ đỉnh cao mà còn có thể vượt qua mọi rào cản thời gian và không gian chạm tới sâu thẳm tâm hồn nhân loại.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: VĂN HỌC

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#743

文章

wén zhāng

bài viết, bài báo, bài văn

这篇刊登在国际权威顶级期刊上的学术文章，系统阐述了生成式人工智能与大语言模型的核心数学原理。

Zhè piān kān dēng zài guó jì quán wēi dīng jí qī kān shàng de xué shù wén zhāng, xì tǒng chǎn shù le shēng chéng shì rén gōng zhì néng yǔ dà yǔ yán mó xíng de hé xīn shù xué yuán lǐ.

Bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành hàng đầu thế giới này đã trình bày một cách có hệ thống về nguyên lý toán học cốt lõi của trí tuệ nhân tạo tạo sinh và mô hình ngôn ngữ lớn.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: VĂN CHƯƠNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#744

文字

wén zì

chữ viết, văn tự, câu chữ

汉字文字作为中华文明的重要载体，历经数千年演变传承，蕴含着深厚独特的人文美感与哲学智慧。

Hàn zì wén zì zuò wéi zhōnghuá wén míng de zhòng yào zài tǐ, lì jīng shù qiān nián yǎn biàn chuán chéng, yùnnhán zhe shēn hòu dú tè de rén wén měi gǎn yǔ zhé xué zhì huì.

Chữ Hán văn tự với tư cách là phương tiện chuyên chở quan trọng của nền văn minh Trung Hoa, trải qua hàng ngàn năm diễn biến và trao truyền, ẩn chứa vẻ đẹp nhân văn độc đáo sâu sắc cùng trí tuệ triết học.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: VĂN TỰ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#745

握手

wò shǒu

bắt tay

两国元首在红地毯前亲切握手致意并合影留念，标志着双边友好合作关系迈入了崭新的发展阶段。

Liǎng guó yuán shǒu zài hóng dì tǎn qián qīn qiè wò shǒu zhì yì bìng hé yǐng liú niàn, biāo zhì zhè shuāng biān yǒu hǎo hé zuò guān xì mài rù le zhǎn xīn de fā zhǎn jiē duàn.

Nguyên thủ hai nước đã bắt tay thân mật chào mừng và chụp ảnh lưu niệm trên thảm đỏ, đánh dấu quan hệ hợp tác hữu nghị song phương bước sang một giai đoạn phát triển mới.

📖 26 nét

HÁN VIỆT: ẮC THỦ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#746

屋子

wū zi

căn phòng, căn nhà, gian phòng

冬日午后，一家人围坐在温暖的炭火壁炉旁喝茶读书，整个屋子里洋溢着浓浓的幸福温馨气氛。

Dōng rì wǔ hòu, yī jiā rén wéi zuò zài wēn nuǎn de tàn huǒ bì lú páng hē chá dú shū, zhěng jiān wū zi lǐ yáng yì zhe nóng nóng de xìng fú wēn xīn qì fēn.

Buổi chiều mùa đông, cả gia đình quây quần bên bếp sưởi than ấm áp vừa thưởng trà vừa đọc sách, khắp gian phòng ngập tràn bầu không khí hạnh phúc ấm áp đậm đà.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: ỐC TỬ



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#747

武器

wǔ qì

vũ khí, trang bị chiến đấu

先进的科学理论与过硬的技术本领，是当代青年科技人才投身国家高水平科技自立自强最强大的思想武器。

Xiān jìn de kē xué lǐ lùn yǔ guò yìng de jì shù běn lǐng, shì dāng dài qīng nián kē jì rén cái tóu shēn guó jiā gāo shuǐ píng kē jì jī lì zì qiáng zuì qiáng dà de sī xiǎng wǔ qì.

Lý luận khoa học tiên tiến cùng tay nghề kỹ thuật vượt trội là vũ khí tư tưởng mạnh mẽ nhất để các tài năng khoa học trẻ đương đại dẫn thân phụng sự sự nghiệp tự chủ tự cường công nghệ đỉnh cao của đất nước.

21 nét

HÁN VIỆT: VŨ KHÍ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#748

武术

wǔ shù

võ thuật, võ học Trung Hoa

中华传统武术不仅注重强身健体与防身技击，更蕴含着“厚德载物、止戈为武”的深厚东方哲学与武德精神。

Zhōng huá chuán tǒng wǔ shù bù jīn zhòng qiáng shēn jiàn tǐ yǔ fáng shēn jī jī, gèng yùn hán zhe "hòu dé zài wù, zhǐ gē wéi wǔ" de shēn hòu dōng fāng zhé xué yǔ wǔ dé jīng shén.

Võ thuật truyền thống Trung Hoa không chỉ chú trọng rèn luyện thân thể cường tráng và kỹ năng phòng thân chiến đấu, mà hơn thế nữa còn chứa đựng triết lý phương Đông sâu sắc và tinh thần võ đức 'Lấy đức dày chở vật, đứng can qua mới là thượng võ'.

25 nét

HÁN VIỆT: VŨ THUẬT

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#749

舞台

wǔ tái

sân khấu, vũ đài (nghệ thuật / lịch sử)

中国青年正日益自信地走上世界科技与人文交流的大舞台，向全球展现新时代青年的风采与担当。

Zhōng guó qīng nián zhèng rì yì zì xìn de zǒu shàng shì jiè kē jì yǔ rén wén jiāo liú de dà wǔ tái, xiàng quán qiú zhǎn xiàn xīn shí dài qīng nián de fēng cǎi yǔ dān dāng.

Thanh niên Trung Quốc đang ngày càng tự tin bước lên vũ đài sân khấu lớn của giao lưu nhân văn và khoa học công nghệ thế giới, phô diễn trước toàn cầu phong thái và tinh thần gánh vác của thanh niên thời đại mới.

25 nét

HÁN VIỆT: VŨ ĐÀI

HSK 3 (3.0)

Động từ

#750

希望

xī wàng

hy vọng

我希望天天快乐。

Wǒ xī wàng tiān tiān kuài lè.

Tôi hy vọng ngày nào cũng vui vẻ.

24 nét

HÁN VIỆT: HY VỌNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Động từ

#751

系

xì

khoa (trường đại học); hệ, hệ thống; thắt buộc; là

人工智能学院计算机系汇聚了全球多位顶尖学者，培养了大量拔尖创新型复合科技人才。

Rén gōng zhì néng xué yuàn jì suàn jī xì huì jù le quán qiú duō wèi dīng jiān xué zhě, péi yǎng le dà liàng bá jiān chuàng xīn xíng fù hé kē jì rén cái.

Khoa Máy tính thuộc Học viện Trí tuệ Nhân tạo quy tụ nhiều học giả hàng đầu thế giới, đào tạo ra lượng lớn nhân tài khoa học công nghệ phức hợp đổi mới sáng tạo xuất chúng.

13 nét

HÁN VIỆT: HỆ

HSK 3 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#752

西部

xībù

miền Tây, phía tây, khu vực phía tây

国家深入实施新时代西部大开发战略，在广袤西部地区布局建设了一批世界级清洁能源大基地。

Guó jiā shēn rù shí shí xīn shí dài xī bù dà kāi fā zhàn lüè, zài guǎng mào xī bù dì qū bù jú jiàn shè le yí pī shí shì jiè jí qīng néng yuán dà jī dì.

Nhà nước đi sâu thực thi chiến lược Đại khai phá miền Tây thời đại mới, quy hoạch xây dựng một loạt các căn cứ lớn năng lượng sạch đẳng cấp thế giới trên vùng đất miền Tây phía tây bao la.

22 nét

HÁN VIỆT: TÂY BỘ

HSK 3 (3.0)

Động từ xu hướng

#753

下来

xià lái

xuống đây, bước xuống; lại (lưu giữ lại)

在完成长达六个月的在轨科学实验任务后，三名航天员顺利从返回舱中安全走了下来。

Zài wán chéng zhǎng dá liù gè yuè de zài guī kē xué shí yàn rèn wù hòu, sān míng háng tiān yuán shùn lì cóng fǎn huí cāng zhōng ān quán zǒu le xià lái.

Sau khi hoàn thành nhiệm vụ thực nghiệm khoa học trên quỹ đạo kéo dài sáu tháng, ba phi hành gia đã an toàn bước xuống đi xuống từ khoang trở về một cách thuận lợi.

19 nét

HÁN VIỆT: HẠ LAI

HSK 3 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#754

下面

xià miàn

phía dưới, bên dưới, dưới đây

在每项国家重点研发计划申报指南的正文下面，都附有详尽的专家评审细则与评分标准。

Zài měi xiàng guó jiā zhòng yán fā jì shí huà shēn bào zhǐ nán de zhèng wén xià miàn, dōu fù yǒu xiǎng jīn de zhuan jiā píng shēn xī zé yǔ píng fēn biāo zhǔn.

Phía dưới bên dưới phần chính văn của mỗi bản hướng dẫn đăng ký kế hoạch nghiên cứu phát triển trọng điểm quốc gia đều có kèm theo tiêu chuẩn chấm điểm và quy tắc thẩm định chuyên gia chi tiết.

19 nét

HÁN VIỆT: HẠ DIỆN

HSK 3 (3.0)

Động từ xu hướng

#755

下去

xià qu

đi xuống; tiếp tục (làm gì đó)

我们要把老一辈科学家胸怀祖国、服务人民的崇高爱国精神代代传承下去，发扬光大。

Wǒ men yào bǎ lǎo yī bèi kē xué jiā xiōng huái zǔ guó, fú wù rén mín de chóng gào ài guó jīng shén dài dài chuán chéng xià qù, fā yáng guāng dà.

Chúng ta phải đời đời kế thừa tiếp tục trao truyền tiếp nối và phát huy rực rỡ tinh thần yêu nước cao đẹp phụng sự nhân dân, mang trong tim Tổ quốc của các nhà khoa học tiến bối.

18 nét

HÁN VIỆT: HẠ KHỨ



HSK 3 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#756

先进

xiān jìn

tiên tiến, hiện đại hàng đầu; gương
điển hình tiên tiến

我国在超高压输电、高速铁路与新能源电池制造等领域掌握了国际最先进的核心技术与自主知识产权。

Wǒ guó zài chāo gāo yǎo yǎ shù diàn, gāo sù tiě lù yǔ xīn néng yuán diàn chí zhì zào dēng líng yù zhāng wò le guó jì zuì xiān jìn de hé xīn jì shù yǔ zì zhǔ zhī shǐ chān quán.

Nước ta trên các lĩnh vực sản xuất pin năng lượng mới, đường sắt cao tốc và truyền tải điện siêu cao áp đã nắm vững quyền sở hữu trí tuệ tự chủ và các công nghệ cốt lõi tiên tiến hàng đầu quốc tế.

20 nét

HÁN VIỆT: TIÊN TIẾN

HSK 3 (3.0)

Động từ

#757

显得

xiǎn de

trông có vẻ, lộ rõ vẻ, tỏ ra

在古色古香的红木书桌上摆放一盏暖色调的护眼复古铜灯,让整个书房显得格调雅致、温馨舒适。

Zài gù sè gù xiāng de hóng mù shū zhuō shàng bài fàng yī zhǎn nuǎn sè de hù yǎn fù gǔ tóng dēng, ràng zhěng gè shū fáng xiǎn de gé gé wài jīng mì yǎ zhì, wēn xīn shǔ shì.

Đặt một chiếc đèn đồng cổ chống mắt ánh sáng ấm áp trên chiếc bàn học gỗ gụ cổ kính tạo nhã khiến toàn bộ phòng đọc sách lộ rõ vẻ tinh lạnh thanh tao, ấm cúng và vô cùng dễ chịu.

23 nét

HÁN VIỆT: HIỂN ĐẮC

HSK 3 (3.0)

Phó từ / Tính từ

#758

显然

xiǎn rán

rõ ràng, hiển nhiên, thấy rõ

对比多轮独立盲测实验数据,该新型固态电池在零下四十度极寒环境下的放电效率显然大幅领先传统锂电池。

Duì bǐ duō lún dú lì máng cè shí yàn shù jù, gāi xīn xíng gù tài diàn chí zài líng xià sì shí dù jí hán huán jīng xià de fàng diàn xiào lǜ xiǎn rán dà fú lǐng xiān chuán tǒng lí diàn chí.

Đối chiếu số liệu từ nhiều vòng thử nghiệm mù độc lập, hiệu suất phóng điện của loại pin thể rắn mới này trong môi trường cực lạnh âm 40 độ rõ ràng vượt xa hoàn toàn so với pin lithium truyền thống.

19 nét

HÁN VIỆT: HIỂN NHIÊN

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#759

显示

xiǎn shì

hiển thị, cho thấy, biểu thị

国家统计局最新发布的宏观经济运行数据显示,我国高技术制造业增加值保持强劲的两位数增长势头。

Guó jiā tǒng jì jú zuì xīn fā bù de hóng guān jīng jì yùn xíng shù jù xiǎn shì, wǒ guó gāo jì shù zhì zào yè zēng jiā zhí zhī báo chí qiáng jīng de liǎng wèi shù zēng zhǎng shì tóu.

Số liệu vận hành kinh tế vĩ mô mới nhất do Cục Thống kê Quốc gia công bố cho thấy, giá trị gia tăng ngành chế tạo công nghệ cao của nước ta tiếp tục duy trì đà tăng trưởng hai con số mạnh mẽ.

20 nét

HÁN VIỆT: HIỂN THỊ

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#760

现场

xiàn chǎng

hiện trường, tại chỗ thực tế

在重大航天发射任务现场,全体科研指挥人员严阵以待,一丝不苟执行每一道测控发射发射指令。

Zài zhòng dà háng tiān fā shè wù xiàn chǎng, quán tǐ kē yán zhǐ huī rén yuán yán zhèn yì dài, yì sī bù gōu zhí xíng měi yī dào cè kòng fā shè fā shè zhǐ lìng.

Tại hiện trường nhiệm vụ phóng tàu vũ trụ trọng đại, toàn thể nhân viên chỉ huy nghiên cứu khoa học nghiêm trang sẵn sàng, tỉ mỉ không chút sai sót thi hành từng mệnh lệnh chỉ thị do đặc điểm khiến phóng.

22 nét

HÁN VIỆT: HIỆN TRƯỜNG

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#761

现代

xiàn dài

hiện đại

当代建筑设计师巧妙地将中国传统园林意境与现代简约建筑美学有机融合在一起,令人耳目一新。

Dāng dài jiàn zhù shì jī qiǎo de jiāng zhōng guó chuán tǒng yuán lín yì jīng yǔ xiàn dài jiàn yuē jiàn zhù měi xué yǒu jī róng hé zài yì qì, líng ěr ěr mù yī xīn.

Các kiến trúc sư đương đại đã khéo léo kết hợp hài hòa giữa ý cảnh vườn cảnh cổ truyền Trung Hoa và mỹ học kiến trúc tối giản hiện đại, mang lại cảm giác mới mẻ đầy ấn tượng.

22 nét

HÁN VIỆT: HIỆN ĐẠI

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Động từ / Tính từ

#762

现代化

xiàndàihuà

hiện đại hóa

以中国式现代化全面推进中华民族伟大复兴,是新时代新征程全党全国人民的中心任务。

Yǐ zhōng guó shì xiàn dài huà quán miàn tuī jìn zhōng huá mín zú wēi dà fù xīng, shì xīn shí dài xīn zhēng chéng quán dǎng quán guó rén mín de zhōng xīn rèn wù.

Thúc đẩy toàn diện sự phục hưng vĩ đại của dân tộc bằng hiện đại hóa đất nước là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng và toàn thể nhân dân cả nước trên hành trình mới thời đại mới.

34 nét

HÁN VIỆT: HIỆN ĐẠI HOA

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#763

现金

xiàn jīn

tiền mặt

为了保障老年群体与外籍来华人员的多元支付权益,各类大型商超与医院窗口均保留了现金找零服务通道。

Wèi le bǎo zhàng lǎo nián qún tǐ yǔ wàijí lái huá rén yuán de duō yuán zhī fù quán yì, gè lèi dà xíng shāng chāo yǔ yī yuán chuāng kǒu jūn bǎo liú le xiàn jīn zhǎo líng fú wù tōng dào.

Nhằm bảo đảm quyền lợi thanh toán đa dạng của người cao tuổi và du khách nước ngoài đến Trung Quốc, các siêu thị lớn và quầy bệnh viện đều duy trì các làn dịch vụ thanh toán và thối lại tiền mặt.

27 nét

HÁN VIỆT: HIỆN KIM

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#764

现实

xiàn shí

hiện thực, thực tế; thực tế

青年人既要仰望星空树立远大的理想抱负,更要脚踏实地直面现实、在平凡岗位上踏实苦干。

Qīng nián rén jì yào yǎng wàng xīng kōng shù lì yuǎn dà de lǐ xiǎng bào fù, gèng yào jiǎo tà shí dì zhí miàn xiàn shí, zài píng fán gǎng wèi shàng tà shí kǔ gàn.

Thanh niên vừa phải ngược nhìn bầu trời sao để nuôi dưỡng lý tưởng hoài bão lớn lao, lại càng phải kiên định bám rễ thực tế đối diện với hiện thực, miệt mài làm việc thực chất nơi vị trí công tác bình dị.

26 nét

HÁN VIỆT: HIỆN THỰC



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#765

现象

xiàn xiàng

hiện tượng

物理学家通过超高真空扫描隧道显微镜，首次在实验中直接观测到了分数量子反常霍尔效应的微观物理现象。

Wú lǐ xué jiā tōng guò chāo gāo zhēn kōng sǎo miào suì dào xiān wēi jīng, shǒu cì zài shí yàn zhōng zhí jiē guān cè dào le fēn shù liàng zǐ fǎn cháng huò ěr xiào yǐng de wēi guān wù lǐ xiàn xiàng.

Các nhà vật lý học thông qua kính hiển vi quét chui hầm chân không siêu cao lần đầu tiên quan sát trực tiếp được hiện tượng vật lý vi mô của hiệu ứng Hall dị thường phân số lượng tử trong thực nghiệm.

28 nét

HÁN VIỆT: HIỆN TƯỢNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#766

线

xiàn

đường, tuyến, sợi dây; ranh giới

这条连接国家超算中心与各大高校的高速量子保密通信干线，实现了无条件安全的超高速数据传输。

Zhè tiáo lián jiē guó jiā chāo suàn zhōng xīn yǔ gè dà gāo xiào de gāo sù liàng zǐ bǎo mì tōng xìn gàn xiàn, shí xiàn liǎo wú tiáo jiàn ān quán de chāo gāo sù shù jù chuán shū.

Tuyến đường trực thông tin bảo mật lượng tử tốc độ cao nối liền các trường đại học lớn và Trung tâm Siêu máy tính Quốc gia này đã thực hiện việc truyền tải số liệu siêu tốc độ an toàn vô điều kiện.

10 nét

HÁN VIỆT: TUYẾN

HSK 3 (3.0)

Động từ / Cụm từ

#767

相比

xiāng bǐ

so sánh, so với (tương quan so sánh)

与传统工艺相比，这种完全自主研发的绿色化学合成新路径将生产能耗大幅降低了百分之四十。

Yǔ chuán tǒng gōng yì xiāng bǐ, zhè zhǒng wán quán zì yǎn fā de lǜ sè huà xué hé chéng xīn lù jīng jiāng shēng chǎn néng hào dà fú jiàng dī le bǎi fēn zhī sì shí.

So với so sánh với quy trình công nghệ truyền thống, lộ trình mới tổng hợp hóa học xanh do nước nhà hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển này đã giảm mạnh mức tiêu hao năng lượng sản xuất tới 40%.

25 nét

HÁN VIỆT: TƯƠNG TỶ

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Phó từ / Động từ

#768

相当

xiāng dāng

khá là, tương đối; tương đương, ngang bằng

这套完全自主研发的高性能工业母机数控系统，其核心加工精度与运行稳定性相当出色。

Zhè tào wán quán zì yǎn fā de gāo xìng néng gōng yè mǔ jī shù kòng xì tǒng, qí hé xīn jiǎ gōng jīng dù yǔ yùn xíng wěn dìng xìng xiāng dāng chū sè.

Hệ thống điều khiển số máy công cụ công nghiệp hiệu năng cao do nước nhà hoàn toàn tự chủ nghiên cứu phát triển này có độ ổn định vận hành và độ chính xác gia công cốt lõi khá là tương đối xuất sắc.

23 nét

HÁN VIỆT: TƯƠNG ĐƯƠNG

HSK 3 (3.0)

Động từ / Tính từ / Danh từ

#769

相关

xiāng guān

liên quan, có quan hệ mật thiết

科技部联合教育部与工信部等相关职能部门，共同出台了支持青年科研人员挑大梁的重磅实施方案。

Kē jì bù lián hé jiàoyù bù yǔ bō yǐng bù xiāng guān zhī néng bù mén, gòng tóng chū tái le zhī chí qīng nián kē yán yuán tiāo dà liáng de zhòng bàng shí shí fāng àn.

Bộ Khoa học Công nghệ phối hợp cùng Bộ Giáo dục và Bộ Công nghiệp Thông tin cùng các ban ngành chức năng liên quan đã ban hành để án thực thi mang tính bước ngoặt hỗ trợ các nhà nghiên cứu trẻ gánh vác trọng trách lớn.

27 nét

HÁN VIỆT: TƯƠNG QUAN

HSK 3 (3.0)

Phó từ / Tính từ

#770

相互

xiāng hù

lẫn nhau, cùng nhau tương hỗ

在多学科交叉科研攻坚中，团队成员要相互信任、密切配合，共同攻克前沿技术难题。

Zài duō xué kē jiāo chā kē yán gōng jiān zhōng, tuán duì chéng yuán yào xiāng hù xìn rèn, mì qiè pèi hé, gòng tóng gōng kè qián yán jì shù nán tí.

Trong các đợt xung kích nghiên cứu khoa học liên ngành đan xen, các thành viên trong nhóm cần tin tưởng lẫn nhau, phối hợp chặt chẽ cùng nhau, cùng chinh phục các nan đề kỹ thuật tiên phong.

25 nét

HÁN VIỆT: TƯƠNG HỖ

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#771

相似

xiāng sì

tương tự, giống nhau, na ná

这两套复杂的工业软件算法在底层数学逻辑上虽然高度相似，但在极端高并发场景下的吞吐性能表现差异显著。

Zhè liǎng tào fù zá de gōng yè ruǎn jiàn suàn fǎ zài dī céng shù xué luó jí shàng suī rán gāo dù xiāng sì, dàn zài jí duān gāo bìng fā chǎng jǐng xià de tūn tǔ xìng néng biǎo xiàn chā yì xiǎn zhù.

Hai bộ thuật toán phần mềm công nghiệp phức tạp này ở logic toán học tầng dưới tuy tương tự nhau cao độ, nhưng trong các kịch bản chịu tải đồng thời cực lớn thì hiệu năng thông lượng thể hiện sự khác biệt vô cùng rõ rệt.

27 nét

HÁN VIỆT: TƯƠNG TỰ

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#772

香

xiāng

thơm, nén hương, hương thơm

清晨推开雅室房门，案几上那一缕刚点燃的天然沉香散发出令人心旷神怡的清幽香气。

Qīng chén tuī kāi yǎ shì fáng mén, àn jǐ shàng nà yī lǚ gāng diǎn rán de tiān rán chén xiāng sǎn fā chū líng rén xīn kuàng shén yí de qīng yā yōu xiāng.

Sáng sớm đẩy cửa bước vào gian phòng tao nhã, nén hương trầm tự nhiên vừa thấp trên bàn trà tỏa ra một mùi hương thanh khiết thoang thoảng khiến lòng người thư thái sáng khoái.

10 nét

HÁN VIỆT: HƯƠNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#773

香蕉

xiāng jiāo

chuối

熟透的新鲜黄香蕉口感软糯香甜，富含膳食纤维与钾元素，深受运动员和健身人士喜爱。

Shú tòu de xīn xiān huáng xiāng jiāo kǒu gǎn ruǎn nuò xiāng tián, fù hán shàn shí xiān wéi yù jiǎ yuán sù, shēn shòu yùndòng yuán hé jiàn shēn rén shì xǐ ài.

Quả chuối vàng chín tới ăn mềm thơm ngọt bùi, giàu chất xơ và kali nên được các vận động viên và người tập thể hình vô cùng ưa chuộng.

21 nét

HÁN VIỆT: HƯƠNG TIÊU


HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#774

消费

xiāo fèi

tiêu dùng, chi tiêu; sức tiêu dùng

数字消费、绿色消费与健康消费等新型消费模式蓬勃兴起，持续激发了国内消费市场的巨大潜能。

Shù zì xiāo fèi, lǜ sè xiāo fèi yǔ jiàn kāng xiāo fèi dèng xīn xīng xiāo fèi mó shì péng bó xīng qǐ, chí xù jī fā le guó nèi xiāo fèi shì chǎng de jù dà qián néng.

Các mô hình tiêu dùng mới như tiêu dùng số, tiêu dùng xanh và tiêu dùng sức khỏe đang bùng nổ mạnh mẽ, liên tục khơi dậy tiềm năng to lớn của thị trường tiêu dùng nội địa.

26 nét

HÁN VIỆT : TIÊU PHÍ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#775

消失

xiāo shī

biến mất, tiêu tan, mất dạng

随着清晨红日冉冉升起，笼罩在山间盆地与湖面上的浓重晨雾开始渐渐消散直至彻底消失。

Suí zhe qīng chén hóng rì rǎn rǎn shēng qǐ, lǒng zhào zài shān jiān pén dì yǔ hú miàn shàng de nóng zhòng chén wù kāi shǐ jiàn jiàn xiāo sǎn zhì zhì chē dī xiāo shī.

Cùng với mặt trời đỏ rực buổi sớm mai từ từ nhô lên, lớp sương mù dày đặc bao phủ trên thung lũng lòng chảo và mặt hồ bắt đầu dần tan biến cho đến khi biến mất hoàn toàn.

27 nét

HÁN VIỆT : TIÊU THẤT

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#776

消息

xiāo xī

tin tức, thông tin

我国科研团队在国际顶尖学术刊物上发表突破性成果的消息传来，全校师生一片沸腾。

Wǒ guó kē yán tuán duì zài guó jì dīng jiān xué shù kǎn wù shàng fā biǎo tú pō xīng chéng guǒ de xiāo xī chuán lái, quán xiào shī shēng yī piàn fèi téng.

Khi tin tức về việc nhóm nghiên cứu khoa học nước nhà công bố thành tựu đột phá trên ấn phẩm học thuật hàng đầu thế giới được truyền về, thầy trò toàn trường vô oà trong niềm vui sướng hân hoan.

26 nét

HÁN VIỆT : TIÊU TỨC

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#777

效果

xiào guǒ

hiệu quả, kết quả

经过为期三个月的系统听说沉浸式强化训练，学员们在汉语口语流利度与语调自然度上取得了立竿见影的显著效果。

Jīng guò wéi qī sān gè yuè de xì tǒng tīng shuō chén shì jiǎn huá xùn liàn, xué yuán men zài hàn yǔ kǒu yǔ liú lì dù yǔ diào zì rán dù shàng qǔ dé le lì gān jiàn yǐng de xiǎn zhù xiào guǒ.

Trải qua 3 tháng rèn luyện nghe nói đắm chìm chuyên sâu có hệ thống, các học viên đã đạt được hiệu quả rõ rệt tức thì về độ trôi chảy và ngữ điệu tự nhiên trong giao tiếp tiếng Trung.

17 nét

HÁN VIỆT : HIỆU QUẢ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#778

写作

xiě zuò

viết

老师鼓励大家积极写作，勇于探索新的知识。

Lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí xiě zuò, yǒng yǔ tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực viết, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

19 nét

HÁN VIỆT : TẢ TÁC

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#779

心

xīn

tim, trái tim, tâm trí; tấm lòng tâm huyết

不忘初心，方得始终；我们要始终保持一颗对科学探索的赤子之心与求真精神。

Bù wàng chū xīn, fāng dé shǐ zhōng; wǒ men yào shǐ zhōng bǎo chí yī kē duì kē xué tàn suǒ de chì zǐ xīn yǔ qíu zhēn jīng shén.

Không quên sơ tâm thì mới có được kết quả trọn vẹn; chúng ta cần luôn giữ vững một trái tim tấm lòng son trong sáng đối với tham hiểm khoa học cùng tinh thần cầu thị chân lý.

9 nét

HÁN VIỆT : TÂM

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#780

信封

xìn fēng

phong bì, bì thư

他小心翼翼地拆开装有国家重点实验室博士后录用通知书的特快专递大红色信封，心情无比激动。

Tā xiǎo xīn yì yì dì chāi kāi zhuāng yǒu guó jiā zhòng diǎn shí yàn shì bó shì hòu lǔ yòng tōng zhī shū de tè kuài zhuān dì dà hóng sè xìn fēng, xīn qíng wú bǐ jī dòng.

Anh cẩn thận bóc chiếc phong bì chuyển phát nhanh màu đỏ tươi đựng giấy báo tiếp nhận nghiên cứu sinh sau tiến sĩ của Phòng Thí nghiệm Trọng điểm Quốc gia, tâm trạng vô cùng xúc động bởi hồi.

23 nét

HÁN VIỆT : TÍN PHONG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#781

信任

xìn rèn

tin tưởng, tín nhiệm

人际交往与商务合作的牢固基石在于相互间的诚实守信与发自内心的真诚信任。

Rén jì jiāo wǎng yǔ shāng wù hé zuò de láo gù jī shí zài yú xiāng hù jiān de chéng shí shǒu xìn yǔ fā zì nèi xīn de zhēn chéng xìn rèn.

Nền tảng vững chắc trong giao thiệp nhân sinh và hợp tác kinh doanh nằm ở sự thành thật giữ chữ tín và niềm tin cậy chân thành xuất phát từ đáy lòng giữa đôi bên.

21 nét

HÁN VIỆT : TÍN NHÂM

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#782

行李

xíng lǐ

hành lý, đồ đạc mang theo

高铁列车即将到达终点站，请各位旅客带齐随身携带的全部行李物品，准备有序下车。

Gāo tiě liè chē jí jiāng dào dá zhōng diǎn zhàn, qǐng gè wèi lǚ kè dài qí suí shēn xié dài de quán bù xíng lǐ wù pǐn, zhǔn bèi yǒu xù xià chē.

Đoàn tàu cao tốc sắp sửa tới ga cuối cùng, xin các hành khách hãy mang theo đầy đủ toàn bộ đồ đạc hành lý mang theo bên mình, chuẩn bị xuống xe theo trật tự.

20 nét

HÁN VIỆT : HÀNH LÝ



HSK 3 (3.0)

Động từ

#783

形成

xíng chéng

hình thành, tạo thành

经过数十年的持续深耕与产业链集聚，该国家级高新区已经形成了千亿级的半导体与集成电路产业集群。

Jīng guò shù shí nián de chí xù shēn gēng yǔ zhàn yè lián jí jù, gāi guó jiā jí gāo xīn qū yǐ jīng xíng chéng le qiān yì jī de bàn dǎo tǐ yǔ jī chéng diàn lù chǎn yè jí qún.

Trải qua hàng chục năm bám rễ sâu và tập trung chuỗi công nghiệp liên tục, khu công nghệ cao cấp quốc gia này đã hình thành nên cụm ngành công nghiệp bán dẫn và vi mạch tích hợp quy mô hàng trăm tỷ nhân dân tệ.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: HÌNH THÀNH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#784

形式

xíng shì

hình thức, thể thức

在推进基层科普教育时，应当采用短视频、互动微课与科学实验秀等群众喜闻乐见的生动形式。

Zài tuī jìn jī céng kē pǔ jiàoyù shí, yīng dāng cǎi yòng duǎn shí pín, hù dòng wēi kè yǔ kē xué shí yàn xiù děng qún zhòng xǐ wén lè jiàn de shēng dòng xíng shì.

Khi đẩy mạnh công tác phổ biến kiến thức khoa học ở cơ sở, cần áp dụng các hình thức sinh động mà người dân yêu thích như video ngắn, bài giảng tương tác và các buổi trình diễn thí nghiệm khoa học trực quan.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: HÌNH THỨC

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#785

形象

xíng xiàng

hình tượng, hình ảnh; sinh động, trực quan

中国维和官兵在战乱冲突地区严格履职尽责、真诚关爱平民，树立了和平之师、正义之师的崇高良好形象。

Zhōng guó wéi hé guān bīng zài zhàn lùn chōng tū qū yán gé lì zhí jìn zé, zhēn chéng guān ài píng mǐn, shù lì le hé píng zhī shī, zhèng yì zhī shī de chóng gāo liáng hǎo xíng xiàng.

Các chiến sĩ gìn giữ hòa bình Trung Quốc tại các khu vực xung đột chiến loạn luôn tận tâm thực hiện nhiệm vụ, chân thành chăm lo cho dân thường, dựng xây nên hình tượng cao đẹp của một đội quân hòa bình, đội quân chính nghĩa.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: HÌNH TƯỢNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#786

形状

xíng zhuàng

hình dạng, hình dáng

新一代隐身战机采用了先进的气动外形布局与独特的菱形多面体雷达隐身外形形状设计。

Xīn yí dài yīn shēn zhàn jī cǎi yòng le xiān jìn de qì dòng wài xíng bù jú yǔ dú tè de líng xíng duō miàn tǐ dà yīn shēn wài biǎo xíng zhuàng shè jì.

Máy bay chiến đấu tàng hình thế hệ mới áp dụng bố cục khí động học tiên tiến cùng thiết kế hình dáng bên ngoài tàng hình radar đa diện hình thoi vô cùng độc đáo.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: HÌNH TRẠNG

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#787

幸福

xìng fú

hạnh phúc

幸福并不在于拥有多少荣华富贵，而在于家人健康康、生活充实安宁、内心常怀感恩。

Xìng fú bìng bù zài yú yōng yǒu duō shǎo róng huá fù guì, ér zài yú jiā rén jiàn jiàn kāng kāng, shēng huó chōng shí ān níng, nèi xīn cháng huái gǎn ēn.

Hạnh phúc không nằm ở chỗ sở hữu bao nhiêu nhung lụa giàu sang phú quý, mà cốt lõi là người thân luôn khỏe mạnh, cuộc sống đủ đầy bình yên và trong tim luôn ngập tràn lòng biết ơn.

📖 26 nét

HÁN VIỆT: HẠNH PHÚC

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#788

幸运

xìng yùn

may mắn

在面对复杂的挑战时，保持幸运的心态尤为重要。

Zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí xìng yùn de xīn tài yóu wéi zhòng yào. Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái may mắn đặc biệt quan trọng.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: HẠNH VẬN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#789

性

xìng

tính, tính chất (hậu tố); giới tính

在软件架构设计中，系统的稳定性、安全性以及高并发扩展性是衡量其技术成熟度的三大核心指标。

Zài ruǎn jiàn jiǔ gòu shè jì zhōng, xì tǒng de wěn dìng xìng, ān quán xìng yǐ jí gāo bìng fā zhǎn xìng shì héng liáng qí jì shù chéng shú dù de sān dà hé xīn zhǐ biāo.

Trong thiết kế kiến trúc phần mềm, tính ổn định, tính bảo mật và khả năng mở rộng chịu tải cao là 3 chỉ số cốt lõi đo lường mức độ trưởng thành kỹ thuật của hệ thống.

📖 11 nét

HÁN VIỆT: TÍNH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#790

性别

xìng bié

giới tính

现代文明职场坚决倡导男女平等同工同酬，严厉杜绝任何形式的性别歧视与偏见。

Xiàndài wén míng zhǐ chǎng jiǎn jué cháng dào nán nǚ píng děng tóng gōng tóng chóu, yán lì dù jué rèn hé xíng shì de xìng bié qī shì yǔ piān jiàn.

Môi trường công sở văn minh hiện đại kiên quyết đề cao bình đẳng giới nam nữ làm việc như nhau hưởng lương như nhau, triệt để bài trừ mọi hình thức phân biệt và định kiến giới tính.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: TÍNH BIỆT

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#791

性格

xìng gé

tính cách, tính tình

他性格豁达开朗、乐于助人，无论走到哪里都能迅速与身边的朋友打成一片。

Tā xìng gé huò dà kāi lǎng, lè yú zhù rén, wú lùn zǒu dào nǎ lǐ dòu néng xùn sù yǔ shēn biān de péng yǒu dǎ chéng yí piàn.

Anh ấy tính tình phóng khoáng cởi mở, nhiệt tình hay giúp đỡ mọi người, cho dù đi đến đâu cũng nhanh chóng hòa đồng gắn kết thân thiết với bạn bè xung quanh.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: TÍNH CÁCH



HSK 3 (3.0)

Động từ

#792

修

xiū

sửa chữa

老师鼓励大家积极修，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí xiū, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực sửa chữa, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

9 nét

HÁN VIỆT: TU

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#793

修改

xiū gǎi

sửa đổi, chỉnh sửa, tu chỉnh

在广泛征求全国各界专家与社会公众意见的基础上，全国人大常委会对生态环境保护法律草案进行了科学修改完善。

Zài guǎng fàn zhēng qiú quán guó gè jiè zhuān jiā yú shè huì gōng zhòng yì jiàn de jī zhǔ shàng, quán guó rén dà cháng wěi huì duì shēng tài bǎo hù fǎ huán jīng bǎo hù fǎ lǚ cǎo àn jìn xíng le kē xué xiū gǎi wán shàn.

Trên cơ sở lấy ý kiến rộng rãi của các chuyên gia mọi giới và công chúng xã hội trên toàn quốc, Ủy ban Thường vụ Đại hội Đại biểu Nhân dân Toàn quốc (Quốc hội) đã tiến hành chỉnh sửa bổ sung hoàn thiện dự thảo luật bảo vệ môi trường sinh thái một cách khoa học.

23 nét

HÁN VIỆT: TU CẢI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#794

需求

xū qiú

nhu cầu, yêu cầu bức thiết

国家基础科学研究与科技创新紧密围绕国家重大战略需求与人民美好生活期待，全力突破前沿卡脖子技术。

Guó jiā jī chǔ kē xué yán jiū yǔ kē jī chuàng xīn jīn mǐ wéi rào guó jiā zhòng dà zhàn lüè xū qiú yǔ rén mín měi hǎo shēng huó qī dài, quán lì tú pò qián yán qiā bó zǐ jī shù.

Đối mới khoa học công nghệ và nghiên cứu khoa học cơ bản quốc gia bám sát các kỳ vọng về cuộc sống tươi đẹp của nhân dân cùng các nhu cầu chiến lược trọng đại của đất nước, dốc toàn lực đột phá các công nghệ nền tảng.

19 nét

HÁN VIỆT: NHU CẦU

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#795

需要

xū yào

cần

要想真正掌握一门外语的精髓，我们需要付出持之以恒的耐心与数千小时的浸润。

Yào xiǎng zhēnzhèng zhǎngwò yì mén wàiyǔ de jīng suǐ, wǒmen xū yào fù chū chíhǐyǐhéng de nàixīn yǔ shù qiān xiǎoshí de jīnrùn.

Muốn thực sự làm chủ được tinh hoa của một ngoại ngữ, chúng ta cần phải bỏ ra sự kiên nhẫn bền bỉ cùng hàng ngàn giờ đắm chìm trong ngôn ngữ đó.

23 nét

HÁN VIỆT: NHU YÊU

HSK 3 (3.0)

Động từ

#796

宣布

xuān bù

tuyên bố, công bố

当大会主持人正式宣布我国新一代人造太阳“中国环流三号”实现高约束模式运行成功时，全场响起雷鸣般的掌声。

Dāng dà huì zhǔ chí rén zhèng shì xuān bù wǒ guó xīn yí dài rén zào tài yáng "zhōng guó huán liú sān hào" shí xiàn gāo yuē shù mó shì yùn xíng chéng gōng shí, quán chǎng xiǎng qǐ léi míng bān de zhǎng shēng.

Khi người dẫn chương trình đại hội chính thức tuyên bố 'Hoàn lưu Trung Hoa số 3' - mặt trời nhân tạo thế hệ mới của nước ta vận hành thành công ở chế độ giam hãm cao, toàn thể hội trường đã vang lên những tràng pháo tay giòn giã như sấm dậy.

19 nét

HÁN VIỆT: TUYÊN BỐ

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#797

宣传

xuān chuán

tuyên truyền, phổ biến quảng bá

全社会应当通过各种新媒体渠道广泛宣传国家安全生产法与反电信网络诈骗知识，全面提升公民的法治素养与防范意识。

Quán shè huì yīng dǎng tōng guò gè zhǒng xīn quán fǎ yù fǎn diàn xīn wǎng luò zhā piàn zhī shì, quán miàn tí shēng gōng mǐn de fǎ zhì sù yǎng yù fáng fǎn yì shí.

Toàn xã hội cần thông qua nhiều kênh truyền thông mới để tuyên truyền sâu rộng luật an ninh quốc gia và kiến thức phòng chống lừa đảo qua mạng viễn thông, nâng cao toàn diện ý thức pháp trị và cảnh giác phòng ngừa của công dân.

23 nét

HÁN VIỆT: TUYÊN TRUYỀN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#798

选手

xuǎn shǒu

tuyển thủ, thí sinh vận động viên thi đấu

在世界职业技能大赛赛场上，我国青年选手以精益求精的大国工匠绝技力克全球顶尖强手，斩获多枚金牌。

Zài shì jiè zhí yè jī néng dà sài sài chǎng shàng, wǒ guó qīng nián xuǎn shǒu yǐ jīng yì qiú jīng de dà guó gōng jiàng jué jì lì kè quán qiú dīng jīn qiáng shǒu, zhǎn huò duō méi jīn pái.

Trên đấu trường Cuộc thi Kỹ năng Nghề Thế giới, các tuyển thủ thí sinh trẻ tuổi nước ta bằng tuyệt kỹ nghề nhân nước lớn tinh ich cầu tinh đã đánh bại các đối thủ hàng đầu toàn cầu, xuất sắc giành nhiều tấm huy chương vàng.

25 nét

HÁN VIỆT: TUYỂN THỦ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#799

学费

xué fèi

học phí, tiền học

国家全面建立健全家庭经济困难学生资助保障体系，确保没有一名学生因交不起学费而失学。

Guó jiā quán miàn jiàn lì jiàn quán jiā jīng kùn nán xué shēng zī zhù bǎo zhàng tǐ xì, què bǎo méi yǒu yì míng xué shēng yīn jiāo bù qǐ xué fèi ér shī xué.

Nhà nước xây dựng hoàn thiện toàn diện hệ thống bảo đảm hỗ trợ học sinh sinh viên có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, bảo đảm không có một học sinh nào vì không nộp được học phí mà phải bỏ học.

25 nét

HÁN VIỆT: HỌC PHÍ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#800

血

xuè

máu, huyết

无偿献血是拯救垂危生命的高尚人道主义善举，传递着人间大爱温暖。

Wú chǎng xiàn xiě shì zhěng jiù chuí wēi shēng mìng de gāo shàng rén dào zhǔ yì shàn jǔ, chuán dì zhe rén jiān dà ài yǔ wēn nuǎn.

Hiến máu nhân đạo là nghĩa cử cao đẹp mang đậm tính nhân văn cứu giúp bao mảnh đời trong cơn nguy kịch, lan tỏa tình yêu thương và sự ấm áp trong cộng đồng.

14 nét

HÁN VIỆT: HUYẾT


HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#801

训练

xùn liàn

huấn luyện, rèn luyện, đào tạo

经过为期数月的高强度极限封闭式综合实战训练，应急救援特勤队员的专业搜救本领得到了全面跃升。

Jīng guò wéi qī shù yuè de gāo qiáng dù jí xìng fēng bì shì zōng hé shí zhàn xùn liàn, yǐng jí jiù yuán tè qín duì yuán de zhuān yè sōu jiù běn lǐng dé dào le quán miàn yuè shēng.

Trải qua nhiều tháng huấn luyện thực chiến tổng hợp khép kín cường độ cao ở mức giới hạn, kỹ năng tìm kiếm cứu nạn chuyên nghiệp của các chiến sĩ đặc nhiệm cứu hộ khẩn cấp đã được nâng tầm toàn diện.

23 nét

HÁN VIỆT : HUẤN LUYỆN

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#802

压

yā

ép, nén, đè nén; áp lực áp suất

面对高强度的重大科研攻坚任务与紧迫的时间节点，全体科研骨干顶住压力、迎难而上。

Miàn duì gāo qiáng dù de zhòng dà kē yán gōng jiàn rèn wù yǔ jìn pò de shí jiān jié diǎn, quán tǐ kē yán gǔ gàn yǐng nán ér shàng.

Đứng trước các mốc thời gian gấp rút cùng nhiệm vụ vượt khó nghiên cứu khoa học trọng đại cường độ cao, toàn thể cán bộ nghiên cứu cốt cán đã chịu đựng đè nén áp lực, đón đầu khó khăn dũng cảm tiến lên.

10 nét

HÁN VIỆT : ÁP

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#803

压力

yā lì

áp lực, sức ép

学会合理排解工作生活压力并保持积极乐观的心态，是维持身心长期健康的关键素养。

Xué huì hé lǐ pái jiě gōng zuò shēng huó yā lì bìng bǎo chí jī jí lè guān de xīn tài, shì wéi chí shēn xīn cháng qī jiǎn kāng de guān jiàn sù yǎng.

Biết cách giải tỏa áp lực công việc và cuộc sống một cách hợp lý đồng thời duy trì tâm thái tích cực lạc quan là tố chất then chốt để gìn giữ sức khỏe thể chất và tinh thần dài lâu.

18 nét

HÁN VIỆT : ÁP LỰC

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#804

烟

yān

khói

在面对复杂的挑战时，保持烟的心态尤为重要。

zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí yān de xīn tài yóu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái khói đặc biệt quan trọng.

14 nét

HÁN VIỆT : YÊN

HSK 3 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#805

眼前

yǎn qián

trước mắt, trước mặt, hiện tại

登上泰山玉皇顶极目远眺，眼前重峦叠嶂、云海翻腾，令人油然而生登泰山而小天下的壮怀豪情。

Dēng shàng tài shān yù huáng dǐng jí mù yuǎn tiào, yǎn qián chóng luán dié zhàng, yún hǎi fān gǔn, lìng rén yóu rán ér shēng dēng tài shān ér xiǎo tiān xià de zhuàng huái hào qíng.

Trèo lên đỉnh Ngọc Hoàng trên núi Thái Sơn phóng tầm mắt nhìn ra xa, trước mắt muôn trùng non nước điệp trùng, biển mây cuộn trào, khiến lòng dâng lên niềm hào sảng tráng chí trèo lên đỉnh Thái Sơn thấy thiên hạ nhỏ bé.

26 nét

HÁN VIỆT : NHẪN TIẾN

HSK 3 (3.0)

Động từ

#806

演

yǎn

diễn, biểu diễn, đóng vai; diễn xuất

艺术家们在舞台上精湛倾情地演出了多幕展现大国工匠精神的原创经典话剧，深深打动了全场观众。

Yì shù jiā men zài wǔ tái shàng jīng zhàn qīng qīng dì yǎn chū le duō mù zhǎn xiàn dà guó gōng jīng shén de yuán chuang jīng diǎn huà jù, shēn shēn dǎ dòng le quán chǎng guān zhòng.

Các nghệ sĩ trên sân khấu đã diễn biểu diễn hết mình đầy điêu luyện nhiều màn kịch nói kinh điển nguyên tác phổ biến tinh thần nghệ nhân bậc thầy nước lớn, làm lay động sâu sắc toàn thể khán giả trong khán phòng.

10 nét

HÁN VIỆT : DIỄN

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#807

演唱

yǎn chàng

hát, biểu diễn ca hát

青年合唱团在国家大剧院音乐厅里深情演唱了交响合唱套曲，赢得了全场热烈持久的掌声与喝彩。

Qīng nián hé chàng tuán zài guó jiā dà jù yuàn yīn yuè tīng lǐ shēn qíng yǎn chàng le jiāo xiāng hé chàng tào qǔ, yíng dé le quán chǎng rè liè chí jiǔ de zhǎng shēng yǔ hè cài.

Dàn hợp xướng thanh niên tại phòng hòa nhạc Nhà hát Lớn Quốc gia đã biểu diễn ca hát đầy truyền cảm bộ hợp xướng giao hưởng, nhận được những tràng pháo tay và lời tán thưởng nhiệt liệt kéo dài của cả khán phòng.

22 nét

HÁN VIỆT : DIỄN XƯỚNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#808

演唱会

yǎn chàng huì

buổi hòa nhạc ca hát, concert ca nhạc

在大型现代化奥林匹克体育场举办的万人新年公益演唱会上，多位知名青年歌手同台精彩献艺。

Zài dà xíng xiān dài huà ào lín pǐ kè tǐ yù chǎng jù bàn de wàn rén xīn nián gōng yì yǎn chàng huì shàng, duō wèi zhī míng qīng nián gē shǒu tóng tái jīng cǎi xiàn yì.

Tại buổi hòa nhạc ca hát concert ca nhạc công ích đón năm mới vạn người tổ chức ở Sân vận động Olympic hiện đại hóa quy mô lớn, nhiều ca sĩ trẻ nổi tiếng đã cùng biểu diễn đặc sắc trên sân khấu.

35 nét

HÁN VIỆT : DIỄN XƯỚNG HỘI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#809

演出

yǎn chū

buổi biểu diễn, diễn xuất

国家大剧院今晚倾情上演的大型经典民族交响音画《丝绸之路》演出赢得了全场阵阵喝彩。

Guó jiā dà jù yuàn jīn wǎn qīng qīng shàng yǎn de dà xíng jīng diǎn mín zú jiāo xiāng yīn huà 《sī chóu zhī lù》 yǎn chū yíng dé le quán chǎng zhèn zhèn hè cài.

Buổi biểu diễn bức tranh giao hưởng dân tộc kinh điển quy mô lớn 'Con đường tơ lụa' do Nhà hát Lớn Quốc gia dàn dựng tối nay đã nhận được những tràng pháo tay tán thưởng vang dội toàn khán phòng.

18 nét

HÁN VIỆT : DIỄN XUẤT


HSK 3 (3.0)

Danh từ

#810

演员

yǎn yuán

diễn viên, nghệ sĩ biểu diễn

这位德艺双馨的老艺术家演了一辈子话剧，塑造了无数深入人心、栩栩如生的经典舞台角色。

Zhè wèi dé yì shuāng xīn de lǎo yì shù jiā yǎn le yì bèi zì huà jù, sù zào liǎo wú shù shēn rù rén xīn, xǔ xǔ rú shēng de jīng diǎn wǔ tái jué sè.

Người nghệ sĩ lão thành tài đức vẹn toàn ấy đã cống hiến cả cuộc đời cho sân khấu kịch nói, khắc họa nên vô số hình tượng nhân vật kinh điển sống động in sâu vào trái tim công chúng.

22 nét

HÁN VIỆT : DIỄN VIÊN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#811

羊

yáng

con cừu, con dê (dương)

在广袤辽阔的呼伦贝尔大草原上，成群的白羊如朵朵白云洒落在无边无际的绿茵草地上。

Zài guǎng mào liáo kuò de hū lún bèi ěr dà cǎo yuán shàng, chéng qún de bái yáng rú duǒ duǒ bái yún sǎ luò zài wú biān wú jì de lǜ yīn cǎo dì zhī shàng.

Trên thảo nguyên Hulunbuir bao la rộng lớn, từng đàn con cừu trắng tựa như những đám mây trắng rải đều trên thảm cỏ xanh biếc trải dài vô tận.

10 nét

HÁN VIỆT : DƯƠNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#812

阳光

yáng guāng

ánh nắng, ánh mặt trời, rạng rỡ

清晨温暖明媚的金色阳光穿透薄雾洒在阳台的绿植花卉上，唤醒了充满生机的一天。

Qīng chén wēn nuǎn míng mèi de jīn sè yáng guāng chuān tòu bó wù sǎ zài yáng tái de lǜ zhī huā huì shàng, huàn xǐng le chōng mǎn shēng jī de yì tiān.

Sáng sớm ánh nắng mặt trời vàng ấm áp rực rỡ xuyên qua làn sương mỏng rơi chiếu lên những chậu hoa cây cảnh ngoài ban công, đánh thức một ngày mới căng tràn sức sống.

21 nét

HÁN VIỆT : DƯƠNG QUANG

HSK 3 (3.0)

Liên từ

#813

要是

yào shì

nếu như, nếu mà, ví thử

要是在科学探索的道路上遇到暂时的失败与挫折，千万不要灰心气馁，而要从汲取宝贵经验。

Yào shì zài kē xué tàn suǒ de dào lù shàng yù dào zàn shí de shī bài yǔ cuò zhé, qiān wàn bú yào huī xīn qì nǐ, ér yào cóng zǔōng zhōng jí qǔ bǎo guì jīng yàn.

Nếu như trên con đường thám hiểm khoa học có gặp phải thất bại hay vấp ngã nhất thời, muốn vản lặn chỗ nên nản lòng thoái chí, mà phải biết rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu từ đó.

21 nét

HÁN VIỆT : YÊU THỊ

HSK 3 (3.0)

Liên từ / Cụm từ

#814

一方面

yì fāng miàn

một mặt, một phương diện

在推进现代化产业体系建设中，我们一方面要改造提升传统产业，另一方面要培育壮大新兴未来产业。

Zài tuī jìn xià dài huà chǎn yè tǐ xiàn shè zhōng, wǒ men yì fāng miàn yào gǎi zào tí shēng chuán tǒng chǎn yè, líng yì fāng miàn yào péi yù zhuàng dà xīn xīng wèi lái chǎn yè.

Trong quá trình thúc đẩy xây dựng hệ thống ngành công nghiệp hiện đại hóa, một mặt chúng ta phải cải tạo nâng cấp các ngành công nghiệp truyền thống, mặt khác phải nuôi dưỡng phát triển các ngành mới nổi trong tương lai.

31 nét

HÁN VIỆT : NHẤT PHƯƠNG DIỆN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#815

一切

yī qiè

tất cả, mọi thứ, toàn bộ

只要心中怀揣明确坚定的理想信念并脚踏实地奋斗，生活中的一切艰难险阻终将被踩在脚下。

Zhǐ yào xīn zhōng huái chūāi míng què jiān dīng de lǐ xiǎng xīn niàn bīng jiǎo tà shí dì fèn dòu, shēng huó zhōng de yī qiè jiān nán xiǎn zǔ zhōng jiāng bèi cái zài jiǎo xià.

Chỉ cần trong lòng ấp ủ niềm tin và lý tưởng rõ ràng kiên định đồng thời nỗ lực phấn đấu vững vàng, mọi chông gai trắc trở trong cuộc sống rồi cũng sẽ bị khuất phục dưới chân.

26 nét

HÁN VIỆT : NHẤT TIẾP

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#816

衣架

yī jiǎ

móc treo quần áo, giá treo đồ

他把熨烫得平平整整的白衬衫挂在木质衣架上，整齐地放入衣柜中准备明天参加学术报告。

Tā bǎ yùn tàng dé píng píng zhěng zhěng de bái chèn shān guà zài mù zhì yī jiǎ shàng, zhěng qí dì fàng rù yī guì zhōng zhǔn bèi míng tiān cān jiā xué shù bào gào.

Anh ấy treo chiếc áo sơ mi trắng đã được là phẳng phiu ngay ngắn lên chiếc móc treo quần áo bằng gỗ, cất gọn gàng vào tủ quần áo chuẩn bị cho buổi báo cáo học thuật ngày mai.

28 nét

HÁN VIỆT : Y GIÁ

HSK 3 (3.0)

Phó từ

#817

已

yǐ

đã, đã từng (viết tắt của 已经)

经过全国建设者数年的艰苦奋斗，国家重大深空测控枢纽大科学工程目前已顺利投入常态化运行。

Jīng guò quán guó jiàn shè zhě shù nián de jiān kǔ fèn dòu, guó jiā zhòng dà shēn kōng kòng zhòng xù niǔ dà kē xué gōng chéng mù qián yǐ shùn lì tóu rù cháng tài huà yùn xíng.

Trải qua nhiều năm chiến đấu gian khổ của những người xây dựng trên toàn quốc, công trình khoa học lớn đầu mối đo đạc điều khiển không gian sâu trọng đại quốc gia hiện nay đã thuận lợi đưa vào vận hành thường xuyên.

13 nét

HÁN VIỆT : DĨ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#818

以来

yǐ lái

từ đó đến nay, từ khi... đến nay

党的十八大以来，我国生态文明建设发生了历史性、转折性、全局性变化，天更蓝、山更绿、水更清。

Dǎng de shí bā dà yǐ lái, wǒ guó shēng tài wén míng jiàn shè fā shēng le lì shǐ xìng, zhuǎn zhé xìng, quán jú xìng biàn huà, tiān gèng lán, shān gèng lǜ, shuǐ gèng qīng.

Từ Đại hội XVIII của Đảng đến nay, công cuộc xây dựng văn minh sinh thái nước ta đã diễn ra những đổi thay mang tính lịch sử, mang tính bước ngoặt và mang tính toàn cục: bầu trời xanh hơn, núi đồi xanh hơn và sông ngòi trong lành hơn.

20 nét

HÁN VIỆT : DĨ LAI


HSK 3 (3.0)

Danh từ

#819

艺术

yì shù

nghệ thuật

真正的伟大艺术源于对真实生活的深切体悟与提炼，具有跨越国界与时空的永恒精神感染力。

Zhēn zhèng de wēi dà yì shù yuán yú duì zhēn shí shēng huó de shēn qiè tǐ wù yǔ tí liàn, jù yǒu kuà yuè guó jiè yǔ shí kōng de yǒng héng jīng shén gǎn rǎn lì.

Nghệ thuật chân chính vĩ đại bắt nguồn từ sự chiêm nghiệm và đúc kết sâu sắc từ cuộc sống hiện thực, mang sức truyền cảm tinh thần trường tồn vượt qua mọi ranh giới quốc gia và thời gian.

25 nét

HÁN VIỆT : NGHỆ THUẬT

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#820

意外

yì wài

bất ngờ, ngoài ý muốn; tai nạn bất ngờ

在精密化学合成实验中，一次偶然的升温意外反而让科研人员惊喜地合成出了一种全新的超导晶体材料。

Zài jīng mì huà xué hé chéng shí yàn zhōng, yí cì ǒu rán de shēng wēn yì wài fǎn ér ràng kē yán rén yuán jīng xǐ de hé chéng chū le yí zhǒng quán xīn de chāo dǎo jīng tǐ cái liào.

Trong một đợt thực nghiệm tổng hợp hóa học chính xác, sự cố tăng nhiệt ngoài ý muốn do ngẫu nhiên lại bất ngờ giúp các nhà nghiên cứu tổng hợp nên một loại vật liệu tinh thể siêu dẫn hoàn toàn mới mẻ.

20 nét

HÁN VIỆT : Ý NGOẠI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#821

意义

yì yì

ý nghĩa, giá trị

国家太空实验室的全面建成并投入长期常态化科学应用，对人类探索浩瀚太空具有划时代的重大战略意义。

Guó jiā tài kōng shí yàn shì de quán miàn jiàn chéng bìng tóu rù cháng qī cháng tài huà kē xué yīng yòng, duì rén lèi tàn suǒ hào hàn tài kōng jù yǒu huà shí dài de zhòng dà zhàn lüè yì yì.

Việc phòng thí nghiệm không gian quốc gia được hoàn thành toàn diện và đưa vào ứng dụng khoa học thường thái lâu dài sở hữu ý nghĩa chiến lược trọng đại mang tính bước ngoặt thời đại đối với sự nghiệp thám hiểm không gian bao la của nhân loại.

20 nét

HÁN VIỆT : Ý NGHĨA

HSK 3 (3.0)

Liên từ

#822

因此

yīn cǐ

do đó, vì thế, cho nên

由于该新型锂电池采用了革命性的固态电解质技术，因此在能量密度与低温耐受性上实现了质的飞跃。

Yóu yú gāi xīn xíng lì diàn chí cái yòng le gé míng xíng de gù tài diàn jiě zhì jì shù, yīn cǐ zài néng liàng mì dù yǔ dī wēn nài shòu xíng shàng shí xiàn le zhì de fēi yuè.

Nhờ loại pin lithium thế hệ mới này áp dụng công nghệ chất điện phân thể rắn mang tính cách mạng, do đó mật độ năng lượng và khả năng chịu nhiệt độ âm đã có bước nhảy vọt về chất.

20 nét

HÁN VIỆT : NHÂN THỦ

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#823

银

yín

bạc (kim loại); màu bạc, tiền bạc

冬雪过后，巍峨壮丽的万里长城披上了银装素裹的盛装，蜿蜒在崇山峻岭之巅，气势磅礴。

Dōng xuě guò hòu, wēi é zhuàng lì de wàn lǐ cháng chéng pī shàng le yín zhuāng sù guǒ de shèng zhuāng, wān yǎn zài chóng shān jùn lǐng zhī diǎn, qì shì páng bó.

Sau trận tuyết mùa đông, Vạn Lý Trường Thành hùng vĩ tráng lệ khoác lên mình tấm áo màu bạc tinh khôi như dải lụa bạc, uốn lượn uốn khúc trên đỉnh núi non trùng điệp, khí thế đối non lấp biển.

13 nét

HÁN VIỆT : NGÂN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#824

银牌

yín pái

huy chương bạc, giải bạc

在世界青年技能大赛精密数控加工项目中，我国青年选手沉着应战、荣获一枚宝贵的银牌。

Zài shì jiè qīng nián jì néng dà sàì jīng mì shù kòng jiā gōng xiàng mù zhōng, wǒ guó qīng nián xuǎn shǒu chén zhuó yìng zhàn, róng huò yí méi bǎo guì de yín pái.

Trong hạng mục gia công điều khiển số chính xác (CNC) tại Cuộc thi Kỹ năng Thanh niên Thế giới, tuyển thủ trẻ tuổi nước ta đã bình tĩnh thi đấu, vinh dự đoạt một tấm huy chương bạc giải bạc quý giá.

21 nét

HÁN VIỆT : NGÂN BÀI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#825

印象

yìn xiàng

ấn tượng

他那谦逊有礼的绅士谈吐、扎实过硬的专业素养给在场所有面试官留下了极其深刻美好的第一印象。

Tā nà qiān xùn yǒu lǐ de shēn shì tán tǔ, zhā shí guò yìng de zhuān yè sù yǎng gěi zài chǎng suǒ yǒu miàn shì guān liú xià le jí qí shēn kè měi hǎo de dì yī yìn xiàng.

Phong thái nói chuyện lịch thiệp khiêm tốn cùng trình độ chuyên môn vững vàng của anh ấy đã để lại ấn tượng ban đầu vô cùng sâu sắc và tốt đẹp trong lòng tất cả các giám khảo phỏng vấn.

25 nét

HÁN VIỆT : ẤN TƯỢNG

HSK 3 (3.0)

Động từ năng nguyện

#826

应当

yīng dāng

nên, phải, cần phải (bổ phận)

新时代青年学子应当胸怀大局、志存高远，把个人的青春抱负融入到实现科技强国的伟大实践中。

Xīn shí dài qīng nián xué zǐ yīng dāng xiōng huái dà jú, zhì cún gāo yuǎn, bǎ gè rén de qīng chūn bào fù róng rù dào shí xiàn kē jì qiáng guó de wēi dà shí jiàn zhōng.

Các bạn học sinh sinh viên thanh niên thời đại mới nên cần phải mang trong mình hoài bão lớn, nhìn bao quát đại cục, hòa nhập khát vọng thanh xuân của bản thân vào thực tiễn vĩ đại xây dựng cường quốc khoa học công nghệ.

23 nét

HÁN VIỆT : ƯNG ĐƯƠNG

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#827

应用

yìng yòng

ứng dụng, áp dụng; mang tính ứng dụng

推动前沿基础科学研究成果向现实生产力高效转化，加快先进技术在大规模工业制造场景中的深度落地应用。

Tuí dòng qián yán jī chǔ kē xué yán jiū chéng guǒ xiàng xiàn shí shēng lí chǎng gāo xiào zhuǎn huà, jiā kuài xiān jìn jì shù zài dà guī mó gōng yè zhì zào chǎng jīng zhōng de shēn dù luò dì yìng yòng.

Thúc đẩy các thành quả nghiên cứu khoa học cơ bản tiên phong chuyển hóa hiệu quả cao thành sức sản xuất hiện thực, đẩy nhanh việc ứng dụng sâu rộng các công nghệ tiên tiến vào các kịch bản chế tạo công nghiệp quy mô lớn.

26 nét

HÁN VIỆT : ƯNG DỤNG



HSK 3 (3.0)

Động từ

#828

迎接

yíng jiē

nghehnh đón, đón chào, đón nhận

我们要以只争朝夕的拼搏姿态与坚韧不拔的必胜信念，全力迎接新一轮科技革命与产业变革的伟大浪潮。

Wǒ men yào yǐ zhǐ zhēng zhāo xī de pīn bó zì tài yǔ jiān rèn bù bá de bì shèng xìn niàn, quán lì yíng jiē xīn yī lún kē jì gē míng yǐ chǎn yè biàn gé de wéi dà làng cháo.

Chúng ta cần lấy tâm thế chiến đấu tranh thủ từng phút từng giây cùng niềm tin tất thắng kiên cường bất khuất để dốc toàn lực đón chào làn sóng vĩ đại của cuộc cách mạng khoa học công nghệ và chuyển đổi công nghiệp mới.

18 nét

HÁN VIỆT NGHEHNH TIẾP

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#829

营养

yíng yǎng

dinh dưỡng, chất dinh dưỡng

国家实施农村义务教育学生营养改善计划，切实保障了数千万乡村中小学生的体质健康与全面成长。

Guó jiā shí shī nóng cūn yì wù jiào yù xué shēng yíng yǎng gǎi shàn jì huà, qiè shí bǎo zhàng le shù qiān wàn xiāng cūn zhōng xiǎo xué shēng de tǐ zhì jiàn kāng yǔ quán miàn chéng zhǎng.

Nhà nước thực thi để án cải thiện dinh dưỡng học sinh giáo dục bắt buộc nông thôn, bảo đảm thiết thực cho thể chất khỏe mạnh và sự trưởng thành toàn diện của hàng chục triệu học sinh tiểu học và trung học nông thôn.

27 nét

HÁN VIỆT DOANH DƯỠNG

HSK 3 (3.0)

Động từ

#830

赢

yíng

thắng, giành thắng lợi, thu phục

在激烈的市场竞争中，只有依靠过硬的产品品质与真诚的售后服务才能真正赢得客户的长期信赖。

Zài jī liè de shì chǎng jìng zhēng zhōng, zhǐ yǒu yǐ kǎo guò yìng de chǎn pǐn pīn zhì yǔ zhēn chéng de shòu hòu fú wù cái néng zhēn zhèng yíng dé kè hù de cháng qī xìn lài.

Trong cuộc cạnh tranh khốc liệt trên thương trường, chỉ có dựa vào chất lượng sản phẩm vượt trội và dịch vụ hậu mãi tận tâm mới thực sự chiếm trọn được niềm tin lâu dài của khách hàng.

12 nét

HÁN VIỆT DOANH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#831

影视

yǐng shì

diện ảnh và truyền hình, phim ảnh

我国优秀的影视文艺工作者扎根时代沃土，创作出了一大批深受海内外观众喜爱的经典影视精品力作。

Wǒ guó yōu xiù de yǐng shì wén yì gōng zuò zhě zhā gēn shí dài wò tǔ, chuàng zuò chū le yí dà pī shēn shòu hǎi nèi wài guān zhòng xī ài de jīng diǎn yǐng shì jīng pǐn lì zuò.

Những người làm công tác văn nghệ điện ảnh và truyền hình phim ảnh xuất sắc của nước ta đã cắm rễ vào mảnh đất màu mỡ của thời đại, sáng tác nên một loạt các tác phẩm tinh hoa kinh điển được đồng đạo khán giả trong và ngoài nước yêu thích.

23 nét

HÁN VIỆT ẨMH THỊ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#832

优点

yōu diǎn

ưu điểm, điểm mạnh

在团队合作中，我们要学会善于发现并包容每个人的独特优点，实现优势互补、聚力共赢。

Zài tuán duì hé zuò zhōng, wǒ men yào xué huì shàn yú fā xiàn bìng bāo róng měi ge rén de dú tè yōu diǎn, shí xiàn yōu shì hù bǔ, jù lì gòng yìng.

Trong làm việc nhóm, chúng ta cần học cách phát hiện và tôn vinh những ưu điểm độc đáo của từng cá nhân để tương hỗ bù đắp thể mạnh cho nhau, cùng chung sức gặt hái thành công.

23 nét

HÁN VIỆT ƯU ĐIỂM

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#833

优势

yōu shì

ưu thế, thế mạnh, vị thế vượt trội

我国依托完备齐全的工业制造门类、超大规模国内市场与丰富的人才资源，构筑起了坚实而强大的综合竞争优势。

Wǒ guó yī tuō wán bèi qí quán de gōng yè zhì zào mén lèi, chāo dà guǎo mó nèi shì chǎng yǔ fēng fù de rén cái zī yuán, gòu zhù qǐ le jiān shí ér qiáng dà de zōng hé jìng zhēng yōu shì.

Nước ta dựa vào các phân ngành công nghiệp chế tạo hoàn chỉnh đầy đủ trọn gói, thị trường nội địa siêu quy mô cùng nguồn tài nguyên nhân tài phong phú đã gây dựng nên ưu thế cạnh tranh tổng hợp vô cùng vững chắc và hùng mạnh.

21 nét

HÁN VIỆT ƯU THẾ

HSK 3 (3.0)

Giới từ / Động từ

#834

由

yóu

do, bởi, từ (nguyên nhân/nguồn gốc/người thực hiện)

由战略科学家领衔的重大科技攻坚团队夜以继日奋战，成功突破了卡脖子关键技术瓶颈。

Yóu zhàn lǚè kē xué jiā líng xián de zhòng dà kē jì gōng jiān tuán duì yè yǐ jì rì fèn zhàn, chéng gōng tú pò le kǎ bó zǐ guān jiàn hé xīn jì shù píng jīng.

Nhóm vượt khó khoa học công nghệ trọng đại do nhà khoa học chiến lược dẫn dắt đã ngày đêm chiến đấu, đột phá thành công nút thắt công nghệ lõi then chốt nghẽn cổ chai.

14 nét

HÁN VIỆT DO

HSK 3 (3.0)

Liên từ

#835

由于

yóu yú

do, bởi vì, vì

由于受突发强对流暴雨天气影响，原定于今晚起飞的国际航班将推迟到明早出发。

Yóu yú shòu tú fā qiáng dòng liú bào yǔ tiān qì yǐng xiǎng, yuán dìng yú jīn wǎn qǐ fēi de guó jì háng bān jiāng tuī chí dào míng zǎo chū fā.

Do ảnh hưởng của thời tiết mưa dông đối lưu cực đoan bất ngờ ập đến, chuyến bay quốc tế dự kiến cất cánh tối nay sẽ được lùi lại vào sáng sớm mai.

28 nét

HÁN VIỆT DO VU

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#836

邮件

yóujiàn

thư từ, bưu kiện, bưu phẩm

现代智能邮政物流系统实现了全国特快邮件全流程自动分拣与二十四小时精准高效送达。

Xiàndài zhì néng yóu zhèng wù liú xì tǒng shí xiàn le quán guó tè kuài yóu jiàn quán liú chéng zì dòng fēn jiǎn yǔ èr shí sì xiǎo shí jīng zhǔn gāo xiào sòng dá.

Hệ thống logistics bưu chính thông minh hiện đại đã thực hiện việc phân loại tự động toàn bộ quy trình và vận chuyển phát bưu phẩm thư từ chuyển phát nhanh chính xác hiệu quả cao trong 24 giờ trên toàn quốc.

22 nét

HÁN VIỆT BƯU KIỆN



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#837

邮票

yóupiào

con tem, tem bưu chính

国家邮政局特别发行了一套生动展现我国载人航天三十年辉煌成就的特种纪念邮票。

Guó jiā yóu zhèng jú tè bié fā xíng le yí tào shēng dòng zhǎn xiàn wǒ guó zài rén háng tiān sǎn shì niǎn huì huáng chéng jiù de tè zhōng jì niǎn yóu piào.

Cục Bưu chính Quốc gia đã phát hành đặc biệt một bộ tem bưu chính con tem kỷ niệm đặc chủng phô diễn sinh động những thành tựu huy hoàng suốt ba mươi năm hàng không vũ trụ có người lái của nước ta.

17 nét

HÁN VIỆT: BƯU PHIẾU

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#838

邮箱

yóuxiāng

hòm thư, hộp thư điện tử (email)

请各位参会代表在截止日期前将学术论文终稿与演讲幻灯片发送至大会官方学术指定邮箱。

Qǐng gè wèi cān huì dài biǎo zài jié zhǐ qián qī jiàn jiāng xué shù lùn wén zhōng gǎo yǔ yǎn jiǎng huàn dēng piàn fā sòng zhì dà huì guān fāng xué shù zhǐ dìng yóu xiāng.

Xin các đại biểu tham dự hội nghị gửi bản thảo cuối cùng của luận văn học thuật cùng bài thuyết trình slide tới hộp thư hòm thư học thuật chính thức được chỉ định của đại hội trước ngày hết hạn.

21 nét

HÁN VIỆT: BƯU RƯƠNG

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#839

游

yóu

bơi (lội); đi du ngoạn tham quan; dòng (thượng du)

在清澈见底天然湖泊生态湿地中，成群的珍稀鱼类在水草丛中欢快地游来游去。

Zài qīng chè jiàn dǐ tiān rán hú pō shēng tài shí zhī zhòng, chéng qún de zhēn xī yú lèi zài shuǐ cǎo zhōng huān kuài de yóu lái yóu qù.

Bên trong vùng đất ngập nước sinh thái hồ tự nhiên nước trong vắt nhìn thấu đáy, từng đàn cá quý hiếm đang vui vẻ bơi lội bơi qua bơi lại giữa những rặng rong rêu.

14 nét

HÁN VIỆT: DU

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#840

游戏

yóu xì

trò chơi

适当体验富有创意的益智策略类游戏不仅能放松身心，还能锻炼逻辑思维与团队协作能力。

Shìdàng tīyàn fù yǒu chuàng yì de yì zhì cè lüè lèi yóu xì bù jìn néng fàng sōng shēn xīn, hái néng duàn liàn luó jí sī wéi yǔ tuán duì xié zuò néng lì.

Trải nghiệm các trò chơi chiến thuật trí tuệ giàu tính sáng tạo một cách điều độ vừa giúp thư giãn tinh thần lại rèn luyện tư duy logic và kỹ năng làm việc nhóm.

23 nét

HÁN VIỆT: DU HÍ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#841

游泳

yóu yǒng

bơi lội

我夏天喜欢去游泳。

Wǒ xià tiān xǐ huān qù yóu yǒng.

Mùa hè tôi thích đi bơi.

25 nét

HÁN VIỆT: DU VỊNH

HSK 3 (3.0)

Cụm từ / Tính từ

#842

有的是

yǒu de shì

có thừa, có rất nhiều, không thiếu gì

在祖国广袤的大地上，青年人施展才华、建功立业的大好舞台和机遇有的是，关键在于脚踏实地奋斗。

Zài zǔ guó guǎng mào de dà dì shàng, qīng nián rén shī zhǎn cái huá, jiàn gōng lì yè de dà hào wú tǎi hé jī yǒu de shì, guān jiàn zài yú jiǎo dì shí dì fèn dòu.

Trên mảnh đất bao la của Tổ quốc, cơ hội và vũ đài tuyệt vời để thanh niên thi thố tài năng, lập công dựng nghiệp thì có thừa có rất nhiều không thiếu gì, điều then chốt nằm ở sự phấn đấu chân thật vững vàng.

27 nét

HÁN VIỆT: HỮU ĐÍCH THÌ

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#843

有利

yǒu lì

có lợi, thuận lợi, có ích

全面深化改革与进一步扩大高水平对外开放，为民营企业高质量发展营造了极其稳定、公平、透明的有利营商环境。

Quán miàn shēn huà gǎi gé yǔ jìn yí bù kuò dà gāo shuǐ píng duì wài kāi fàng, wéi gōng gòng dà mǐn yíng qì yè gāo zhì liàng fā zhǎn yíng zào le jí qí wěn dìng, gōng píng, tòu míng de yǒu lì yíng shāng huán jīng.

Đi sâu cải cách toàn diện và tiếp tục mở rộng mở cửa đối ngoại ở trình độ cao đã kiến tạo nên môi trường kinh doanh thuận lợi vô cùng ổn định, công bằng và minh bạch cho sự phát triển chất lượng cao của đồng đảo các doanh nghiệp tư nhân.

22 nét

HÁN VIỆT: HỮU LỢI

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#844

有效

yǒuxiào

có hiệu lực, hiệu quả, có tác dụng

这种结合了大数据人工智能与精细化管理的新型节水灌溉技术，在干旱地区取得了显著有效的节水增产成果。

Zhè zhǒng jié hé le dà shù jù rén gōng zhì néng yǔ jīng xì huà guǎn lǐ de xīn xíng jié shuǐ guǎn gài jì shù, zài gān hàn dì qū qǔ dé le xiǎn zhù yǒu xiào de jié shuǐ zēng chǎn chéng guǒ.

Kỹ thuật tưới tiêu tiết kiệm nước kiểu mới kết hợp giữa quản lý tinh tế và trí tuệ nhân tạo dữ liệu lớn này đã đạt được thành quả tăng năng suất và tiết kiệm nước hiệu quả có tác dụng rõ rệt tại các vùng khô hạn.

17 nét

HÁN VIỆT: HỮU HIỆU

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#845

预报

yù bào

dự báo, tin dự báo

依托新一代风云气象卫星星座与超级计算机高精度数值天气预报系统，我国强对流极端天气的预警提前量大幅增加。

Yī tuō xīn yí dài fēng yún qì xiàng wèi xīng zǔng yào yǔ chāo jí suàn jī gāo jīng dù shù zhí tiān qì yù bào xì tǒng, wǒ guó qiáng dòng liú jí duǎn tiān qì de yù jǐng tí qián liàng dà fú zēng jiā.

Dựa vào chòm sao vệ tinh khí tượng Phong Vân thế hệ mới cùng hệ thống dự báo thời tiết số phân giải cao trên siêu máy tính, thời gian cảnh báo sớm các hiện tượng thời tiết cực đoan đối lưu mạnh của nước ta đã tăng lên đáng kể.

25 nét

HÁN VIỆT: DỰ BÁO



HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#846

预防

yù fáng

phòng ngừa, để phòng, dự phòng

国家公共卫生健康事业坚持以“预防为主、防治结合”为核心方针，构筑起守护人民生命健康的坚强防线。

Guójiā gōnggòng wèi shēng jiàn kāng shì yè jiān chí yǐ "yù fáng wéi zhǔ, fáng zhì jié hé" wéi hé xīn fāng zhēn, gòu zhù qǐ shǒu hù rén mín shēng mìng jiàn kāng de jiān qiáng fáng xiàn.

Sự nghiệp sức khỏe y tế công cộng quốc gia kiên định phương châm cốt lõi "Lấy phòng bệnh làm chính, kết hợp chặt chẽ giữa phòng và trị", dựng xây nên phòng tuyến vững chắc bảo vệ tính mạng và sức khỏe của nhân dân.

27 nét

HÁN VIỆT: DỰ PHÒNG

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#847

预计

yù jì

dự kiến, ước tính, dự tính

经过紧张有序的施工建设，国家级大科学装置深地实验室预计将于今年年底全面交付投入科研运行。

Jīng guò jīn zhāng yǒu xù de shī gōng jiàn shè, guó jiā jí dà kē xué zhuāng zhì shēn dì shí yàn shì yù jì jiāng yú jīn nián nián dǐ quán miàn jiāo fù tóu rù kē yán yùn xíng.

Trải qua quá trình thi công xây dựng khẩn trương có trật tự, phòng thí nghiệm dưới lòng đất sâu thuộc thiết bị khoa học lớn cấp quốc gia dự kiến dự tính sẽ bàn giao toàn diện đưa vào vận hành nghiên cứu khoa học vào cuối năm nay.

24 nét

HÁN VIỆT: DỰ KẾ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#848

预习

yù xí

xem trước bài, chuẩn bị bài trước

养成课前认真预习生词与重点语法例句的好习惯，能够让课堂听讲效率成倍提升。

Yǎng chéng kè qián rèn zhēn yù xí shēng cí yǔ zhòng diǎn yǔ fǎ lì jù de hào xí guān, néng gòu ràng kè táng tīng jiǎng xiào lǚ chéng bèi tí shēng.

Rèn luyện thói quen tốt chủ động soạn bài xem trước từ mới và các ví dụ ngữ pháp trọng tâm trước giờ lên lớp sẽ giúp nâng cao gấp bội hiệu quả tiếp thu bài giảng trên lớp.

23 nét

HÁN VIỆT: DỰ TẬP

HSK 3 (3.0)

Hậu tố danh từ / Danh từ

#849

员

yuán

thành viên, nhân viên, cán bộ

作为国家重大科研攻关团队的核心成员，青年研究员勇挑重担、敢打硬仗，攻克了多项关键技术瓶颈。

Zuò wéi guó jiā zhòng dà kē yán gōng guān tuán duì de hé xīn chéng yuán, qīng nián yán jiū yuán yǒng tiǎo zhòng dàn, gǎn dǎ yìng zhàng, gōng gèng kè lè duō xiàng guān jiàn jī shù píng jīng.

Với tư cách là thành viên cốt cán của nhóm xung kích nghiên cứu khoa học trọng đại quốc gia, người nghiên cứu viên trẻ tuổi dũng cảm gánh vác trọng trách, dám đánh những trận đánh cam go, chinh phục nhiều nút thắt công nghệ then chốt.

12 nét

HÁN VIỆT: VIÊN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#850

员工

yuángōng

nhân viên, cán bộ công nhân viên

高新技术企业全面推行股权激励机制，充分激发了全体科技研发员工的创新创造活力与归属感。

Gāo xīn jī shù qǐ yè quán miàn tuī xíng gǔ quán jī lì jī zhì, chōng fèn jī fā le quán tǐ kē jì yán fā yuán gōng de chuàng xīn chuàng zào zhào huó lì yǔ guī shǔ gǎn.

Doanh nghiệp công nghệ cao mới triển khai toàn diện cơ chế khích lệ bằng cổ phần, khơi dậy mạnh mẽ cảm giác gắn bó cùng sức sống đổi mới sáng tạo của toàn thể cán bộ công nhân viên nhân viên nghiên cứu phát triển công nghệ.

26 nét

HÁN VIỆT: VIÊN CÔNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#851

愿望

yuàn wàng

nguyện vọng, ước nguyện, mong muốn

让广大人民群众过上更加幸福、富裕、美好的现代化新生活，是我们党矢志不渝的崇高奋斗目标。

Ràng guǎng dà rén mín qún zhòng guò shàng gèng jiā xìng fú, fù yù, měi hǎo de xiān dài huà xīn shēng huó, shì wǒ men dǎng shǐ zhì bù yù de chóng gāo fèn dòu yuàn wàng.

Giúp đông đảo quần chúng nhân dân có được cuộc sống mới hiện đại hạnh phúc hơn, sung túc hơn và tươi đẹp hơn là nguyện vọng phấn đấu cao cả kiên định sắt son của Đảng chúng ta.

24 nét

HÁN VIỆT: NGUYỆN VỌNG

HSK 3 (3.0)

Động từ

#852

约

yāo

khoảng

老师鼓励大家积极约，勇于探索新的知识。lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí yuē, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực khoảng, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

13 nét

HÁN VIỆT: YÊU

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#853

运输

yùn shū

vận chuyển, chuyên chở, vận tải

横贯欧亚大陆的中欧班列作为亚欧各国构建起了一条全天候、大运力、绿色低碳的国际铁路大通道综合运输网络。

Héng guān ōu yà dà lù de zhōng ōu bān liè wéi yà ōu gè guó gòu jiàn qǐ le yí tiáo quán tiān hòu, dà yùn lì, lǜ sè dī tàn de guó jì tiě lù dà tōng dào zōng hé yùn shū wǎng lù.

Các chuyến tàu liên vận Trung Quốc - châu Âu vắt ngang lục địa Á - Âu đã xây dựng nên một mạng lưới vận chuyển tổng hợp hành lang đường sắt quốc tế xanh ít phát thải, khối lượng vận chuyển lớn suốt 24/7 cho các nước.

24 nét

HÁN VIỆT: VẬN THẦU

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#854

杂志

zá zhì

tạp chí, báo san

这本享誉全球的国际前沿科技学术杂志，每月都会刊发多篇由世界一流顶尖科学家撰写的重磅综述。

Zhè běn xiǎng yú quán qiú de guó jì qián yán kē jì xué shù zá zhì, měi yuè dū huì kān fā duō piān yǒu shì jiè yì liú dīng jiǎn kē xué jiā zhuàn xiě de zhòng bàng zōng shù.

Cuốn tạp chí học thuật công nghệ tiên phong lĩnh danh toàn cầu này hàng tháng đều xuất bản nhiều bài tổng quan chuyên sâu do các nhà khoa học hàng đầu thế giới chấp bút.

18 nét

HÁN VIỆT: TẠP CHÍ


HSK 3 (3.0)

Phó từ

#855

早已

zǎoyǐ

đã từ lâu, sớm đã (từ trước đó)

科研攻坚团队早就做好了万全准备，各项应急预案早已推演完毕，确保工程万无一失。

Kē yán gōng jiān tuán duì zǎo jiù zuò hǎo le wàn quán yuán yàn àn, gè xiàng yìng jì yú àn zǎo yì tuì yǎn wán bì, què bǎo gōng chéng wàn wú yī shī.

Nhóm xung kích nghiên cứu khoa học đã chuẩn bị sẵn sàng vẹn toàn từ trước, mọi phương án ứng phó khẩn cấp sớm đã từ lâu diễn tập hoàn tất, bảo đảm công trình an toàn tuyệt đối không một sai sót.

21 nét

 HÁN VIỆT : **TẢO DĨ**
HSK 3 (3.0)

Động từ

#856

造

zào

làm

老师鼓励大家积极造，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí zào, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực làm, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

14 nét

 HÁN VIỆT : **TẠO**
HSK 3 (3.0)

Động từ

#857

造成

zào chéng

gây nên, tạo thành, dẫn đến (hậu quả)

在深海油气勘探开采过程中，必须严格杜绝原油泄漏事故发生，避免对脆弱的海洋生态环境造成不可逆的破坏。

Zài shēn hǎi yóu qì kǎn tàn kāi cái quá chéng zhōng, bì xū yán gé dù jué yuán yóu xiè lòu shì gù fā shēng, bì miǎn duì cuì ruò de hǎi yáng shēng tài huán jīng zào chéng bù kě nǐ de pò huài.

Trong quá trình thăm hiểm và khai thác dầu khí biển sâu, bắt buộc phải ngăn chặn triệt để sự cố tràn dầu thô, tránh gây ra những tổn hại không thể đảo ngược đối với môi trường sinh thái đại dương để bị tổn thương.

24 nét

 HÁN VIỆT : **TẠO THÀNH**
HSK 3 (3.0)

Danh từ

#858

责任

zé rèn

trách nhiệm, nghĩa vụ

保护绿水青山、守护地球家园，是当代人类对子孙后代生存发展必须肩负起的重大历史责任。

Bǎo hù lǜ shuǐ qīng shān, shǒu hù dì qiú jiā yuán, shì dāng dài rén lèi duì zǐ sūn hòu dài shēng cún fā zhǎn bì xū jiān fù qǐ de zhòng dà lì shǐ zé rèn.

Bảo vệ non xanh nước biếc, giữ gìn ngôi nhà chung Trái Đất là trách nhiệm lịch sử lớn lao mà thế hệ hôm nay phải gánh vác vì sự sinh tồn và phát triển của muôn đời sau.

23 nét

 HÁN VIỆT : **TRÁCH NHÂM**
HSK 3 (3.0)

Danh từ

#859

增加

zēng jiā

tăng lên, gia tăng, bổ sung

企业通过持续加大研发投入与引进国际拔尖人才，核心专利拥有量实现了显著增加。

Qǐ yè tōng guò chí xù jiā dà yán fā jīn rù yǔ yǐn jìn guó jì bá jiān rén cái, hé xīn zhuān lì yǒng yǒu liàng shí xiàn le xiǎn zhù zēng jiā.

Doanh nghiệp thông qua việc liên tục tăng cường rót vốn đầu tư cho R&D và thu hút nhân tài xuất chúng quốc tế đã giúp số lượng bằng sáng chế độc quyền cốt lõi tăng lên rõ rệt.

27 nét

 HÁN VIỆT : **TĂNG GIA**
HSK 3 (3.0)

Danh từ

#860

增长

zēng zhǎng

tăng trưởng, mở mang, nâng cao

读万卷书不如行万里路，广泛的跨国游学与社会实践能够极大增长青年学子的见识与阅历。

Dú wàn juǎn shū bù rú xíng wàn lǐ lù, guǎng fàn de kuà guó yóu xué yǔ shè huì shí jiàn néng gòu jí dà zēng zhǎng qīng nián xué zǐ de jiàn shí yú yuè lì.

Đọc vạn cuốn sách không bằng đi vạn dặm đường, những chuyến du học trải nghiệm quốc tế và hoạt động thực tế xã hội sâu rộng sẽ giúp các bạn trẻ mở mang và tích lũy thêm vô vàn vốn sống, hiểu biết.

24 nét

 HÁN VIỆT : **TĂNG TRƯỞNG**
HSK 3 (3.0)

Động từ

#861

展开

zhǎn kāi

mở ra, triển khai, giương rộng

空间站在轨大型柔性太阳能电池翼在太空中缓缓展开，如同一双巨大的金色翅膀在阳光下熠熠生辉。

Kōng jiān zhàn zài guī dà xíng róu xìng tài yáng diàn néng diǎn chí yì zài tài kōng zhōng huān huān zhǎn kāi, rú tóng yī shuāng jù dà de jīn sè chì bǎng zài yáng guāng xià yì yì shēng huī.

Cánh pin mặt trời mềm dẻo cỡ lớn trên quỹ đạo của trạm vũ trụ từ từ mở ra trong không gian, tựa như đôi cánh khổng lồ màu vàng óng ánh tỏa sáng lấp lánh dưới ánh mặt trời.

23 nét

 HÁN VIỆT : **TRIỂN KHAI**
HSK 3 (3.0)

Lượng từ

#862

张

zhāng

tờ, tấm (lượng từ)

我有一张纸。

Wǒ yǒu yī zhāng zhǐ.

Tôi có một tờ giấy.

14 nét

 HÁN VIỆT : **TRƯỞNG**
HSK 3 (3.0)

Danh từ

#863

长城

Cháng chéng

Vạn Lý Trường Thành

俗话说“不到长城非好汉”，巍峨蜿蜒的万里长城展现了中华古老文明的雄伟气魄。

Sú huà shuō "bù dào cháng chéng fēi hǎo hàn", wēi é wǎn yán de wàn lǐ cháng chéng zhǎn xiàn le zhōng huá gǔ lǎo wén míng de xióng wēi qì pò.

Tục ngữ có câu "Bất đáo Trường Thành phi hảo hán", Vạn Lý Trường Thành quanh co hùng vĩ thể hiện khí phách uy nghiêm của nền văn minh Trung Hoa cổ đại.

19 nét

 HÁN VIỆT : **TRƯỜNG THÀNH**



HSK 3 (3.0)

Động từ

#864

长处

cháng chù

Điểm mạnh

老师鼓励大家积极长处，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí cháng chù, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực điểm mạnh, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

21 nét

HÁN VIỆT: TRƯỞNG XỬ

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Danh từ thời gian

#865

长期

cháng qī

lâu dài, trường kỳ, thời gian dài

老一辈科学家几十年如一日长期默默坚守在荒漠戈壁试验基地，把毕生精力奉献给了国防科技事业。
Lǎo yī bèi kē xué jiā jǐ shí nián rú yī rì cháng qī mò mò jiān shǒu zài huāng mò mò gē bì shì yàn jī dì, bǎ bì shēng jīng lì fèng xiàn gěi le guó fáng kē jì shì yè.
Các nhà khoa học tiền bối mấy chục năm như một lâu dài trường kỳ âm thầm bám trụ tại căn cứ thử nghiệm sa mạc Gobi hoang vu, cống hiến trọn vẹn sức lực cuộc đời cho sự nghiệp khoa học công nghệ quốc phòng.

20 nét

HÁN VIỆT: TRƯỜNG KỲ

HSK 3 (3.0)

Động từ / Giới từ / Danh từ

#866

照

zhào

chiếu rọi; chụp ảnh; theo chiếu theo; giấy phép

初升的朝阳将万道金光照射在雄伟的冰川雪峰之上，勾勒出一幅壮美绝伦的大自然画卷。
Chū shēng de zhāo yáng jiāng wàn dào jīn guāng zhào shè zài xióng wēi de bīng chuān xuě fēng zhī shàng, gōu lè chū yī fú zhuàng měi jué lún de dà zì rán huà juǎn.
Vầng thái dương mới nhô lên chiếu rọi muôn vàn tia sáng vàng kim lên những đỉnh núi tuyết sông băng hùng vĩ, phác họa nên một bức tranh thiên nhiên kỳ vĩ tuyệt trần.

10 nét

HÁN VIỆT: CHIẾU

HSK 3 (3.0)

Đại từ / Hậu tố

#867

者

zhě

người, kẻ (hậu tố: người nghiên cứu, người lao động)

科学探索是勇者的无畏征程，只有不畏艰难险阻勇攀高峰的探索者，才能领略到真理巅峰的无限风光。
Kē xué tàn suǒ shì yǒng zhě de wú wèi zhēng chéng, zhǐ yǒu bù wèi jiǎn nán xiǎn zǔ yǒng pān gāo fēng de tàn suǒ zhě, cái néng lǐng lüè dào zhēn lǐ diǎn fēng de wú xiàn fēng guāng.
Thăm hiểm khoa học là hành trình không hề biết sợ hãi của những người dũng cảm, chỉ có những người khám phá người thám hiểm không sợ gian nan hiểm trở dũng cảm trèo lên đỉnh cao mới có thể thưởng ngoạn phong cảnh vô bờ bến trên đỉnh cao chân lý.

14 nét

HÁN VIỆT: GIẢ

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#868

真实

zhēn shí

chân thực, có thật, xác thực

在这部优秀的历史纪录片中，导演通过详实严谨的珍贵影像档案再现了那段波澜壮阔的真实历史风云。
Zài zhè bù yōu xiù de lì shǐ jì lǐ piàn zhōng, dǎo yǎn tōng guò xiáng shí yǎn jìn de zhēn guì yǐng xiàng dǎng àn zài xiàn le nà duàn bō lán zhuàng kuò de zhēn shí lì shǐ fēng yún.
Trong bộ phim tài liệu lịch sử xuất sắc này, đạo diễn thông qua những thước phim lưu trữ vô giá chi tiết nghiêm ngặt đã tái hiện lại chặng đường lịch sử phong văn chân thực hào hùng tráng lệ năm nào.

23 nét

HÁN VIỆT: CHÂN THỰC

HSK 3 (3.0)

Động từ

#869

争

zhēng

tranh giành, tranh đua, phấn đấu giành lấy

青年科学家敢为人先、争创一流，在国际前沿量子技术攻坚中勇攀世界高峰。
Qīng nián kē xué jiǎ gǎn wéi rén xiān, zhēng chuàng yī liú, zài guó jī qián yán liàng zǐ jì shù gōng jiǎn zhōng yǒng pān shì jiè gāo fēng.
Các nhà khoa học trẻ tuổi dám đi trước mở đường, phấn đấu tranh đua xây dựng đẳng cấp hàng đầu, dũng cảm trèo lên đỉnh cao thể giới trong các trận đánh vượt khó công nghệ lượng tử tiên phong quốc tế.

9 nét

HÁN VIỆT: TRANH

HSK 3 (3.0)

Động từ

#870

争取

zhēng qǔ

tranh thủ, phấn đấu giành lấy, nỗ lực đạt được

全体科研攻关人员团结一心、争分夺秒，全力争取在年底前圆满完成大科学装置全系统集成联调任务。
Quán tǐ kē yán gōng guān rén yuán tuán jié yī xīn, zhēng fēn duó miǎo, quán lì zhēng qǔ zài nián dǐ qián huàn wán chéng dà kē xué zhuāng zhì quán xī tóng jī chéng lián diào rèn wù.
Toàn thể cán bộ nghiên cứu khoa học đoàn kết một lòng, tranh thủ từng phút từng giây, dốc toàn lực phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tích hợp hiệu chỉnh chạy thử toàn hệ thống thiết bị khoa học lớn trước cuối năm.

17 nét

HÁN VIỆT: TRANH THỦ

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Động từ

#871

整

zhěng

toàn bộ, trọn vẹn, nguyên vẹn; chỉnh đốn

科研攻坚团队夜以继日奋战了整整三个月，终于按期圆满完成了全套工业软件核心算法重构。
Kē yán gōng jiǎn tuán duì yè yǐ jì rì fèn zhàn le zhěng zhěng sān gè yuè, zhōng yú àn qī yuán wán chéng le quán tào gōng yè ruǎn jiàn hé xīn suàn fǎ zhòng gòu.
Nhóm nghiên cứu khoa học xung kích ngày đêm chiến đấu suốt trọn vẹn toàn bộ ba tháng ròng, cuối cùng đã hoàn thành tái cấu trúc thuật toán cốt lõi toàn bộ hệ thống phần mềm công nghiệp đúng hạn và mỹ mãn.

10 nét

HÁN VIỆT: CHỈNH

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#872

整个

zhěng gè

toàn bộ, tất cả, nguyên cả

新一代全流程绿色低碳工业园区实现了水资源与工业余热在整个园区内部的百分之百闭环循环利用。
Xīn yī dài quán liú líng chéng lǜ sè dī tàn gōng yè yuán qū shí xiàn le shuǐ zī yuán yǔ gōng yè yú rè zài zhěng gè yuán qū nèi bù de bǎi fēn zhī bǎi bǎi huán xún huán lì yòng.
Khu công nghiệp xanh ít phát thải toàn quy trình thể hệ mới đã hiện thực hóa việc tái tuần hoàn khép kín 100% tài nguyên nước và nhiệt dư công nghiệp bên trong toàn bộ khu công nghiệp.

22 nét

HÁN VIỆT: CHỈNH CẢ



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#873

整理

zhěng lǐ

chỉnh lý, thu dọn, sắp xếp

每天下班前花十分钟整理好办公桌面与分类归档电子文档，能让第二天的工作井然有序、高效推进。

Mỗi tiên xià bản quán huà shí fēn zhōng zhěng lǐ hào bàn gōng zhuō miàn yǔ fēn lèi guī dāng diàn zì wén dāng, néng ràng dì èr tiān de gōng zuò jìng rán yǒu xù, gāo xiào tuī jìn.

Mỗi ngày trước khi tan sở dành ra 10 phút dọn dẹp ngăn nắp bàn làm việc và phân loại lưu trữ hồ sơ tài liệu điện tử sẽ giúp công việc của ngày hôm sau diễn ra trật tự, năng suất và hiệu quả.

19 nét

HÁN VIỆT: CHỈNH LÝ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#874

整齐

zhěng qí

ngay ngắn, đều đặn, tề chỉnh

阅兵方队迈着铿锵有力、整齐划一的步伐通过天安门广场，展现了威武之师的磅礴气概。

Yuè bīng fāng duì mài zhe kēng kāng yǒu lì, zhěng qí huà yī de bù fá tóng guò tiān ān mén guǎng chǎng, zhǎn xiàn le wēi wǔ zhī shī de páng bó qì gài.

Các khối diễu binh rảo bước rộn rã, đội hình tề chỉnh đều tăm tắp tiến qua Quảng trường Thiên An Môn, thể hiện khí thế hào hùng ngút trời của đoàn quân hùng dũng.

20 nét

HÁN VIỆT: CHỈNH TẾ

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#875

整体

zhěng tǐ

toàn bộ

在面对复杂的挑战时，保持整体的心态尤为重要。

zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí zhěng tǐ de xīn tài yǒu wéi zhòng yào. Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái toàn bộ đặc biệt quan trọng.

18 nét

HÁN VIỆT: CHỈNH THỂ

HSK 3 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian / Phó từ

#876

整天

zhěng tiān

suốt ngày, cả ngày, cả ngày trời

为了攻克关键核心技术瓶颈，总工程师整天扎根在嘈杂的生产试验车间一线指导技术攻关。

Wèi le gōng kè guān jiàn hé xīn jī shù píng jǐng, zōng gōng chéng shī zhěng tiān zhā gēn zài cǎo zá de shēng chǎn shì yàn chē jiān yī xiàn zhǐ dǎo jī shù gōng guān.

Để chinh phục nút thắt công nghệ lõi then chốt, vị tổng công trình sư suốt ngày cả ngày cắm chốt tại tuyến đầu phân xưởng thử nghiệm sản xuất ổn ào để chỉ đạo vượt khó kỹ thuật.

23 nét

HÁN VIỆT: CHỈNH THIÊN

HSK 3 (3.0)

Phó từ / Tính từ

#877

整整

zhěng zhěng

tròn, đúng tròn vẹn, suốt (thời gian dài)

老一辈地质学家在青藏高原高寒缺氧的极端环境中坚守了整整三十年，填补了国家多项地质考察空白。

Lǎo yī bèi dì zhì xué jiā zài zài qīng zàng gāo yuán gāo hán quē yǎng de jí duǎn huán jīng zhōng jiān shǒu le zhěng zhěng sān shí nián, tián bǔ le guó jiā duō xiàng dì zhì kǎo chá bái.

Các nhà địa chất học tiền bối đã bám trụ kiên cường đúng tròn vẹn suốt ba mươi năm ròng trong môi trường cực đoan thiếu oxy giá rét vùng cao của cao nguyên Thanh Tạng, bù đắp nhiều khoảng trống khảo sát địa chất của đất nước.

20 nét

HÁN VIỆT: CHỈNH CHỈNH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#878

正式

zhèng shì

chính thức, trang trọng

经过多轮严密论证与高层签署，该项具有里程碑意义的跨国战略合作项目今天在人民大会堂正式启动。

Jīng guò duō lún yán mì lùn zhèng yǔ gāo céng qiān shǔ, gāi xiàng jù yǒu lǐ chéng bēi yì yì de kuà guó zhàn lüè hé zuó xiàng mù jīn tiān zài rén mín dà huì táng zhèng shì qǐ dòng.

Sau nhiều vòng thẩm định nghiêm cẩn và được lãnh đạo cấp cao ký kết, dự án hợp tác chiến lược xuyên quốc gia mang ý nghĩa cột mốc lịch sử này hôm nay đã chính thức được khởi động tại Đại lễ Đường Nhân dân.

21 nét

HÁN VIỆT: CHỈNH THỨC

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Động từ

#879

证

zhèng

giấy chứng nhận, bằng cấp; chứng minh, bằng chứng

经过严格的理论考核与实际操作答辩，他顺利通过了评审并获得了国家高级工程师专业技术资格。

Jīng guò yán gé de lǐ lùn kǎo hé yǔ shí jī cāo zuò dá biān, tā shùn lì tōng guò le píng shěn bìng huò dé le guó jiā gāo jí gōng chéng shī zhuān yè jī shù zī gé zhèng.

Trải qua kỳ sát hạch lý thuyết nghiêm ngặt và bảo vệ thao tác thực tế, anh ấy đã thuận lợi vượt qua thẩm định và nhận được giấy chứng nhận bằng chứng nhận trình độ chuyên môn kỹ thuật Kỹ sư Cao cấp Quốc gia.

8 nét

HÁN VIỆT: CHỨNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#880

证件

zhèng jiàn

giấy tờ, chứng từ, thẻ căn cước/giấy chứng nhận

出入境边防检查站全面推广智能快捷通关查验系统，旅客只需扫描电子证件即可实现十秒极速通关。

Chū rù jìng biān fáng jiǎn chá zhàn quán miàn tuī guǎng zhì néng kuài jié tōng guān chá yǎn xì tǒng, lǚ kè zhǐ xū sǎo miáo diàn zì zhèng jiàn jì kě shí xiàn shí miǎo jí sù tōng guān.

Trạm kiểm soát biên phòng xuất nhập cảnh đã phổ biến toàn diện hệ thống kiểm tra thông quan nhanh thông minh, hành khách chỉ cần quét giấy tờ điện tử là có thể hoàn thành thông quan siêu tốc chỉ trong 10 giây.

21 nét

HÁN VIỆT: CHỨNG KIẾN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#881

证据

zhèng jù

bằng chứng, chứng cứ

在司法审判与事实认定中必须坚持以事实为依据、以法律为准绳，绝不能在缺乏确凿客观证据的情况下主观定罪。

Zài sī fǎ shēn pàn yǔ shí shì rèn dìng zhōng bì xū jiān chí yǐ shí shì wéi yī jù, yǐ fǎ lǜ wéi zhǔn shéng, jué bù néng zài quē fá què záo kè guān zhèng jù de qíng kuàng xià zhǔ guān dìng zuì.

Trong xét xử tư pháp và xác định sự thật bắt buộc phải kiên trì lấy sự thật làm căn cứ, lấy pháp luật làm thước đo, tuyệt đối không được định tội chủ quan khi thiếu các chứng cứ khách quan xác thực.

18 nét

HÁN VIỆT: CHỨNG CỨ


HSK 3 (3.0)

Danh từ

#882

证明

zhèng míng

chứng minh, bằng chứng, giấy chứng nhận

经过国内外数十家顶级科研实验室的多中心独立复现，充分证明了该新药化合物的卓越疗效与安全性。

Jīng guò guó nèi wài shù shí jiā dǐng jí kē yán shí yàn shì de duō zhōng xīn dú lì fù xiàn, chōng fèn zhèng míng liǎo gāi xīn yào huà hé wù de zhuó yuè liáo xiào yǔ ān quán xìng.

Sau khi được hàng chục phòng thí nghiệm khoa học hàng đầu trong và ngoài nước tiến hành lặp lại thử nghiệm độc lập đa trung tâm, đã chứng minh đầy đủ hiệu quả điều trị vượt trội và tính an toàn của hợp chất tân được này.

18 nét

HÁN VIỆT : CHỨNG MINH

HSK 3 (3.0)

Lượng từ / Danh từ / Động từ

#883

支

zhī

cây, chiếc (bút/súng); chi nhánh, chi đội; chống đỡ

由多学科拔尖青年学者组成的一支跨学科研究突击队勇挑重担，全力攻关国家前沿重大项目。

Yóu duō xué kē bá jiān qīng nián xué zhě zǔ chéng de yí zhī kuà xué kē kē yán tǔ jī duì yòng tiāo zhòng dàn, quán lì gōng guān guó jiā qián yán zhòng dà xiàng mù.

Một chi đội đội ngũ đột kích nghiên cứu khoa học liên ngành gồm các học giả trẻ xuất chúng đa ngành học đã dũng cảm gánh vác trọng trách, dốc toàn lực vượt khó các dự án trọng đại tiên phong quốc gia.

11 nét

HÁN VIỆT : CHI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#884

支持

zhī chí

ủng hộ, hỗ trợ, nâng đỡ

国家出台了一系列强有力的税收优惠与财政补贴政策，全方位大力支持专精特新中小企业创新发展。

Guó jiā chū tái le yí xì liè qiáng yǒu lì de shuì shōu yōu huì yǔ cái zhèng bǔ tiē zhèng cè, quán fāng wèi dà lì zhī chí zhuān jīng tè xīn zhōng xiǎo qī yè chuàng xīn fā zhǎn.

Nhà nước đã ban hành chuỗi chính sách ưu đãi thuế và trợ cấp tài chính mạnh mẽ nhằm hỗ trợ toàn diện và đặc lực cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ đổi mới sáng tạo, phát triển chuyên sâu.

24 nét

HÁN VIỆT : CHI TRÌ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#885

支付

zhī fù

thanh toán, chi trả (tiền tệ)

我国全面优化移动支付与银行卡外卡刷卡受理环境，为境外来华人员提供了更加安全便捷的支付体验。

Wǒ guó quán miàn yōu huà yí dòng zhī fù yǔ yín háng kǎ wài kǎ shuā kǎ shòu lǐ huán jīng, wèi jìng wài lái huá rén yuán tí gòng le gèng jiā ān quán biàn jié de zhī fù tǐ yàn.

Nước ta tối ưu hóa toàn diện môi trường chấp nhận thanh toán quét thẻ quốc tế và thanh toán di động, mang lại trải nghiệm chi trả thanh toán tiện lợi và an toàn hơn cho người nước ngoài tới Trung Quốc.

22 nét

HÁN VIỆT : CHI PHÓ

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Phó từ / Động từ

#886

直

zhí

thẳng, thẳng thắn, trực tiếp; hướng thẳng

新建成通车的高速铁路全线桥隧比超过百分之八十，穿山跨江、笔直向前，极大缩短了城市群时空距离。

Xīn jiàn chéng tōng chē de gāo sù tiě lù quán xiàn qiáo suì bǐ chāo guò bǎi fēn zhī bā shí, chuān shān kuà jiāng, bǐ zhí xiàng qián, jí dà suǒ duǎn le chéng shì qún shí kōng jù lí.

Tuyến đường sắt cao tốc mới thông xe có tỷ lệ cầu hầm trên toàn tuyến vượt quá 80%, xuyên núi vượt sông, thẳng tắp tiến về phía trước, rút ngắn to lớn khoảng cách không gian thời gian giữa các cụm đô thị.

10 nét

HÁN VIỆT : TRỰC

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#887

直播

zhí bō

phát sóng trực tiếp, livestream trực tiếp

央视通过超高清8K超强信号对中国空间站航天员开展的“天宫课堂”太空授课进行了全球多路高清全景直播。

Yāng shì tōng guò chāo gāo qīng 8K chāo qiáng xìn hào duì zhōng guó kōng jiān zhàn háng tiān yuán kāi zhǎn de "tiān gōng kè táng" tài kōng shòu kè jìn xíng le quán qiú duō lù gāo qīng quán jǐng zhí bō.

Đài Truyền hình Trung ương thông qua tín hiệu siêu mạnh 8K siêu nét đã tiến hành phát sóng trực tiếp livestream toàn cảnh độ phân giải cao đa kênh trên toàn cầu buổi giảng bài không gian 'Giờ học Thiên Cung' do các phi hành gia Trạm vũ trụ Trung Quốc thực hiện.

24 nét

HÁN VIỆT : TRỰC BÃ

HSK 3 (3.0)

Giới từ / Động từ

#888

直到

zhí dào

cho đến, mãi cho tới khi

老科学家几十年如一日默默奉献，直到生命的最后一刻依然心系国家重大科技工程的发展。

Lǎo kē xué jiā jǐ shí nián rú yí rì mò mò fèng xiàn, zhí dào shēng mìng de zuì hòu yí kè yī rán xīn xì guó jiā zhòng dà kē jì gōng chéng de fā zhǎn.

Nhà khoa học lão thành mấy chục năm như một âm thầm cống hiến, mãi cho tới khi cho đến khoảnh khắc cuối cùng của cuộc đời trong tim vẫn luôn hướng về sự phát triển của công trình khoa học công nghệ trọng đại quốc gia.

23 nét

HÁN VIỆT : TRỰC ĐÁO

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Tính từ / Động từ

#889

值

zhí

giá trị; đáng giá; trực (ban); trị số

经过多次精密复核，深海极端高压实验中测得的关键物理参数值完全符合理论设计指标。

Jīng guò duō cì jīng mì fù hé, shēn hǎi jí duān gāo yā shí yàn zhōng cè dé de guān jiàn wù lǐ cān shù zhí wán quán fú hé lǐ lùn shè jì zhǐ biāo.

Trải qua nhiều lần kiểm tra đối chiếu chuẩn xác, trị số tham số vật lý then chốt đo đạc được trong thực nghiệm áp lực cực cao biến sâu hoàn toàn phù hợp với chỉ tiêu thiết kế lý thuyết.

10 nét

HÁN VIỆT : TRỊ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#890

值得

zhí de

xứng đáng, đáng giá

这部深刻揭示人性光辉与社会变迁的高分经典纪录片构思精巧、感人至深，非常值得反复细细品味。

Zhè bù shēn kè jiē shì rén xìng guāng huī yǔ shè huì biàn qiān de gāo fēn jīng diǎn jī lù pǎn gòu sī jīng qiǎo, gǎn rén zhì shēn, fēi cháng zhí de fǎn fù xì xīn pǐn wèi.

Bộ phim tài liệu kinh điển điểm cao phản ánh sâu sắc ánh sáng nhân tính cùng sự đổi thay của xã hội này có ý tứ dàn dựng công phu, xúc động lòng người, rất đáng để xem đi xem lại và chiêm nghiệm sâu sắc.

24 nét

HÁN VIỆT : TRỊ ĐẮC


HSK 3 (3.0)

Danh từ

#891

职工

zhígōng

công nhân viên chức, người lao động

企业大力推进民主管理与技能培训, 切实保障广大基层职工的合法权益与职业成长空间。

Qǐ yè dà lì tuī jìn mǐn zhǔ guǎn lǐ yǔ jì néng péi xùn, qiè shí bǎo zhàng guāng dà jī céng zhí gōng de hé fǎ quán yì yǔ zhí yè chéng zhǎng kōng jiān.

Doanh nghiệp đẩy mạnh đào tạo kỹ năng và quản lý dân chủ, bảo đảm thiết thực không gian thăng tiến nghề nghiệp và quyền lợi hợp pháp của đông đảo cán bộ công nhân viên chức cơ sở.

22 nét

HÁN VIỆT: CHỨC CÔNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#892

职业

zhí yè

nghề nghiệp, chuyên nghiệp, sự nghiệp

无论从事何种具体的行业与职业, 恪守职守、精益求精的工匠精神永远是立足职场的崇高准则。

Wú lùn cóng shì hé zhǒng jù tǐ de háng yè yǔ zhí yè, kè jìn zhí shǒu, jīng yì qú jīng de gōng jiàng jīng shén yǒng yuǎn shì lì zú zhí chǎng de chóng gāo zhǔn zé.

Bất luận làm việc trong ngành nghề hay vị trí công việc cụ thể nào, tinh thần người thợ tận tụy với nghề và luôn cầu tiến hoàn hảo mãi mãi là chuẩn mực cao quý để đứng vững nơi công sở.

18 nét

HÁN VIỆT: CHỨC NGHIỆP

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#893

只好

zhǐ hǎo

đành phải, đành

由于下班途中突降特大暴雨且道路积水严重, 他只好暂时在路边的咖啡馆里躲雨避险。

Yóu yú xià bān tú zhōng tū jiàng tè dà bào yǔ jī shuǐ yán zhòng, tā zhǐ hǎo zàn shí zài lù biān de kā fēi guǎn lǐ duǒ yǔ bì xiǎn.

Do trên đường tan sở bất ngờ có mưa to như trút nước và đường sá ngập sâu, anh ấy đành phải ghé tạm vào quán cà phê ven đường để trú mưa lánh nạn.

27 nét

HÁN VIỆT: CHỈ HẢO

HSK 3 (3.0)

Phó từ / Liên từ

#894

只是

zhǐ shì

chỉ là, chẳng qua là; nhưng mà

暂时的实验挫折只是通往成功曲折道路上的一个小插曲, 决不能动摇我们勇攀高峰的坚定决心。

Zàn shí de shí yàn cuò zhé zhǐ shì tōng wǎng chéng gōng qū zhé dào lù shàng de yí gè xiǎo chā qǔ, jué bù néng dòng yáo wǒ men yǒng pān gāo fēng de jiǎn dìng jué xīn.

Trắc trở thực nghiệm tạm thời chẳng qua chỉ là một khúc đệm nhỏ trên con đường quanh co dẫn tới thành công, tuyệt đối không thể lay chuyển quyết tâm kiên định dũng cảm trèo lên đỉnh cao của chúng ta.

22 nét

HÁN VIỆT: CHỈ THÌ

HSK 3 (3.0)

Liên từ

#895

只有

zhǐ yǒu

chỉ có (điều kiện duy nhất)

只有坚定不移走中国特色自主创新道路, 才能把国家科技命脉牢牢掌握在我们自己手中。

Zhǐ yǒu jiān dìng bù yí zǒu zhōng guó tè sè zì zhủ chuàng xīn dào lù, cái néng bǎ guó jiā kē jì mìng mài láo láo zhǎng wò zài wǒ men zì jǐ shǒu zhōng.

Chỉ có kiên định không ngừng bước đi trên con đường đổi mới sáng tạo tự chủ mang đặc sắc Trung Quốc mới có thể nắm chắc huyết mạch khoa học công nghệ của đất nước trong chính tay chúng ta.

23 nét

HÁN VIỆT: CHỈ HỮU

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#896

指

zhǐ

chỉ, chỉ trỏ; ngón tay; chỉ ra

战略科学家在评审意见中明确指出, 该项颠覆性前沿技术路线具有极高的原创战略价值。

Zhàn lüè kē xué jiā zài píng shěn yì jiàn zhōng míng què zhǐ chū, gāi xiàng diǎn fù xíng qián yán jì shù lù xiàn jù yǒu jí gāo de yuán chuàng zhàn lüè jià zhí.

Nhà khoa học chiến lược trong ý kiến thẩm định đã chỉ ra nêu rõ rằng, đường lối lộ trình công nghệ tiên phong mang tính cách mạng này sở hữu giá trị chiến lược nguyên tác cực kỳ cao.

12 nét

HÁN VIỆT: CHỈ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#897

指出

zhǐ chū

chỉ ra, vạch rõ, nêu rõ

战略科学家在评审意见中明确指出, 该前沿研究方案逻辑严密、创新性强, 具有极其重要的科学价值。

Zhàn lüè kē xué jiā zài píng shěn yì jiàn zhōng míng què zhǐ chū, gāi qián yán yán jiū fāng àn luó jí yán mì, chuàng xīn xīng qiáng, jù yǒu jí qí zhòng yào de kē xué jià zhí.

Nhà khoa học chiến lược trong ý kiến thẩm định đã nêu rõ chỉ ra rằng, phương án nghiên cứu tiên phong này có logic chặt chẽ, tính đổi mới sáng tạo mạnh mẽ, sở hữu giá trị khoa học vô cùng quan trọng.

20 nét

HÁN VIỆT: CHỈ XUẤT

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#898

指导

zhǐ dǎo

chỉ đạo, hướng dẫn, chỉ bảo

在老一辈功勋科学家的悉心指导与言传身教下, 一大批青年学术骨干迅速成长为国家科技攻关的栋梁之才。

Zài lǎo yī bèi gōng gōng kē xué jiā de xī xīn zhǐ dǎo yǔ yán chuán shēn jiào xià, yí dà pī qīng nián xué shù gǔ gàn xùn sù chéng zhǎng wéi guó jiā kē jì gōng guān de dòng liáng zhī cái.

Dưới sự chỉ bảo tận tình và tấm gương mẫu mực của các nhà khoa học có công lớn tiền bối, một thế hệ cán bộ nòng cốt học thuật trẻ đã nhanh chóng trưởng thành trở thành những nhân tài rường cột gánh vác các đề tài khoa học công nghệ của đất nước.

20 nét

HÁN VIỆT: CHỈ ĐẠO

HSK 3 (3.0)

Phó từ / Danh từ

#899

至今

zhì jīn

đến nay, cho tới nay

始建于战国时期的都江堰水利工程历经两千两百余年风雨沧桑, 至今依然造福着天府之国的沃野千里。

Shǐ jiàn yú zhàn guó shí qí de dù jiāng yàn shuǐ lì gōng chéng lì jīng liǎng qiān liǎng bǎi yǔ nián fēng yǔ cāng sāng, zhì jīn yǐ rán zào fú zhe tiān fǔ zhī guó de wò yě qiān lǐ.

Công trình thủy lợi Đồ Giang Yển được khởi lập từ thời Chiến Quốc trải qua hơn 2.200 năm mưa gió thăng trầm, đến nay vẫn đang tạo phúc cho hàng ngàn dặm ruộng đồng màu mỡ của vùng đất trù phú Thiên Phủ.

22 nét

HÁN VIỆT: CHỈ KIM



HSK 3 (3.0)

Danh từ

#900

至少

zhì shǎo

ít nhất, tối thiểu

想要熟练掌握一门外语的日常交流与专业阅读，每天至少需要保证投入两小时的专注沉浸式练习。

Xiāng yào shú liàn zhǎng wò yī mén wài yǔ de rì cháng jiāo liú yǔ zhuān yè yuè dú, měi tiān zhì shǎo xū yào bǎo zhèng tóu rù liǎng xiǎo shí de zhuān zhù chén jìn liàn xí.

Muốn thành thạo giao tiếp đời thường và đọc hiểu tài liệu chuyên ngành bằng một ngoại ngữ, mỗi ngày bạn cần đảm bảo dành ra ít nhất 2 tiếng đồng hồ luyện tập tập trung và đắm chìm.

19 nét

HÁN VIỆT CHÍ THIỂU

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Động từ / Tính từ

#901

志愿

zhì yuàn

nguyện vọng, chí nguyện; tình nguyện, tự nguyện

青年一代弘扬“奉献、友爱、互助、进步”的志愿精神，在社区服务与重大赛事中展现青春风采。

Qīng nián yī dài hóng yáng "fèng xiàn, yǒu ài, hù zhù, jìn bù" de zhì yuàn jīng shén, zài shè qū fú wù yǔ zhòng dà sài huì zhōng zhǎn xiàn qīng chūn fēng cǎi.

Thế hệ thanh niên hoảng dương tinh thần tình nguyện tự nguyện 'Cống hiến, Thân ái, Tương trợ, Tiến bộ', phô diễn phong thái thanh xuân trong các giải đấu hội nghị trọng đại và phục vụ cộng đồng.

19 nét

HÁN VIỆT CHÍ NGUYỆN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#902

志愿者

zhì yuàn zhě

tình nguyện viên

在国际重大体育赛事与大型博览会上，身穿统一制服的青年志愿者们用热情专业的微笑服务温暖了八方来宾。

Zài guó jì zhòng dà tǐ yù sài shì yǔ dà xíng bó lǎn huì shàng, shēn chuān tóng yī zhì fú de qīng nián zhì yuàn zhě men yòng rè qíng zhuān yè de wēi xiào fú wù wǎn le bā fāng lái bīn.

Tại các sự kiện thể thao quốc tế lớn và hội chợ triển lãm quy mô lớn, các bạn tình nguyện viên trẻ khoác trên mình bộ đồng phục chính tề bằng nụ cười phục vụ nhiệt tình chuyên nghiệp đã sưởi ấm lòng quan khách bốn phương.

33 nét

HÁN VIỆT CHÍ NGUYỆN GIẢ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#903

制定

zhì dìng

lập ra, ban hành, hoạch định (kế hoạch, luật)

国家发展改革委联合多部门科学制定了中长期绿色能源发展战略规划纲要，明确了实现碳中和的清晰时间表。

Guó jiā fā zhǎn gǎi gé wēi lián hé duō bù mén kē xué zhì dìng le zhōng cháng qī lǜ sè néng yuán fā zhǎn zhàn lüè guī huà gāng yào, míng què le shí xiàn tàn zhōng hé de qīng xī shí jiān biāo.

Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia phối hợp cùng nhiều bộ ngành đã hoạch định khoa học để cương Quy hoạch chiến lược phát triển năng lượng xanh trung và dài hạn, xác định rõ lộ trình thời gian biểu minh bạch để đạt mục tiêu trung hòa carbon.

20 nét

HÁN VIỆT CHẾ ĐỊNH

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#904

制度

zhì dù

chế độ, thể chế, quy chế

中国特色社会主义制度具有强大的生命力和巨大的优越性，是战胜一切艰难险阻的根本制度保障。

Zhōng guó tè sè shè huì zhǔ yì zhì dù jù yǒu qiáng dà de shēng mìng lì hé jù dà de yōu yuè xìng, shì zhàn shèng yī qiè jiān nán xiǎn zǔ de gēn běn zhì dù bǎo zhàng.

Chế độ xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Quốc sở hữu sức sống mãnh liệt và tính ưu việt to lớn, là sự bảo đảm thể chế căn bản để chiến thắng mọi ghềnh thác gian nan thử thách.

23 nét

HÁN VIỆT CHẾ ĐỘ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#905

制造

zhì zào

chế tạo, sản xuất, tạo ra

从“中国制造”跨越迈向“中国创造”，自主高端智能制造装备正在成为支撑实体经济高质量发展的脊梁。

Cóng "zhōng guó zhì zào" kuà yuè mài xiàng "zhōng guó chuàng zào", zì zhǔ gāo duān zhì néng zhì zào zhuāng bèi zhèng chéng wéi zhī chēng shí tǐ jīng jì gāo zhì liàng fā zhǎn de jǐ liáng.

Từ bước nhảy vọt 'Made in China' vươn tới 'Sáng tạo tại Trung Quốc', trang thiết bị chế tạo thông minh cao cấp tự chủ đang trở thành rường cột vững chắc nâng đỡ nền kinh tế thực thể phát triển chất lượng cao.

26 nét

HÁN VIỆT CHẾ TẠO

HSK 3 (3.0)

Động từ

#906

制作

zhì zuò

làm

老师鼓励大家积极制作，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí zhì zuò, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực làm, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

22 nét

HÁN VIỆT CHẾ TÁC

HSK 3 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#907

中部

zhōng bù

miền Trung, miền trung bộ, khu vực trung tâm

国家深入实施促进中部地区崛起战略，加快建设现代化基础设施与先进制造业产业集群。

Guó jiā shēn rù shí shī cù jìn zhōng bù dì qū qǐ jué qī zhàn lüè, jiǎ kuài jiàn shè xiān dài huà jī chǔ shè shī yǔ xiān jìn zhì zào yè chán yè jí qún.

Nhà nước đi sâu thực thi chiến lược thúc đẩy sự trỗi dậy của khu vực miền Trung miền trung bộ, đẩy nhanh xây dựng các cụm ngành chế tạo tiên tiến và cơ sở hạ tầng hiện đại hóa.

19 nét

HÁN VIỆT TRUNG BỘ

HSK 3 (3.0)

Danh từ riêng

#908

中华民族

Zhōnghuá Mínzú

Dân tộc Trung Hoa

实现中华民族伟大复兴是近代以来中国人民最伟大的梦想，凝聚着几代人的夙愿与奋斗。

Shí xiàn zhōng huá mín zú wèi dà de fù xīng shì jìn dài yǐ lái zhōng guó rén mín zuì wēi dà de mèng xiǎng, níng jù zhe jǐ dài rén de sù yuàn yǔ fèn dòu.

Thực hiện sự phục hưng vĩ đại của Dân tộc Trung Hoa là ước mơ vĩ đại nhất của nhân dân Trung Quốc từ cận đại đến nay, quy tụ ước nguyện và sự phấn đấu của biết bao thế hệ con người.

35 nét

HÁN VIỆT TRUNG HOA DÂN TỘC


HSK 3 (3.0)

Danh từ

#909

终于

zhōng yú

Cuối cùng

历经数年坚持不懈的潜心钻研与无数次试验，科研团队终于成功攻克了这项国际技术难关。

Lìjīng shù nián jiǎnchí bùxié de qiánxīn zuānyán yǔ wúshù cì shíyàn, kēyán tuánduì zhōngyú chénggōng gōngkè le zhè xiàng guójì jìshù nánguān.

Trải qua nhiều năm miệt mài nghiên cứu cùng vô số lần thử nghiệm, đội ngũ khoa học cuối cùng đã thành công chinh phục rào cản kỹ thuật tầm cỡ quốc tế này.

26 nét

HÁN VIỆT : CHUNG VU

HSK 3 (3.0)

Danh từ / Lượng từ

#910

钟

zhōng

chuông, đồng hồ; tiếng chuông

新年零点钟声敲响的那一刻，漫天璀璨绚丽的礼花在夜空中绽放，全场响起欢腾的喝彩声。

Xīn nián líng diǎn zhōng shēng qiāo xiǎng de nà yī kè, mǎn tiān cuǐ càn xuàn lì de lǐ huā zài yè kōng zhōng zhàn fàng, quán chǎng xiǎng qǐ huān téng de hè cǎi shēng.

Khoảnh khắc tiếng chuông đồng hồ điểm 0 giờ năm mới ngân vang, pháo hoa rực rỡ muôn màu bung nở trên bầu trời đêm, toàn thể khán trường rộn vang tiếng reo hò chúc mừng nồng nhiệt.

10 nét

HÁN VIỆT : CHUNG

HSK 3 (3.0)

Lượng từ

#911

种

zhǒng

loài

国家植物园的现代化温室大棚内集中展示并科学培育着上万种来自各大洲的珍稀名贵植物品种。

Guójiā Zhíwùyuán de xiàndàihuà wēnshì dàpéng nèi jízhōng zhānshì bìng kēxué péiyù zhe shàng wàn zhǒng láizì gè dàzhōu de zhēnxī míngguì zhíwù pínzhǒng.

Bên trong khu nhà kính hiện đại của Vườn Thực vật Quốc gia trưng bày và ương trồng khoa học hàng vạn chủng loại thực vật quý hiếm đến từ khắp các châu lục.

11 nét

HÁN VIỆT : CHỦNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#912

种子

zhǒng zǐ

hạt giống, cây giống (nông nghiệp); hạt nhân nòng cốt

种业是现代农业科技的“芯片”，国家全力推进种业振兴行动，牢牢把中国种子的战略命脉握在自己手中。

Zhòng yè shì xiàndài nóng yè kējì de "xīn piàn", guójiā quán lì tuījìn zhòng yè zhènxīng xíngdòng, láo láo bǎ zhòng guó zhòng zǐ de zhàn lüè mìng mài wò zài zì jǐ shǒu zhōng.

Ngành giống chính là 'con chip' của khoa học công nghệ nông nghiệp hiện đại. Nhà nước dốc toàn lực thúc đẩy Chiến dịch Chấn hưng Ngành Giống, nắm chắc trong tay mình huyết mạch chiến lược của hạt giống cây trồng của nước nhà.

22 nét

HÁN VIỆT : CHỦNG TỬ

HSK 3 (3.0)

Tính từ

#913

重大

zhòng dà

trọng đại, to lớn quan trọng

我国在前沿量子通信与深空探测领域取得的一系列重大原创突破，引起了国际学术界的广泛赞誉。

Wǒ guó zài qián yán liàng zǐ tōng xìn yǔ shēn kōng tàn cè lǐng yù qǔ dé de yī xī liè zhòng dà yuán chuàng tú pò, yīn qǐ le guó jì xué shù jiè de guǎng fàn zàn yù.

Một loạt các bước đột phá nguyên tác trọng đại to lớn mà nước ta đạt được trong lĩnh vực thám trắc không gian sâu và thông tin lượng tử tiên phong đã tạo nên sự ngợi khen rộng rãi của giới học thuật quốc tế.

20 nét

HÁN VIỆT : TRÙNG ĐẠI

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#914

周围

zhōu wéi

xung quanh, phụ cận

这座依山傍水的中式古典园林周围绿树环抱、碧水潺潺，环境优雅静谧、宛如世外桃源。

Zhè zuò yī shān bàng shuǐ de zhōng shì gǔ diǎn yuán lín zhōu wéi lǜ shù huán bào, bì shuǐ chán chán, huán jìng yōu yǎ jìng mì, wǎn rú shì wài táo yuán.

Xung quanh khu vườn cổ điển Trung Hoa tựa núi nhìn sông này rợp bóng cây xanh, dòng nước trong veo róc rách chảy, không gian thanh tao tĩnh lặng tựa chốn đảo nguyên tiên cảnh.

22 nét

HÁN VIỆT : CHU VỊ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#915

猪

zhū

con lợn, con heo

现代生态智慧养殖场采用恒温自动化环控系统，为小生猪提供了洁净卫生、健康适宜的生长环境。

Xiàndài shēng tài zhì huì yǎng chǎng chǎng cǎi yòng héng wēn zì dòng huà huán kòng xì tǒng, wèi xiǎo shēng zhū tí gōng jìng wèi shēng, jiàn kāng shí yí de shēng zhǎng huán jīng.

Trang trại chăn nuôi thông minh sinh thái hiện đại áp dụng hệ thống kiểm soát môi trường nhiệt độ tự động, mang đến môi trường sinh trưởng sạch sẽ, vệ sinh và thích hợp cho đàn lợn con.

13 nét

HÁN VIỆT : TRƯ

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#916

主持

zhǔ chí

chủ trì, dẫn chương trình; người dẫn chương trình

中国科学院院士应邀主持了本届全球量子信息科技前沿高峰论坛的主旨报告与闭幕式。

Zhōng guó kē xué yuán yuán shì yīng yào zhǔ chí le běn jiè quán qiú liàng zǐ xìn xī kējì qián yán gāo fēng lùn tán de zhǔ zhǐ bào gào yǔ bì mù shì.

Viện sĩ Viện Hàn lâm Khoa học Trung Quốc đã nhận lời mời chủ trì phiên báo cáo dẫn đề và lễ bế mạc của Diễn đàn Thượng đỉnh Mũi nhọn Khoa học Công nghệ Thông tin Lượng tử Toàn cầu lần này.

21 nét

HÁN VIỆT : CHỦ TRÌ

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#917

主动

zhǔ dòng

chủ động, tự giác tích cực

新时代青年科技骨干要主动肩负起历史重任，在科技强国建设的伟大实践中勇挑重担、奋勇争先。

Xīn shí dài qīng nián kējì gǔ gàn yào zhǔ dòng jiān fù qǐ lì shǐ zhòng rèn, zài kējì qiáng guó jiàn shè de wēi dà shí jiàn zhōng yǒng tiǎo zhòng dān, fèn yǒng zhēng xiān.

Cán bộ nòng cốt khoa học công nghệ thanh niên thời đại mới cần chủ động tự giác gánh vác trọng trách lịch sử, dũng cảm đảm đương trọng trách lớn, dũng mãnh đi đầu trong thực tiễn vĩ đại xây dựng cường quốc khoa học công nghệ.

22 nét

HÁN VIỆT : CHỦ ĐỘNG


HSK 3 (3.0)

Danh từ

#918

主任

zhǔrèn

chủ nhiệm, trưởng ban / trưởng phòng

国家重点实验室主任带领跨学科青年科研团队昼夜攻坚，按期高质量完成了国家重大课题研究。

Guó jiā zhòng diǎn shí yàn shì zhǔ rèn dài lǐng kuà xué kē qīng nián kē yán tuán duì zhòu yè gōng jiān, àn qī gāo zhì liàng wán chéng le guó jiā zhòng dà kē tí yán fā.

Chủ nhiệm Phòng Thí nghiệm Trọng điểm Quốc gia đã dẫn dắt nhóm nghiên cứu khoa học thanh niên liên ngành ngày đêm vượt khó, hoàn thành việc nghiên cứu phát triển đột tài trọng đại quốc gia đúng hạn với chất lượng cao.

19 nét

HÁN VIỆT : CHỦ NHÂM

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#919

主意

zhǔ yì

chủ ý, ý kiến, ý tưởng, sáng kiến

在大家为复杂的系统架构升级方案一筹莫展时，资深架构师李工提出了一个令人眼前一亮的¹好主意。

Zài dà jiā wéi fù zá de xì tǒng jià gòu shēng jí fāng àn yì chóu mò zhān shí, zī shēn jià gòu shī lǐ gōng tí chū le yí gè líng rén yǎn qián yí liàng de hào zhǔ yì.

Trong lúc mọi người đang lúng túng chưa tìm ra hướng nâng cấp kiến trúc hệ thống phức tạp, kỹ sư trưởng giàu kinh nghiệm – anh Lý đã đưa ra một sáng kiến hay khiến ai nấy đều trầm trồ tâm đắc.

20 nét

HÁN VIỆT : CHỦ Ý

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#920

主张

zhǔ zhāng

chủ trương, tán thành; quan điểm lập trường

中国始终坚定主张通过平等对话与和平谈判协商解决国际争端，坚决反对任何形式的武力威胁。

Zhōng guó shǐ zhōng jiǎn dìng zhǔ zhāng tōng guò píng děng duì huà yǔ hé píng tán pàn xié shāng jiě jué guó jì zhēng duān, jiǎn jué fǎn duì rěn hé xíng shì de wú lì wēi xié.

Trung Quốc luôn kiên định chủ trương giải quyết các tranh chấp quốc tế thông qua đối thoại bình đẳng và đàm phán thương lượng hòa bình, kiên quyết phản đối bất kỳ hình thức đe dọa vũ lực nào.

22 nét

HÁN VIỆT : CHỦ TRƯỞNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#921

注意

zhùyì

Lưu ý

在实验室进行化学配比操作时，所有实验人员必须时刻严格注意规程与人身防护安全。

Zài shí yàn shì jìn xíng huà xué pèi bǐ cāo zuò shí, suǒ yǒu shí yàn rényuán bì xū shí kè yán gé zhùyì guī chéng yǔ rén shēn fáng hù ān quán.

Khi tiến hành pha chế hóa chất trong phòng thí nghiệm, toàn bộ nhân viên thực nghiệm phải luôn luôn nghiêm túc chú ý đến quy trình và an toàn bảo hộ cá nhân.

26 nét

HÁN VIỆT : CHÚ Ý

HSK 3 (3.0)

Động từ

#922

祝

zhù

chúc, chúc phúc chúc mừng

在新春佳节到来之际，我们衷心祝愿伟大的祖国繁荣昌盛、国泰民安，祝愿全国各族人民幸福安康！

Zài xīn chūn jiā jié dào lái zhī jī, wǒ men zhōng xīn zhù yuàn wěi dà de zǔ guó fán róng chāng shèng, guó tài mǐn ān, zhù yuàn quán guó gè zú rén mǐn xìng fú ān kāng!

Nhân dịp Tết Nguyên Đán xuân mới về, chúng tôi xin chân thành kính chúc chúc phúc Tổ quốc vĩ đại phồn vinh thịnh vượng, quốc thái dân an, chúc toàn thể nhân dân các dân tộc trên cả nước an khang hạnh phúc!

11 nét

HÁN VIỆT : CHÚC

HSK 3 (3.0)

Động từ

#923

抓

zhuā

bắt, tóm lấy, chụp; nắm bắt, tập trung chỉ đạo

我们要紧紧抓住新一轮科技革命和产业变革的历史机遇，加快培育和壮大新质生产力。

Wǒ men yào jǐn jìn zhuā zhù xīn yī lún kē jì gé mìng hé chǎn yè biàn gé de lì shǐ jī yù, jiā kuài péi yù hé zhuàng dà xīn zhì shēng chǎn lì.

Chúng ta phải nắm bắt chớp lấy thật chắc thời cơ lịch sử của cuộc cách mạng công nghiệp và cách mạng khoa học công nghệ đột mới, đẩy nhanh nuôi dưỡng và lớn mạnh lực lượng sản xuất chất lượng mới.

8 nét

HÁN VIỆT : TRẢO

HSK 3 (3.0)

Động từ

#924

抓住

zhuā zhù

nắm bắt được, chớp lấy (cơ hội), giữ chặt

青年科研骨干要勇立潮头，牢牢抓住新一代人工智能技术突破的战略风口，敢于开辟全新技术赛道。

Qīng nián kē yán gǔ gàn yào yǒng lì cháo tóu, láo láo zhuā zhù xīn yī dài rén gōng zhī néng jì shù tuō pò de zhàn lüè fēng kǒu, gǎn yú kāi pì quán xīn kē jì sài dào.

Cán bộ nghiên cứu khoa học nòng cốt trẻ tuổi cần dũng cảm đứng trên đầu ngọn sóng, nắm bắt được chớp lấy thật chắc ngọn gió chiến lược của sự đột phá công nghệ trí tuệ nhân tạo thế hệ mới, dám mở ra đường đua khoa học công nghệ hoàn toàn mới.

19 nét

HÁN VIỆT : TRẢO TRÚ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#925

专家

zhuān jiā

chuyên gia, nhà chuyên môn

来自国际高能物理领域的数十位顶级权威专家齐聚一堂，对新一代超大型环形粒子对撞机方案进行了全面严格评审。

Lái zì guó jì gāo néng wù lǐ lǐng yù de shù shí wèi dīng jí quán wēi zhuān jiā qí jù yì táng, duì xīn yī dài chāo dà xíng huán xíng lì zì duì zhuàng jī fāng àn jìn xíng le quán miàn yán gé píng shěn.

Hàng chục chuyên gia uy tín hàng đầu trong lĩnh vực vật lý năng lượng cao quốc tế đã hội tụ tại đây, tiến hành thẩm định nghiêm ngặt toàn diện đối với đề án máy va chạm hạt hình xuyên siêu lớn thế hệ mới.

18 nét

HÁN VIỆT : CHUYÊN GIA

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#926

专门

zhuān mén

chuyên môn, đặc biệt, chuyên biệt

为了全方位保障本届国际博览会的顺畅运行，主办方专门成立了应急处置与多语种涉外服务工作专班。

Wèi le quán fāng wèi bǎo zhàng běn jiè guó jì bó lǎn huì de shùn chàng yùn xíng, zhǔ bàn fāng zhuān mén chéng lì le yǐng jí zhǔ zhì yǔ duō yǔ zhǒng shē wài fú wù gōng zuò zhuān bān.

Nhằm đảm bảo toàn diện cho Hội chợ Triển lãm Quốc tế diễn ra trơn tru thuận lợi, ban tổ chức đã đặc biệt thành lập tổ công tác chuyên trách xử lý khẩn cấp và dịch vụ đa ngôn ngữ đối ngoại.

20 nét

HÁN VIỆT : CHUYÊN MÔN



HSK 3 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#927

专题

zhuān tí

chuyên đề, đề tài chuyên sâu đặc thù

全国人大常委会围绕生态环境保护法治化建设开展专题询问与专题执法检查，切实以法治之力守护绿水青山。

Quán guó rén dà cháng wéi wéi huí wéi rào shēng tài huán jīng bǎo hù fǎ zhì huà jiàn shè kāi zhǎn zhuān tí xún wèn yǔ zhuān tí fǎ jiǎn chá, qiè shí yǐ fǎ zhì lì shǒu hù lǜ shuǐ qīng shān.

Ủy ban Thường vụ Đại hội Đại biểu Nhân dân Toàn quốc (Quốc hội) đã triển khai đợt kiểm tra thực thi pháp luật chuyên đề và chất vấn chuyên đề xoay quanh việc xây dựng pháp trị hóa bảo vệ môi trường sinh thái, dùng sức mạnh của pháp trị để bảo vệ non xanh nước biếc một cách thiết thực.

📖 22 nét

HÁN VIỆT

CHUYÊN ĐỀ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#928

专业

zhuān yè

chuyên ngành, chuyên môn, chuyên nghiệp

无论是从事前沿科学研究还是工程技术开发，扎实深厚的跨学科专业功底都是取得卓越突破的基石。

Wú lùn shì cóng shì qián yán kē xué yán jiū hái shì gōng chéng jì shù kāi fā, zhā shí shēn hòu de kuà xué kē zhuān yè gōng dì dōu shì qǔ dé zhuó yuè tū pò de jī shí.

Bất luận làm nghiên cứu khoa học mũi nhọn hay phát triển kỹ thuật công trình, nền tảng chuyên môn liên ngành sâu dày và vững chắc luôn là viên đá tảng để gặt hái những bước đột phá phi thường.

📖 20 nét

HÁN VIỆT

CHUYÊN NGHIỆP

HSK 3 (3.0)

Động từ

#929

转

zhuǎn

chuyển, chuyển hướng; quay, xoay tròn

根据气象卫星云图最新分析，明天全省天气将由阴雨连绵转为晴空万里，气温稳步回升。

Gēn jù qì xiàng wèi xīng yún tú zuì xīn fēn xī, míng tiān quán shěng tiān qì jiāng yóu yīn yǔ lián mián zhuǎn wéi qīng kōng wàn lǐ, qì wēn wěn bù huí shēng.

Theo phân tích mới nhất của ảnh mây vệ tinh khí tượng, thời tiết toàn tỉnh ngày mai sẽ chuyển chuyển hướng từ mưa dầm dề sang trời quang mây tạnh muôn dặm, nhiệt độ ấm dần lên vững chắc.

📖 9 nét

HÁN VIỆT

CHUYỂN

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#930

转变

zhuǎn biàn

chuyển biến, chuyển dịch, biến đổi

加快转变经济发展方式，推动产业结构由传统资源要素驱动向创新驱动转型升级，是高质量发展的必由之路。

Jiā kuài zhuǎn biàn jīng jì fā zhǎn fāng shì, tuī dòng chǎn yè jié gòu yóu chuán tǒng zī yuán yào sù qū dòng xiàng chuàng xīn qū dòng zhuǎn xíng shēng jī, shì gāo zhì liàng fā zhǎn de bì yóu zhī lù.

Đẩy nhanh chuyển biến phương thức phát triển kinh tế, thúc đẩy cơ cấu ngành nghề từ truyền thống dựa vào yếu tố tài nguyên chuyển dịch sang đổi mới sáng tạo dẫn dắt là con đường tất yếu của phát triển chất lượng cao.

📖 19 nét

HÁN VIỆT

CHUYỂN BIẾN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#931

状况

zhuàng kuàng

tình trạng, trạng thái, hiện trạng

国家林草局定期对大熊猫等珍稀濒危野生动植物的野外种群数量与栖息地生态状况进行全域动态监测。

Guó jiā lín cǎo jú dìng qī duì dà xióng māo děng zhēn xī bīn wēi yě shēng dòng zhī wù de yě wài zhōng qún shù liàng yǔ qī xī dì shēng tài zhuàng kuàng jìn xíng quán yù dòng tài jiān cè.

Cục Quản lý Rừng và Động cỏ Quốc gia định kỳ tiến hành giám sát động thái toàn diện về số lượng quần thể hoang dã và hiện trạng sinh thái môi trường sống của các loài động thực vật hoang dã quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng như gấu trúc lớn.

📖 18 nét

HÁN VIỆT

TRẠNG HUỐNG

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#932

状态

zhuàng tài

trạng thái, phong độ

运动员在奥运会决赛赛场上始终保持着昂扬饱满的竞技状态与沉着冷静的心理素质，勇夺桂冠。

Yùn dòng yuán zài ào yùn huì jué sài sài chǎng shàng shǐ zhōng bǎo chí zhe áng yáng bǎo mǎn de jìng jì zhuàng tài yǔ chén zhù lěng jìng de xīn lǐ sù zhì, yǒng duó guī guān.

Vận động viên trên sân thi đấu trận chung kết Thế vận hội luôn duy trì trạng thái thi đấu tràn đầy khí thế ngút ngàn cùng bản lĩnh tâm lý điểm tĩnh vững vàng, dũng cảm đoạt vòng nguyệt quế vinh quang.

📖 17 nét

HÁN VIỆT

TRẠNG THÁI

HSK 3 (3.0)

Động từ

#933

追

zhuī

đuổi theo, theo đuổi (ước mơ, lý tưởng)

新时代青年学子要志存高远、脚踏实地，在追逐科学梦想与报效祖国的伟大征程中绽放绚丽青春。

Xīn shí dài qīng nián xué zǐ yào zhì cún gāo yuǎn, jiǎo tà shí dì, zài zhuī zhuī kè xué mèng xiǎng yǔ bào xiào zǔ guó de wēi dà zhēng chéng zhōng zhàn fàng xuàn lì qīng chūn.

Các bạn học sinh sinh viên thanh niên thời đại mới cần có chí hướng cao đẹp, chân thật vững vàng, tỏa sáng rực rỡ sắc xuân trên hành trình vĩ đại theo đuổi đuổi theo ước mơ khoa học và cống hiến cho Tổ quốc.

📖 14 nét

HÁN VIỆT

ĐOÀI

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Động từ / Danh từ

#934

准

zhǔn

chuẩn, chuẩn xác; cho phép; chuẩn mực

大国工匠凭借一双巧手将超高精度机械零部件的加工误差控制在极其精准的微米级别以内。

Dà guó gōng jiàng píng jiē yì shuāng qiǎo shǒu jiāng chāo gāo jīng dù jī xiè líng bù jiàn de jiǎ gōng wù chā kòng zhì zài jí jīng zhǔn de wēi mǐ jī bié yǐ nèi.

Nghệ nhân bậc thầy nước lớn nhờ vào đôi bàn tay tài hoa khéo léo đã kiểm soát sai số gia công của linh kiện cơ khí siêu độ chính xác cao trong cấp độ micromet cực kỳ chuẩn chuẩn xác.

📖 12 nét

HÁN VIỆT

CHUẨN

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#935

资格

zī gé

tư cách, điều kiện, bằng cấp chuyên môn

经过严格的理论考核与多轮国际同行实操盲审，该团队正式获得了国家重点大科学工程的首席承建资格。

Jīng guò yán gé de lǐ lùn kǎo hé yǔ duō lún guó jì tóng xíng shí cāo máng shěn, gāi tuán duì zhèng shì huò dé le guó jiā zhòng diǎn dà kē xué gōng chéng de shǒu xī chéng jiàn zī gé.

Trải qua các kỳ sát hạch lý luận nghiêm ngặt và nhiều vòng thẩm định thực hành mù của đồng nghiệp quốc tế, nhóm nghiên cứu đã chính thức đạt được tư cách tổng thầu xây dựng công trình khoa học lớn trọng điểm quốc gia.

📖 18 nét

HÁN VIỆT

TƯ CÁCH


HSK 3 (3.0)

Danh từ

#936

资金

zī jīn

nguồn vốn, tiền vốn, kinh phí

国家设立科技创新战略引导基金，持续加大对前沿原创性基础研究与关键核心技术攻关的长期资金支持。

Guó jiā shè lì kē jì chuàng xīn zhàn lǚ yīn dǎo jī jīn, chí xù jiā dà qián yán yuán chuàng xīng jī zhǔ yán jiū yǔ guān jiàn hé xīn jī shù gōng gōng guān de cháng qī zī jīn zhī chí.

Nhà nước thành lập Quỹ Định hướng Chiến lược Đổi mới Sáng tạo Khoa học Công nghệ, liên tục tăng cường hỗ trợ nguồn vốn kinh phí dài hạn đối với nghiên cứu cơ bản mang tính nguyên tác tiên phong và chinh phục các công nghệ then chốt cốt lõi.

23 nét

HÁN VIỆT : TỰ KIM

HSK 3 (3.0)

Giới từ

#937

自从

zì cóng

kể từ, từ khi

自从国家重大科学基础设施投入常态化运行以来，已连续产出多项引领全球物理学界的前沿突破。

Zì cóng guó jiā zhòng dà kē xué jī chǔ shè shī tóu rù cháng tài huà yùn xíng yǐ lái, yǐ lián xù chǎn chū duō xiàng yǐn lǐng quán qiú wù lǐ xué jiè de qián yán tū pò.

Kể từ từ khi cơ sở hạ tầng khoa học trọng đại quốc gia được đưa vào vận hành thường xuyên đến nay, đã liên tục sản sinh ra nhiều bước đột phá tiên phong dẫn đầu giới vật lý toàn cầu.

17 nét

HÁN VIỆT : TỰ TÔNG

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Động từ / Phó từ

#938

自动

zì dòng

tự động, tự giác, chủ động

新一代全自动无人驾驶重型货运列车依托北斗高精度智能控制系统，实现了全程无人干预的自主平稳运行。

Xīn yí dài quán zì dòng wú rén jià shì zhòng xíng huò yùn liè chē yī tuō bēi dòu gāo jīng dù zhì néng kòng zhì xì tǒng, shí xiàn le quán chéng wú rén gān yǔ de zì zhǔ píng wěn yùn xíng.

Thế hệ đoàn tàu chở hàng hạng nặng tự hành không người lái hoàn toàn tự động mới dựa vào hệ thống điều khiển thông minh độ chính xác cao Bắc Đẩu đã thực hiện vận hành tự chủ êm ái trên toàn tuyến mà không cần con người can thiệp.

23 nét

HÁN VIỆT : TỰ ĐỘNG

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Động từ / Phó từ

#939

自觉

zì jué

tự giác, có ý thức, tự biết

广大市民应当自觉践行绿色低碳环保生活理念，从垃圾分类投放与节水节电等点滴小事做起。

Guǎng dà shì mǐn yīng dāng zì jué jiàn xíng lǜ sè dī tàn huán bǎo shēng huó lí niǎn, cóng lā jī fēn lèi tóu fàng yǔ jié shuǐ jié diàn děng diǎn dī xiǎo shì zuò qǐ.

Đồng đảo người dân cần tự giác thực hành triết lý lối sống xanh giảm phát thải bảo vệ môi trường, bắt đầu từ những việc nhỏ bé thường nhật như phân loại rác thải và tiết kiệm điện nước.

17 nét

HÁN VIỆT : TỰ GIÁO

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#940

自然

zì rán

tự nhiên, giới tự nhiên, đương nhiên

人与自然是休戚与共的生命共同体，尊重自然、顺应自然与保护自然是实现人类可持续发展的根本之道。

Rén yǔ zì rán shì xiū qī yǔ gòng de shēng mìng gòng tóng tǐ, zūn zhòng zì rán, shùn yīng zì rán yǔ bǎo hù zì rán shì shí xiàn rén lèi chí xù fā zhǎn de gēn běn zhī dào.

Con người và giới tự nhiên là cộng đồng sinh mệnh gắn bó keo sơn, biết tôn trọng tự nhiên, thuận theo tự nhiên và bảo vệ tự nhiên là con đường căn bản để hiện thực hóa sự phát triển bền vững của nhân loại.

19 nét

HÁN VIỆT : TỰ NHIÊN

HSK 3 (3.0)

Đại từ

#941

自身

zì shēn

bản thân, tự thân, chính mình

企业要在激烈的国际市场竞争中立足于不败之地，必须不断提升自身自主创新能力与核心技术实力。

Qǐ yè yào zài jī liè de guó jì shì chǎng jìng zhēng zhōng lì yú bù bài zhī dì, bì xū bù duàn tí shēng zì shēn zì zhǔ chuàng xīn néng lì yǔ hé xīn jī shù shí lì.

Doanh nghiệp muốn đứng vững ở thế bất bại trong cuộc cạnh tranh thị trường quốc tế khốc liệt, bắt buộc phải không ngừng nâng cao thực lực công nghệ cốt lõi và năng lực đổi mới sáng tạo tự chủ của tự thân bản thân mình.

21 nét

HÁN VIỆT : TỰ THÂN

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Động từ

#942

自主

zì zhǔ

tự chủ, độc lập tự chủ đưa ra quyết định

我国坚持走中国特色自主创新道路，加快实现高水平科技自立自强，牢牢掌握创新发展主动权。

Wǒ guó jiān chí zóu zhōng guó tè sè zì zhǔ chuàng xīn dào lù, jiā kuài shí xiàn gāo水平科技自立自强, láo láo bǎ wò chuàng xīn fā zhǎn zhǔ dòng quán.

Nước ta kiên trì bước đi trên con đường đổi mới sáng tạo tự chủ mang đặc sắc Trung Quốc, đẩy nhanh thực hiện tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao, nắm chắc quyền chủ động phát triển đổi mới sáng tạo.

17 nét

HÁN VIỆT : TỰ CHỦ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#943

子女

zǐ nǚ

con cái, con trai con gái

国家全面落实进城务工人员随迁子女在流入地平等接受优质义务教育的保障政策。

Guó jiā quán miàn luò shí jìn chéng wù gōng rén suí qiān zǐ nǚ zài liú rù dì píng děng jiē shòu yōu zhì yì wù jiāo yù de bǎo zhàng zhèng cè.

Nhà nước triển khai toàn diện chính sách bảo đảm cho con cái con cái của người lao động nông thôn vào thành phố làm việc được tiếp nhận bình đẳng nền giáo dục bắt buộc chất lượng cao tại nơi chuyển đến.

21 nét

HÁN VIỆT : TỬ NỮ

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Phó từ / Danh từ

#944

总

zǒng

tổng, toàn bộ; luôn luôn; tổng công trình sư / giám đốc

无论前进道路上遇到多少狂风暴雨，广大科研人员心中总有一股不畏艰难、勇攀高峰的必胜信念。

Wú lùn qián jìn dào lù shàng yù dào duō shǎo kuáng fēng bão yǔ, guāng dà kē yán rén yuán xīn zhōng zǒng yǒu yí gǔ bù wèi jiān nán, yǒng pān gāo fēng de bì shèng xīn niǎn.

Bất kể trên con đường tiến lên phía trước có gặp phải bao nhiêu bão táp mưa sa, trong tim đồng đảo cán bộ nghiên cứu khoa học luôn luôn có một niềm tin tất thắng không sợ gian nan hiểm trở, dũng cảm trèo lên đỉnh cao.

10 nét

HÁN VIỆT : TỔNG


HSK 3 (3.0)

Danh từ

#945

总结

zǒngjié

tổng kết, đúc kết, tóm tắt

每次阶段性工程攻坚告一段落后，团队都会及时召开复盘总结大会，提炼成功经验并查找不足。

Mỗi kì giải đấu công thành thủ thắng sau mỗi giai đoạn công trình then chốt kết thúc, nhóm đều kịp thời tổ chức hội nghị tổng kết đánh giá để đúc kết những kinh nghiệm thành công và tìm ra những điểm còn hạn chế.

Sau mỗi khi một giai đoạn công trình then chốt kết thúc, nhóm đều kịp thời tổ chức hội nghị tổng kết đánh giá để đúc kết những kinh nghiệm thành công và tìm ra những điểm còn hạn chế.

19 nét

HÁN VIỆT : TỔNG KẾT

HSK 3 (3.0)

Phó từ

#946

总是

zǒngshì

luôn luôn

无论身处怎样艰辛逆境，她那清秀温暖的面庞上总是洋溢着令人心安的从容微笑与坚定力量。

Wúlùn shēn chǔ zěnyàng jiānxīn nǐngjìng, tā nà qīngxiù wēnnuǎn de miànpáng shàng zǒngshì yángyí zhe líng rén xīn'ān de cóngróng wēixiǎo yǔ jiǎndìng lìliang.

Dẫu ở trong hoàn cảnh khó khăn thử thách đến nhường nào, trên gương mặt thanh tú ấm áp của cô ấy lúc nào cũng rạng ngời nụ cười an yên và sức mạnh kiên định.

18 nét

HÁN VIỆT : TỔNG THỊ

HSK 3 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#947

足够

zúgòu

đầy đủ, thỏa đáng, đủ

面对复杂严峻的科技攻关挑战，我们拥有足够的战略定力、雄厚的人才储备与坚实的工业底气。

Miàn đối fù zá yǎn jùn de kē jì gōng guān tiǎo zhàn, wǒ men yǒng yǒu zú gòu de zhàn lüè dìng lì, xiǒng hòu de rén cái chǔ bèi yǔ jiān shí de gōng yè dǐ qì.

Đứng trước các thách thức vượt khó khoa học công nghệ hiểm nghèo phức tạp, chúng ta sở hữu đầy đủ định lực chiến lược thỏa đáng, nguồn tích lũy nhân tài dồi dào cùng nền tảng công nghiệp vững chắc.

19 nét

HÁN VIỆT : TÚ CÚ

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#948

足球

zúqiú

bóng đá; quả bóng đá

在全国青少年校园足球联赛总决赛中，两支球队在绿茵场上展现了默契协作与顽强拼搏风貌。

Zài quán guó qīng shào nián xiào yuán zú qiú lián sài zǒngjué sài zhōng, liǎng zhī dǎi biào duì zài lǜ yīn chǎng shàng zhǎn xiàn le mò qì xié zuò yǔ wán qiáng pīn bó fēng mào.

Tại trận chung kết Giải Bóng đá Học đường Thanh thiếu niên Toàn Quốc, hai đội tuyển đại diện đã phô diễn phong thái ngoan cường nỗ lực và phối hợp ăn ý trên sân cỏ.

22 nét

HÁN VIỆT : TÚ CẦU

HSK 3 (3.0)

Động từ / Danh từ

#949

组合

zǔhé

tổ hợp, kết hợp, phối hợp; bộ tổ hợp

空间站核心舱、实验舱与载人飞船成功实现六舱在轨交会对接，构成了蔚为壮观的在轨空间站组合体。

Kōng jiàn zhàn hé xīn cāng, shí yàn cāng yǔ zài rén fēi chuán chéng gōng shí xiàn liù cāng zài guī jiāo huì duì jiē, gòu chéng le wéi wéi zhuàng guān de zài guī kōng jiàn zhàn zǔ hé tǐ.

Khoang lõi trạm vũ trụ, khoang thí nghiệm cùng tàu vũ trụ chở người đã ghép nối thành công 6 khoang trên quỹ đạo, tạo nên một tổ hợp trạm không gian trên quỹ đạo vô cùng tráng lệ nguy nga.

17 nét

HÁN VIỆT : TỔ CẤP

HSK 3 (3.0)

Phó từ / Danh từ / Động từ

#950

左右

zuǒyòu

khoảng chừng, xấp xỉ; tả hữu hai bên; chi phối thao túng

新型国产支线客机经过两千小时左右的严苛适航取证试验验证，各项飞行性能指标完全达到国际先进水平。

Xīn xíng guó chǎn zhī xiàn kè jī jīng guò liǎng qiān xiǎo shí zuǒ yòu de yán kē shì háng qǔ zhèng shì fēi yàn zhèng, gè xiàng fēi xíng xíng néng zhǐ biāo wán quán dǎ dào guó jī xiān jìn biāo zhǔn.

Máy bay chở khách tuyến nhánh do nước ta sản xuất sau khoảng chừng hai ngàn giờ bay thử nghiệm kiểm chứng cấp chứng chỉ đủ điều kiện bay nghiêm ngặt, mọi chỉ số chỉ tiêu hiệu năng bay đã hoàn toàn đạt chuẩn tiên tiến quốc tế.

17 nét

HÁN VIỆT : TẢ HỮU

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#951

作品

zuòpǐn

tác phẩm (nghệ thuật, văn học, khoa học)

这部深刻反映我国脱贫攻坚伟大史诗的现实主义文学作品，荣获了全国精神文明建设“五个一工程”优秀作品奖。

Zhè bù shēn kè fǎn yǐng wǒ guó tuō pín gōng jiàn wéi dà shǐ shí de xiàn shí zhǔ yì wén xué zuò pǐn, róng huò le quán guó jīng shén wén míng jiàn shè "wǔ gè yī gōng chéng" yōu xiù zuò pǐn jiǎng.

Tác phẩm văn học mang tính hiện thực phản ánh sâu sắc thiên anh hùng ca xóa đói giảm nghèo vĩ đại của nước ta đã vinh dự đạt giải tác phẩm xuất sắc 'Công trình 5 mục tiêu' xây dựng văn minh tinh thần toàn quốc.

22 nét

HÁN VIỆT : TÁC PHẨM

HSK 3 (3.0)

Danh từ

#952

作者

zuòzhě

tác giả, người sáng tác

这位享誉海内外的杰出当代青年作者以其深沉细腻的笔触，在书中生动描绘了平凡奋斗者不平凡的壮丽人生。

Zhè wèi xiǎng yù hǎi nèi wài de jié chū dāng dài qīng nián zuò zhě yǐ qí shēn chén xì nì de bǐ chǔ, zài shū zhōng shēng dòng miáo huì le píng fán fèn dòu zhě bù píng fán de zhuàng lì rén shēng.

Tác giả trẻ đương đại xuất sắc lừng danh trong và ngoài nước này bằng ngòi bút sâu lắng và tinh tế đã khắc họa sinh động trong cuốn sách về cuộc đời tráng lệ phi thường của những con người phấn đấu bình dị.

24 nét

HÁN VIỆT : TÁC GIẢ

HSK 3 (3.0)

Động từ

#953

做客

zuòkè

làm khách, tới làm khách chơi nhà

逢年过节，热情好客的中国朋友常常邀请外国留学生到家里做客，品尝地道家常美味、共度温馨佳节。

Féng nián guò jié, rè qíng hào kè de zhōng guó péng yǒu cháng cháng yāo qǐng wài guó liú xué shēng dào jiā lǐ zuò kè, pǐn cháng dì dào jiā cháng měi wèi, gòng dù wēn xīn jiā jié.

Mỗi dịp lễ Tết, những người bạn Trung Quốc nhiệt tình hiếu khách thường mời các bạn lưu học sinh nước ngoài về nhà mình làm khách chơi nhà, cùng thưởng thức các món ngon gia đình chuẩn vị và đón ngày lễ ấm cúng.

21 nét

HÁN VIỆT : TỔ KHÁCH

LỘ TRÌNH CHINH PHỤC HÁN NGỮ FOXHSK

Đồng hành cùng hàng vạn học viên Việt Nam bứt phá chứng chỉ HSK & HSKK với phương pháp học tập cá nhân hóa chuẩn thể hệ mới.

BẬC SƠ CẤP

HSK 1 – 2 – 3

Xây dựng nền tảng phát âm chuẩn Bắc Kinh, nắm chắc bộ thủ, cấu trúc ngữ pháp cơ bản và phản xạ giao tiếp đời sống thường nhật.

BẬC TRUNG CẤP

HSK 4 – 5

Mở rộng 1.200 - 2.500 từ vựng thực chiến, rèn luyện kỹ năng đọc hiểu chuyên sâu, chinh phục học bổng du học toàn phần Trung Quốc.

BẬC CAO CẤP

HSK 6 & HSK 7-9

Làm chủ văn phong học thuật, thương mại và dịch thuật song ngữ. Đạt ngưỡng ngôn ngữ tinh thông như người bản xứ.



Phòng Thi Thử HSK Trực Tuyến

Bộ đề thi thật có bấm giờ, chấm điểm tự động & giải thích chi tiết



Học Từ Vựng Thông Minh SRS

Thuật toán ghi nhớ ngắt quãng tối ưu theo đường cong quên lãng



Tập Viết Chữ Hán Động Chuẩn Nét

Mô phỏng thứ tự nét bút chuẩn giáo khoa kèm quy tắc bút thuận



Trợ Lý AI Cáo Foxi 24/7

Giải đáp ngữ pháp, dịch song ngữ và chỉnh sửa lỗi sai bài thi

Tham Gia Hệ Sinh Thái Học Tập FoxHSK

Truy cập website chính thức để thi thử đề HSK miễn phí, tra cứu hơn 11.000 từ vựng và tải trọn bộ tài liệu học tập độc quyền.

[TRUY CẬP FOXHSK.COM →](https://foxhsk.com)

